

# BÁT NHÃ TÂM KINH



HT. Tuyên Hoá Lược Giảng  
Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.thuvienhoasen.org>

*Chuyển sang ebook 14-01-2012*

*Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Biệt giải văn nghĩa 1

Biệt giải văn nghĩa 2

Biệt giải văn nghĩa 3

Biệt giải văn nghĩa 4

---o0o---

## BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

"Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngã uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách. Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ tướng hành thức diệt phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, thị cố không trung vô sắc, vô thọ tướng hành thức, vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý. Vô sắc thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệt, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận, vô khổ tập diệt đạo, vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố. Bồ đề tát đỏa y bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn, tam thế chư Phật y bát nhã ba la mật đa cố đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề cố tri bát nhã ba la mật đa, thị đại thân chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư, cố thuyết bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

### **Bát nhã ba la mật đa tâm kinh.**

"Diệu trí phương hà đạt bỉ ngạn,  
Chân tâm tự năng khế giác nguyên  
pháp dụ lập danh siêu đối đãi  
Không chư pháp tướng thể tuyệt ngôn  
Tông thú nguyên lai vô sở đắc  
Lực dụng khu trừ tam trược  
Thực tô phán tác kỳ giáo nghĩa  
Ma ha phản chuyển bát nhã thuyên

### **Dịch:**

Dùng diệu trí mới đạt bờ giác  
Chân tâm tự năng hợp nguồn giác  
Lập danh pháp dụ vượt đối đãi  
Pháp tướng vốn không, thể không lời  
Tông thú xưa nay không chỗ đắc  
Dụng lực dẹp trừ ba chướng trược  
Thực tô xác định giáo nghĩa này  
Ma ha phản chuyển thuyên bát nhã".

Kinh này được phân ra thành hai phần : 1/ Giải thích tổng quát về danh đề .  
2/ Giải thích riêng về văn nghĩa.

Phần giải thích về danh đề được phân làm hai : Kinh đề và nhân đề.

Bản về đề mục của kinh, trong ba tạng kinh điển, mười hai phần giáo có bảy loại lập đề.

1/ Đơn nhân lập đề (lập đề mục riêng một người). Sao gọi là đơn nhân lập đề ? Như Phật thuyết kinh A Di Đà. Phật là người. Phật A Di Đà cũng là người, nên gọi là đơn nhân lập đề.

2/ Đơn pháp lập đề ( lập đề mục cho một pháp đơn độc).  
Sao gọi là đơn pháp lập đề ? Như Phật thuyết kinh Niết Bàn, Ngài dùng tướng pháp làm đề mục, đó là đơn pháp lập đề.

3/ Đơn dụ lập đề (dùng một ví dụ đơn độc mà lập ra đề mục). Phật thuyết kinh Phạm Võng, là ví dụ đơn độc. Vì sao ? Kinh Phạm Võng thuyết về giới luật. Giới luật giống như tràng la võng ( tràng lưới) ở cõi trời Đại Phạm. Tràng lưới này hình vòng tròn, được treo trước cung điện vua trời Đại Phạm; biểu hiện sự trang nghiêm. Mỗi tràng lưới có rất nhiều lỗ. Nơi mỗi lỗ có treo một hạt bảo châu. Những hạt châu này rất quý giá. Chúng hỗ tương chiếu sáng. Mỗi lỗ lưới đều tương thông lẫn nhau. Hạt châu này chiếu soi những hạt châu kia. Hạt châu kia chiếu soi những hạt châu nọ. Chúng hỗ tương soi sáng. Ánh sáng của chư vị chiếu soi ánh sáng của tôi. Ánh sáng của tôi chiếu soi ánh sáng của chư vị. Tuy nhiên, những ánh sáng này không lẫn áp xung đột lẫn nhau. Không thể cho rằng ánh sáng của tôi không được chiếu đến ánh sáng của chư vị và ánh sáng của chư vị không được chiếu đến ánh sáng của tôi. Ánh quang tương chiếu, lỗ lỗ tương thông. Giới luật cũng giống như những hạt bảo châu, ánh quang hỗ tương soi chiếu. Chư vị giữ một giới thì có một ánh quang. Chư vị giữ nhiều giới thì có nhiều ánh hào quang. Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, mỗi mỗi giới đều phóng ra giới quang, cũng giống như tràng lưới trời Đại Phạm vậy. Vì sao bảo châu chiếu rọi trong những lỗ lưới ? Ví như, trước khi thọ giới Bồ Tát, tâm chúng ta có những chỗ lậu hoặc. Tuy thế, những lậu hoặc này có thể chuyển đổi thành bảo châu. Chư vị giữ một giới thì có một hạt bảo châu chiếu sáng. Nếu phạm giới thì tạo lậu hoặc (lỗ hỏng).

Ánh sáng tương chiếu; lỗ lỗ tương thông cũng biểu thị cho Phật pháp. Tâm Phật, tâm Bồ Tát, tâm chúng sanh, tâm tâm tương ấn. Vì sao chư Phật chứng quả vị Phật ? Vì do tu hành giới luật mà thành tựu. Bồ Tát cũng nương nhờ

giới luật mà thành Phật. Chúng sanh cũng phải tôn thủ giới luật thì mới mong thành Phật được, biến hóa vô cùng, thật không cùng tận. Đây là do ví dụ mà lập đề như kinh Phạm Võng này.

Ba loại lập đề bên trên được gọi là đơn tam (ba lập đề đơn độc).

4/ Nhân pháp lập đề. Như kinh Văn Thù Sư Lợi vấn Bát Nhã, Văn Thù là người. Bát Nhã là pháp, cũng là pháp tướng. Thế nên gọi là nhân pháp (người và pháp) lập đề.

5/ Nhân dụ lập đề (người và ví dụ). Như kinh Như Lai Sư Tử Hống, Như Lai là người, sư tử hống là dụ. Đức Như Lai thuyết pháp cũng giống như tiếng rống của sư tử, khiến muôn thú đều run sợ.

6/ Pháp dụ lập đề. Như kinh này, Bát Nhã Ba La Mật Đa là pháp, tâm là ví dụ, nên kinh này lấy pháp và dụ lập đề.

Ba loại trên thuộc về lập đề kép. Sao gọi là kép ? Kép tức là trùng phức, hợp hai loại đề thành một.

7/ Nhân pháp dụ lập đề. Có người, có pháp, có dụ, đầy đủ cả. Như kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Đại Phương Quảng là pháp, Phật là người. Hoa Nghiêm là dụ. Đây biểu thị dùng nhân vạn hạnh mà làm hoa trang nghiêm cho quả đức vô thượng. Đại Phương Quảng là thuyết về thể của pháp. Hoa Nghiêm biểu thị dụng của pháp. Đại Phương Quảng tức nói về Phật đã tu các pháp đại phương quảng, rộng lớn mới thành Phật được. Nhân hoa vạn hạnh là tu chứng được lục độ cũng như hoa nở. Quả đức vô thượng chính là hạnh đức Phật quả. Thế nên bảo rằng dùng vạn hạnh như hoa làm chủng nhân để trang nghiêm hạnh đức Phật quả vô thượng. Ở trên là nói về bảy loại lập đề.

Nay tôi sẽ dùng kệ mà giải thích đề kinh. Mỗi phần đoạn dùng tám câu kệ để giải thích. Tám câu kệ này giảng rõ về kinh bát nhã ba la mật đa. Giảng về đề mục của kinh này, y chiếu theo năm loại huyền nghĩa.

Thứ nhất là giải thích danh nghĩa.

"Diệu trí phương hà đạt bỉ ngạn, (dùng diệu trí mới đạt bờ giác)".  
Sao gọi là diệu trí ? Bát Nhã là diệu trí. Đạt đến bờ bỉ ngạn (bờ giác) tức là bát nhã ba la mật đa. Vì thế, chư vị dùng trí bát nhã thì mới đạt đến bờ giác.  
"Chân tâm tự năng khế giác nguyên, (chân tâm tự khế hợp nguồn giác)".

Chân tâm này là chữ tâm, cũng là bát nhã. Chư vị có trí huệ vi diệu bát nhã. Khi có chân tâm này, thì tự nhiên năng khế hợp với nguồn giác, cũng là tương hợp với bốn giác của chư Phật, đắc được thể của bốn giác. Khế hợp được tức là tương hợp được, cùng hiệp thành một khối.

" Pháp dụ lập danh vượt đối đãi, (lập danh pháp dụ vượt đối đãi)".

Tâm kinh bát nhã ba la mật đa lấy pháp và dụ mà lập danh đề. Bát nhã ba la mật đa là pháp. Tâm là dụ. Bát nhã là gì ? Bát nhã có ba loại là văn tự bát nhã, quán chiếu bát nhã, thật tướng bát nhã. Dùng văn tự bát nhã mà xuất sanh quán chiếu bát nhã. Dùng quán chiếu bát nhã mà khế hợp với thật tướng bốn giác bát nhã. Cùng tốt thật tướng bát nhã chính là trí huệ, tức là trí huệ vi diệu, cũng gọi là trí huệ triệt đế. Trí huệ này thật triệt liễu, là trí huệ để mình trở về quê nhà, tức là trí huệ của chư Phật.

Sao nói như thế ? Vì trí huệ bát nhã chính là chân tâm. Chân tâm cũng là trí huệ. Chữ 'bát nhã' được dịch là 'chân tâm'. Kinh này nói về tâm trong tâm. Đây là tâm mà sáu trăm quyển bát nhã luôn đề cập tới. Bộ kinh này nói về tâm trong tâm. Bát nhã là tâm, cũng là tâm trong tâm. Tâm trong tâm nghĩa là tâm, nên gọi là tâm kinh. Vì chữ 'bát nhã' được dịch là 'nhất chân tâm', nên kinh đại bát nhã cũng gọi là kinh 'đại chân tâm'. Tâm này không phải là tâm giả dối, mà là diệu lý thật dụng.

Bộ tâm kinh là tâm trong tâm bát nhã, tuy chỉ có hai trăm sáu mươi chữ mà lấy chữ tâm trong kinh bát nhã làm chủ thể, nên gọi tâm trong tâm. Nay lại nói chữ tâm này, chính là tâm trong tâm, nên gọi là tâm kinh. Chân tâm biểu hiện chân tâm, nên dùng một chữ tâm. Pháp này là bát nhã ba la mật đa, cũng là pháp đạt đến bờ giác. Tâm là dụ. Kinh này lấy tâm trong một đời người làm chủ thể, nên tuyệt không và vượt ngoài đối đãi. Pháp tuyệt không đối đãi này cũng không có pháp nào đối đãi được, siêu việt, vượt ngoài cảnh giới đối đãi.

Thứ hai là hiển thể.

"Không chư pháp tướng thể tuyệt ngôn, (pháp tướng vốn không, thể không lời)".

Thể của kinh này là gì ? Tức là không có tướng của các pháp, cũng là các pháp không tướng. Không tướng tức không có tướng thật. Không chư pháp tướng được dùng làm thể của kinh. Tuyệt ngôn ngữ tức là không chỉ nói được. Thể đó là không chư pháp tướng; việc chi cũng không có, cho đến lời nói hay ho của chư vị cũng thể. Thể đã tuyệt ngôn ngữ tức là kinh xa lìa

tướng của ngôn ngữ lời nói. Xa rời tâm thường duyên theo hình tướng, xa lìa tướng văn tự, xa rời tất cả tướng, tức xa rời tất cả pháp.

Thứ ba là chỉ rõ tông thú (đường hướng của tông giáo).

"Tông thú nguyên lai vô sở đắc, (tông thú vốn không chỗ đắc". Câu thứ năm chỉ rõ đường hướng của tông giáo. Bộ kinh này theo tông chỉ gì ? Lấy vô sở đắc (không có chứng đắc) làm tông chỉ. Bên trên, kinh nói rằng vô trí diệt vô sở đắc (không trí cũng không có chỗ đắc). Tông thú (đường hướng của tông giáo) là gì ? Tức là không có chỗ đắc.

Nay dùng pháp thế gian mà giảng Phật pháp. Như con người, là danh xưng thông thường. Con người thì gọi là người. Kinh này gọi là kinh. Gọi tên người như thế nào ? Hoặc gọi Trương Tam, Lý Tứ, đó là giải thích về danh tự. Người đó tên là Trương Tam, mà cao, thấp, trắng, mập, ốm như thế nào ? Thế tánh của người đó ra sao ? Thân thể có hoàn toàn hay không ? Có mắt, mũi, tai không ? Nói rõ ràng thế tánh của người đó tức là hiển thể. Kế tiếp, chỉ rõ tông giáo. Chỉ rõ tông giáo như thế nào ? "Ông ấy là người rất cao, nên làm được nhiều việc khó nhọc. Ông ấy là người có học vấn, nên có thể làm bí thư. Đó là tông chỉ của ông ta ! Ông ta trước kia là người như thế nào thì nay có thể làm những việc như thế ấy".

Đó là nói rõ tông chỉ.

Thứ tư là luận bàn về dụng.

"Lực dụng khu trừ tam trược, (dùng lực dẹp trừ ba chướng trược". Dùng lực gì ? Để làm gì ? Dùng tâm kinh bát nhã ba la mật đa để làm chi ? Tức là dùng lực dụng của kinh này để phá trừ ba chướng. Ba chướng là gì ? Một là báo chướng. Hai là nghiệp chướng. Ba là phiền não chướng. Báo chướng có hai loại là chánh báo và y báo. Sao gọi là chánh báo, y báo ? Chánh báo tức là chúng ta đang thọ báo trong hiện tại, cũng là thân thể chính mình. Y báo tức là y cứ theo cuộc sống mà thọ báo, như y phục, thức ăn, chỗ ở, v.v... Chánh báo của con người là thân thể đẹp xấu, khỏe mạnh hay bệnh tật, tướng mạo anh tuấn hay xấu xí, người người trông thấy đều hoan hỷ, ái kính hay ghét bỏ. Hoặc giả người có trí huệ, hay có thiện căn. Tuy nhiên trong mỗi hạng, cũng phân làm hai.

Thứ nhất, người có trí huệ mà không có thiện căn. Vì sao thế ? Những hạng người này đa số đều từ quỷ quái yêu ma mà sanh ra trên thế gian. Như sơn tinh ở núi lâu năm thành yêu quái, là loài si mị võng lượng (quỷ xuất sanh từ

gỗ đá). Những loại quỷ thần đầu trâu mặt ngựa này là những yêu tinh lâu năm thường ăn thịt người, hay những yêu quái đã chết lâu rồi, nay trở lại làm người. Chúng rất thông minh như những người khác. Tuy nhiên, chúng làm việc gì cũng đều không thông minh, luôn làm những việc sai lầm, chuyên môn không giữ luật lệ. Những việc có hại đến người khác thì chúng đều làm. Chúng thường nói những điều làm loạn trật tự xã hội, vì sợ thiên hạ không bị loạn. Loại người này có trí huệ mà không có thiện căn. Lại nữa, người có thiện căn mà không có trí huệ. Có thiện căn là vì đời trước có làm những việc lành, nhưng không nghiên cứu kinh điển, nên không có trí huệ, rất ngu si. Bàn về chánh báo, có người tướng mạo đầy đủ, thọ mạng lâu dài, được phú quý. Lại có người tướng mạo xấu xí, thọ mạng ngắn ngủi, chết lúc tuổi còn nhỏ. Tất cả đều do tiền nhân hậu quả, (nhân trước quả sau).

Y báo là y phục, thức ăn, nhà cửa v.v...Y báo cũng là quả báo của đời quá khứ. Đời trước trồng nhân lành thì đời này được quả báo tốt. Đời trước trồng quả ác thì đời này chịu quả báo xấu. Tương lai có thể còn chịu quả báo xấu nữa. Đó là báo chướng.

Bàn về nghiệp chướng thì nghiệp tức là sự nghiệp, công nghiệp. Không luận người xuất gia hay tại gia, nhất định đều có sự nghiệp. Tạo ra sự nghiệp rồi thì nhiều vấn đề khó khăn phát sanh. Khi có khó khăn thì liền sanh phiền não, rồi gặp bao việc không vui. Đó gọi là nghiệp chướng.

Nói về phiền não chướng thì chúng ta ai ai cũng có ít nhất một loại phiền não. Phiền não này phát sanh từ đâu ? Nó do tâm tham, tâm sân, tâm si phát khởi ra. Sao chư vị phát sanh phiền não ? Vì có tâm tham, nên tham không được liền sanh phiền não. Vì có tâm sân hận nóng giận, mọi sự tình đều không hợp với tâm ý chư vị, liền phát sanh phiền não. Vì tâm ngu si, không sáng suốt, nên phát sanh phiền não. Vì còn tâm ngã mạn, kiêu căng, nên xem thường người khác, nên phát sanh phiền não. Vì tâm nghi, đối với tất cả sự tình đều phát sanh hoài nghi. Do có hoài nghi nên tạo ra phiền não. Lại vì còn tà kiến, nên kiến giải của chư vị không chánh đáng, nên phát sanh phiền não. Nếu có chánh tri chánh kiến, tức có trí huệ chân chánh thì đối với mọi việc, chư vị đều hiểu rõ ràng. Vì thông suốt từ đầu đến cuối nên không sanh phiền não. Vì vậy, phiền não do tâm tham lam, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến phát khởi lên.

Bộ tâm kinh này năng phá trừ được ba chướng là báo chướng, nghiệp chướng và phiền não chướng. Làm sao phá trừ được ? Do có trí huệ chân chánh, trí huệ vi diệu, tâm như như bất động, và chân tâm nên phá trừ được

ba chương. Chúng ta hiểu rõ giáo nghĩa tâm kinh bát nhã ba la mật đa thì mới có trí huệ chân chánh, dẹp trừ được ba chương.

Thứ năm là nói rõ giáo tướng.

"Thực tồ phán tác kỳ giáo nghĩa, (thực tồ xác định giáo nghĩa này". Dùng thực tồ mà xác định nghĩa lý tâm kinh bát nhã ba la mật đa. Thực tồ là thời đức Phật thuyết pháp Bát Nhã lần thứ tư. Đức Phật thuyết pháp có năm thời tám giáo. Năm thời tám giáo này do Trí Giả đại sư tông Thiên Thai phân lập ra.

Nay tôi y chiếu hai nghĩa trí huệ quyền thật mà thuyết về năm thừa.

Thời Hoa Nghiêm : Lần đầu tiên đức Phật thuyết pháp, vừa quyền vừa thật, cộng thảy hai mươi một ngày. Ngài thuyết ra thật pháp, thật trí, và quyền trí. Sao gọi là thật trí và quyền trí ? Kinh Hoa nghiêm giảng về đạo lý của pháp giới, mà trong đó có sự pháp giới và lý pháp giới. Sự lý vô ngại pháp giới, sự sự vô ngại pháp giới. Giáo nghĩa này tuy Phật vì Bồ Tát mà thuyết, nhưng cũng là pháp phương tiện quyền xảo cùng trí huệ chân thật của Phật pháp. Thời kinh Hoa Nghiêm là nhất quyền và nhất thật, (một quyền, một thật).

Thời A Hàm : Lần thứ hai, duy chỉ có quyền giáo pháp mà không thật pháp. Giảng về quyền giáo, dùng pháp môn phương tiện quyền xảo để dạy dỗ, giáo hóa chúng sanh. Trong thời thứ hai, chỉ có quyền pháp chứ không có thật pháp, không có thật trí.

Thời phương đẳng : Là thời thứ ba, có ba loại quyền, một loại thật. Tại sao? Vì thời này là bốn giáo đồng luận đàm. Bốn giáo là tạng, thông, biệt, viên. Dẹp phá thiên chấp tiểu giáo, tán thán đại giáo. Thiên chấp tức kiến chấp thiên lệch của chư vị không đúng. Phá tiểu, tức nói giáo lý tiểu thừa không đúng. Tán đại tức là tán thán đại thừa, phô trương viên giáo. Sao gọi là phương đẳng ? Vì đồng đàm luận bốn giáo. Đồng thời khi giảng về đạo lý bốn giáo cũng nói về ba loại quyền pháp, tức tạng, thông, biệt. Loại quyền pháp này cũng là viên giáo.

Thời Bát Nhã : Là thời thứ tư, có hai loại quyền và một loại thật. Hai loại quyền là thông giáo và biệt giáo. Một loại thật là viên giáo.

Thời Pháp Hoa, Niết Bàn : Chỉ có thật pháp mà không có quyền pháp, có thật trí, không có quyền trí, lại không có pháp phương tiện quyền xảo. Năm thời bên trên luận bàn y cứ theo pháp quyền thật. Năm thời này thường



được giảng tới giảng lui. Mỗi lần giảng kinh đều nhắc đến. Chư vị nếu thông được điểm nào thì hiểu được điểm đó.

"Ma ha phản chuyển bát nhã thuyền, (ma ha chuyển ngược thuyền bát nhã)".

Ma ha nghĩa là lớn. Chuyển ngược tức là đảo chuyển trở lại. Đảo chuyển như thế nào ? Tức đảo chuyển thuyền bát nhã. Tại sao chư vị muốn đảo chuyển thuyền bát nhã mà không đảo chuyển bát nhã ? Đảo chuyển gì ? Đó là đảo chuyển ngu si của mình. Chuyển được tức là niết bàn. Chuyển ngược dòng nước, phải dùng hết sức lực chứ không thể dễ duôi mà đi được. Tuy nhiên, không cần phải đợi ba a tăng kỳ mà trong một đời, hai đời, ba đời v.v..., có thể đắc được trí huệ chân chánh. Nói thời gian dài quá thì chúng ta đâm ra chán ngán, không muốn tu. Không muốn tu cũng không thể miễn cưỡng. Miễn cưỡng không phải là đạo. Thế nên đệ tử của tôi muốn đọa lạc thì cứ đọa lạc. Chư vị không muốn chuyển ngược thuyền bát nhã, thì thuận theo dòng nước lớn mà trôi xuống, càng trôi xuống thì càng xa. Nếu chư vị chuyển ngược, tức là đi trở lên dòng nước. Nếu không muốn phản chuyển, thì sẽ đi xuống theo dòng hạ lưu. Xem thấy chư vị đang đi lên thượng lưu, rồi lại chạy xuống theo dòng hạ lưu.

Bát nhã ba la mật đa là pháp. Tâm là ví dụ. Kinh là bộ kinh này. Kinh có thông danh và biệt danh. Thông danh là thông nhiếp hết mọi bộ kinh. Biệt danh là mỗi bộ kinh có danh tự riêng biệt, những bộ kinh khác không có tên giống nhau. Tâm kinh bát nhã ba la mật đa là biệt danh của bộ kinh này. Bộ tâm kinh bát nhã ba la mật đa này thuộc trong bộ Bát Nhã, biểu thị tâm trong tâm.

Sao gọi là kinh ? Kinh tức là kinh pháp thường bất chuyển, không thể thay đổi. Một chữ cũng không thể bỏ được, hay cũng không một chữ được. Đó là kinh pháp thường bất biến.

Lại "kinh" là một con đường, nghĩa là tu hành phải đi qua một con đường nhất định. Chư vị có muốn tu hành à ? Nhất định chư vị phải đi trên đường đạo này. Nếu chư vị không đi trên đường đạo này thì sẽ bị lạc vào rừng rậm hoang vu. Chư vị phải nên đi trên đường tu hành thì không bị lạc đường. Ngày này qua ngày nọ đều được bình an, sáng suốt. Sao gọi là đi lạc ? Vì chư vị xưa nay quên mất, không biết tụng niệm kinh này. Qua ba bốn tháng, không tụng niệm nên quên mất, mới đi lạc. Tụng kinh được lợi ích gì ? "Tụng kinh không được lợi ích gì cả, chỉ mất thời gian, tốn sức thôi. Tụng bộ kinh này từ đầu cho đến cuối tốn khí lực, thời gian, tinh thần. Sao lại cho là có ích lợi ?"

Này chư vị cư sĩ ! Đừng để tâm vô minh che lấp. Chư vị đừng tìm cầu lợi ích. Càng tìm cầu thì càng không chân thật. Phạm sở hữu tướng, giai thị hư vọng (nếu còn có tướng thì đều là hư giả cả). Nếu có hình có tướng mà chư vị có thể thấy được thì không phải là lợi ích chân thật. Tại sao lại không thấy được ích lợi ? Chư vị tụng kinh một lần thì tự tánh được rửa sạch một lần. Như khi chư vị tụng kinh Kim Cang, tụng qua một lần thì hiểu rõ ý nghĩa của kinh đôi chút. Tụng hai lần thì hiểu thêm nữa. Tụng ba lần thì lại càng hiểu rõ thêm. Tụng kinh khiến trí huệ tự tánh càng gia tăng. Nhưng khi trí huệ gia tăng thì chư vị không thể thấy, chỉ tự cảm giác thôi. Thế nên, lợi ích của sự tụng kinh không thể nói hết được.

Nhưng, không nên vì tụng kinh mà sanh ra phiền não. Chớ nói ": Này đạo hữu ! Đạo hữu tụng kinh quá nhanh, khiến tôi theo không kịp. Hoặc đạo hữu tụng kinh quá chậm, khiến tôi phải đợi. Hoặc tiếng tụng kinh của đạo hữu không hay lắm, khiến tôi không thích nghe."

Không nên dùng công phu tu học như thế. Chúng ta biết rằng mọi người đều là những kẻ mới bắt đầu học Phật pháp. Không phải ai cũng biết tụng kinh hết, hay có người biết tụng mà không muốn tụng. Nhưng, tất cả mọi người đều phải đồng tụng kinh. Được như thế thì ai ai cũng đều đồng huân tu tập. Lại nữa, không nên mình tìm lỗi xấu người; người khác tìm lỗi xấu mình. Nếu thật có lỗi xấu thì mọi người nhất định phải tự mình nhìn thấy. Nếu không tự mình nhìn thấy thì lỗi xấu càng ngày càng nhiều; tu hành không thể tương ưng với đạo được. Thế nên, tụng kinh tức là hộ giúp cho tự tánh mình. Hộ giúp việc gì ? Tức là hộ giúp khai mở trí huệ. Tụng kinh Kim Cang thì trí huệ được khai mở. Tụng tâm kinh cũng khai được trí huệ. Thế nên, chư vị bảo tụng kinh không có lợi ích nhưng kỳ thật sự lợi ích này rất lớn. Chư vị không thể thấy được lợi ích thì mới chân thật là lợi ích. Nếu chư vị thấy được lợi ích thì đó chỉ thấy ngoài da thôi. Đó là ý nghĩa của sự tụng kinh.

Kinh cũng có bốn loại ý nghĩa, tức là quán, nhiếp, thường, pháp. Chữ quán, nghĩa là quán xuyên, tức là tất cả nghĩa lý đều nối thông với nhau như nối lại tất cả đường chỉ với nhau.

Nhiếp tức là nhiếp trì hóa độ những chúng sanh có duyên lành. Kinh năng nhiếp thủ những chúng sanh có cơ duyên, tùy theo bệnh mà cho thuốc. Sao gọi là nhiếp ? Chư vị có thấy nam châm hút sắt không ? Tuy sắt ở xa, nhưng nam châm vẫn hút được. Kinh cũng giống như nam châm hút sắt. Tất cả chúng sanh như sắt cứng, ương ngạnh cứng cõi, tánh nóng giận hỷ hùng,

lỗi làm đầy đầy. Nhưng nhờ sức hút của kinh, tâm tánh chúng sanh từ từ nhũn nhặn, tập khí cũng dần dần tiêu hết.

Chữ thường nghĩa là vĩnh viễn thường hằng bất biến. Mãi không biến đổi là từ đầu đến cuối, từ xưa đến nay, đều y chiếu theo kinh mà tu hành.

Pháp là phương pháp. Dùng phương pháp này để tu hành. Đòi quá khứ, hiện tại và vị lai đều dùng phương pháp này mà tu hành. Vì vậy ba đời đồng tôn kính gọi là pháp. Xưa và nay không đổi nên gọi là thường.

Lại nữa, kinh nghĩa là mực thước. Thợ mộc xưa kia dùng dây nhuộm phần đen. Khi muốn gạch lằn ngang liền căng dây ra, rồi ấn xuống. Khi lấy dây lên tạo ra một lằn phần đen để làm mực thước, không như hiện nay có phần có thước kẻ đường ngay ngắn.

Tóm lại, kinh là quy củ, tiêu chuẩn, mực thước. Nay chúng ta nghiên cứu kinh Bát Nhã, cũng là y theo quy tắc Bát Nhã. Chư vị nếu y theo quy tắc Bát Nhã thì nhất định sẽ khai mở trí huệ.

Giải thích danh đề tổng quát.

Giảng về đề kinh, đại khái cũng giống như những lời giảng ở phần trên. Nay giảng trách về người phiên dịch. Hiện tại, chúng ta hiểu rõ bộ kinh này phải nhớ ơn người phiên dịch. Nếu không có người phiên dịch, sợ rằng ngày nay chúng ta không thể đọc, nghe được tên kinh này. Nếu không được nghe, không được đọc đến tên kinh này thì chúng ta y chiếu theo kinh nào, phương pháp nào để tu hành? Không có phương pháp thì làm sao chúng ta tìm được con đường tu hành. Thế nên, chúng ta phải tri ân người phiên dịch kinh. Trải qua bao thời đại, người dịch giả, vì lòng từ bi giáo hóa chúng sanh nên phát tâm phiên dịch kinh điển và lưu truyền lại cho đến hôm nay. Thế nên, công đức của người phiên dịch kinh điển không thể nghĩ bàn, thật to lớn. Người phiên dịch kinh này là ai? Chính là do tam tạng pháp sư Đường Huyền Trang vâng chiếu dịch kinh. Đường tức là Đường triều. Tam tạng là kinh tạng, luật tạng, và luận tạng. Tạng kinh có rất nhiều bộ kinh. Tạng luật giảng về giới luật. Tạng luận giảng về đạo lý kinh điển.

Pháp Sư là lấy pháp làm thầy, đem pháp bố thí cho người. Dùng tam tạng kinh điển của Phật pháp làm thầy mình, và đem pháp giáo hóa chúng sanh, nên gọi là tam tạng Pháp Sư. Mỗi vị pháp sư hiện nay tôn tam tạng kinh điển làm thầy và đem pháp ra giáo hóa chúng sanh. Đầy đủ hai nghĩa này thì chư

vị mới có thể gọi họ là vị pháp sư tôn kính pháp làm thầy và dùng pháp để giáo hóa chúng sanh.

Huyền Trang là tên của một vị pháp sư. Căn cơ của Ngài rất thâm hậu, áo diệm. Cảnh giới của Ngài thật không thể nghĩ bàn. Bàn về Phật giáo đời cận đại, Ngài là một vị pháp sư rất cao thâm, vĩ đại. Vì sao ? Ngài qua Ấn Độ thỉnh kinh. Khi ấy, chưa có phương tiện giao thông như máy bay, xe lửa, tàu bè, chỉ dùng ngựa thôi. Thế nên, Ngài cỡi ngựa từ Tân Cương qua trung tâm Á Tế Á, vượt dãy Hy Mã Lạp Sơn đến Ấn Độ. Cuộc hành trình của Ngài xa viễn, gian khổ. Chưa ai làm được như Ngài. Trước khi qua Ấn Độ thỉnh kinh, mỗi ngày Ngài thực tập đi bộ từ sáng đến tối. Vùng gần nhà không có núi, Ngài sắp ghế bàn lại với nhau, rồi nhảy qua bàn qua ghế, thực tập cách leo núi, trèo non. Vì vậy trên đường từ trung tâm Á Tế Á đến Ấn Độ, tuy có rất nhiều núi non hiểm trở cheo leo, nhưng nhờ khi ở nhà Ngài đã từng thực tập chuẩn bị rồi nên Ngài đi như bay, bao nguy hiểm đều vượt khỏi. Cuối cùng, Ngài đạt mục đích là đến được Ấn Độ. Ngài lưu lại Ấn Độ mười bốn năm ròng rã, rồi sau đó thỉnh kinh trở về nước để phiên dịch.

Phụng chiếu dịch; phụng là thừa phụng; chiếu là chiếu thư; dịch tức là phiên dịch. Từ tiếng Phạm của Ấn Độ, phiên dịch thành tiếng Hoa. Nay có nhiều vị cư sĩ thông đạt Anh văn, Phạm văn, Đức văn v.v... Nếu có thể phiên dịch ra nhiều ngôn ngữ ở tây phương thì công đức thật vô lượng. Ảnh hưởng này không phải một đời mà kéo dài đời này qua đời nọ. Người tây phương sẽ rất tri ân. Vì vậy, tôi hy vọng mỗi vị Phật đừng để người sau thất vọng, mà hãy mau học tiếng Tàu, rồi phiên dịch kinh điển ra tiếng Anh, ngõ hầu công hiến phục vụ cho người tây phương. Hãy tranh thủ mà làm. Ngày nay thế giới thật là hư hoại. Chỉ có Phật pháp mới năng vãn hồi cứu độ kiếp ác này. Nếu mọi người đều không hiểu Phật pháp thì e sợ rằng thế giới sẽ đến thời kỳ diệt vong. Đạo Gia Tô nói về ngày tận thế. Ngày tận thế cũng không xa lắm đâu ! Nếu kinh điển Phật giáo được phiên dịch qua tiếng Anh, khiến người người đều thông hiểu Phật pháp, biết rõ rằng không nên lười biếng, cố gắng tiến bước phát tâm tu đạo. Nếu được như thế thì ngày tận thế càng lúc càng xa vời, và không biết con người sẽ sống đến bao nhiêu đại kiếp nữa, hoặc giả không có luôn ngày tận thế. Tại sao ? Vì Phật pháp thường chuyển đại pháp luân, nên khiến mặt trời luôn trụ mãi, không tan mất đi. Vì vậy, không có ngày tận thế. Mọi việc trên thế gian đều sống động cả. Chúng không chết cứng, ù lì. Ngày tận thế thật chẳng phải là ngày tận thế. Nếu đến ngày tận thế, cũng không chính là ngày tận thế. Việc quan trọng là nếu mọi người đều học Phật pháp thì chắc sẽ không có ngày tận thế. Nếu không ai chịu học Phật pháp thì ngày tận thế đã đến. Lý này rất sống động chứ không cứng nhắc.

Giống như lúc trước có tin rằng trong tháng tư năm nay thành phố Cựu Kim Sơn sẽ có động đất, cả thành phố đều sẽ bị chìm xuống biển. Tin đồn này không phải mới phát sanh trong năm nay mà năm trước cũng đã có rồi. Nhiều kẻ giàu có, sợ chết chìm nên đã bỏ đi đến sống nơi khác. Năm rồi tôi có nói rằng chư vị chỉ nên cố gắng học Phật pháp thì thành phố Cựu Kim Sơn sẽ không bị động đất. Năm nay tôi lại nói rằng chư vị nên thành tâm tụng chú đại bi, học Phật pháp. Tôi bảo đảm với chư vị là thành phố Cựu Kim Sơn sẽ không bị động đất. Những lời này tôi cũng đã từng nói với chư vị rồi. Tại sao cho đến nay Cựu Kim Sơn cũng chưa có động đất ? Có phải là do sự cảm ứng không ? Chư vị thành tâm tụng chú Lăng Nghiêm, học Phật pháp nên thiên long bát bộ đều ủng hộ đạo tràng. Vì vậy, không phát sanh động đất. Việc này cũng giống như ngày tận thế. Ngày tận thế chuyển thành ngày không tận thế. Hà huống có sự động đất ở vùng Cựu Kim Sơn ? Muốn động đất cũng không có động đất, như chúng ta muốn đòi nhà nhưng không tìm được nơi thích hợp nên không thể đòi đi được. Không thể tìm được nơi tương xứng nên vùng Cựu Kim Sơn sẽ không bị động đất.

---o0o---

## Biệt giải văn nghĩa 1

### Quán Tự Tại Bồ Tát.

"Hồi quang phản chiếu quán tự tại  
Giác chư hữu tình tức tát đỏa  
Như như bất động tâm quân thái  
Liễu liễu thường minh chủ nhân ông  
Lục chủng thần thông hồn gian sự  
Bát phương phong vũ cảnh vô hống  
Quyện chi tắc thối tạng ư mật  
Phóng chi tắc di lục giáp trung

Dịch:  
Hồi quang phản chiếu Quán Tự Tại  
Giác chư hữu tình tức Tát Đỏa  
Như như bất động tâm quân thái  
Rõ rõ thường biết, chủ nhân ông  
Sáu loại thần thông hồn gian sự  
Mưa gió tám phương không sợ hãi

Quyện cuộn tròn giữ nơi bí mật  
Phóng xả liền đầy khắp thế gian".

Quán Tự Tại Bồ Tát. Quán tức là quán tưởng. Tự Tại là trong mọi thời đều an lạc, không buồn, không bị trở ngại. Không trở ngại tức là Quán Tự Tại. Chư vị nếu bị trở ngại thì không tự tại.

"Hồi quang phản chiếu Quán Tự Tại".

Chư vị hồi quang phản chiếu thì quán tự tại. Bằng ngược lại thì không thể quán tự tại. Sao gọi là hồi quang phản chiếu ? Hồi quang phản chiếu tức là trong mọi việc đều phải tự hỏi chính mình. Ví như người khác đối xử không tốt, thì mình phải tự hỏi lấy rằng tại sao như thế. Mình phải tự suy nghĩ. A ! Nguyên nhân vì mình không tốt. Đó gọi là hồi quang phản chiếu. Nếu có người đối xử không tốt mà không kể mình đúng hay sai, liền ùng ùng đánh đối phương lỗ đầu chảy máu. Thật là tự mình không có lý trí. Chư vị hồi quang phản chiếu thì có lý trí. Vì thế, hồi quang phản chiếu là quán tự tại. Hãy tự hồi quang phản chiếu xem coi mình có được tự tại hay không ? Tự tại tức là tự chính mình. Tại tức là hiện tại ngay nơi đây. Tôi sẽ giải thích cho chư vị từng chữ một. Sao gọi là ngay tại đây ? Nói cách khác, chư vị có khởi vọng tưởng hay không ? Nếu khởi vọng tưởng thì không được tự tại. Không có vọng tưởng thì được tự tại. Ngay tại nơi đây, chư vị hãy nhìn xem, thật rất đơn giản ! Chư vị hồi quang phản chiếu tức là tự xem coi mình có vọng tưởng hay không. Có vọng tưởng tức không tự tại. Không vọng tưởng tức được tự tại. Chư vị thấy có vi diệu lắm không !

"Giác chư hữu tình tức Tát Đỏa".

Sao gọi là Bồ Tát ? Bồ Tát nghĩa là giác ngộ cho loài hữu tình. Giác nghĩa là người tâm trí được thông suốt minh mẫn; tâm không rối loạn. Thêm chữ 'thủ (tay)' bên cạnh chữ 'giác' thì thành chữ 'giáo (rối)'. Như thế không giác ngộ cho loài hữu tình được, chỉ khiến cho họ càng thêm ngu si. Giác ngộ cho loài hữu tình nghĩa là khiến cho tất cả loài hữu tình đều được trí huệ minh mẫn thông suốt. Loài hữu tình là ai ? Hữu tình tức là chúng sanh. Chư vị chớ hiểu lầm chữ nghĩa. Giảng về loài hữu tình đây đại khái nói đến loài có tình ái ! Giác ngộ loài hữu tình nghĩa là khiến cho tình ái của chúng đều dứt sạch. Luyến ái hết tận thì là Tát Đỏa. Đó là Bồ Tát. Do đó tâm được an nhiên, như như bất động.

"Như như bất động tâm quân thái, (như như bất động tâm thư thái)".

Như như bất động tức là không pháp nào mà không như như. Tất cả pháp đều là như pháp. Mọi phiền não, chướng ngại đều không có. Như như bất động cũng là định lực. Tâm quân thái nghĩa là tâm luôn luôn thư thái an nhiên. Kinh Pháp Hoa nói : "Kỳ tâm thái nhiên (tâm thư thái an nhiên này)".

Thái nhiên tức là tâm an lạc bình thản.

"Liễu liễu thường minh chủ nhân ông, (rõ rõ thường biết, chủ nhân ông)". Chư vị phải có trí huệ bát nhã liễu liễu thường minh (rõ rõ thường biết), chớ nên để tâm bất liễu (không rõ), bất minh (không biết), hay bất minh (không biết) bất liễu (không rõ). Do đó, phải liễu (rõ) lại thêm liễu (rõ), minh lại thêm minh (biết). Liễu liễu minh minh (rõ rõ, biết biết). Minh minh liễu liễu (biết biết rõ rõ). Phải thông suốt tất cả. Không hồ đồ (mê mờ), không ngu si. Rõ biết việc không đúng mà cứ làm. Có phải đã ngu si lại tăng thêm một lớp ngu si nữa không ? Đây chỉ vì không biết rõ ông chủ của mình. Có người nói: "Ông chủ tức là mình làm chủ được. Mình chính là ông chủ. Mình có thể bảo người khác, mà không thể bị người khác sai bảo. Bất cứ công việc gì mình cũng không làm, chỉ cần bảo người khác làm cho mình".

Có phải như thế không ? Xin đáp rằng không phải như thế.

Tâm quân thái (an nhiên thư thái). Ông chủ tức không nói lời nhảm nhí, không làm việc xằng bậy. Đó là chư vị tự làm chủ được. Làm chủ được tức tự mình có trí huệ chân chánh. Ông chủ có trí huệ chân chánh không còn có những suy nghĩ tà tri tà kiến. Nếu còn làm những việc tà quấy thì vẫn còn ngu si.

"Lục chủng thân thông hồn an sự, (sáu thân thông chỉ thông thường)".

Nếu chư vị thường tự làm chủ thì sẽ đắc được sáu thân thông. Sáu thân thông là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm tâm, thần túc thông, túc mệnh thông, lậu tận thông. Sao chư vị không có sáu thân thông ? Vì chư vị không tự làm chủ được. Gặp cảnh giới liền chấp trước, nên bị cảnh chuyển. Thấy việc lạ kỳ, tâm tư thay đổi, tức chư vị bị cảnh chuyển mà chưa chuyển được cảnh. Nếu chư vị có thể chuyển được cảnh thì bất cứ cảnh giới nào đến, không thể bị giao động. Đừng nói lúc tỉnh giác mà khi mộng寐 cũng không bị cảnh giới chuyển. Đó mới thực là chủ nhân ông.

Nếu làm chủ được thì có trí huệ chân chánh. Khi ấy sáu thân thông là chuyện bình thường. Không phải là việc khó có mà rất phổ thông, bình thường.

"Bát phương phong vũ cảnh vô hồng, (gió mưa tám hướng không khinh sợ)".

Gió mưa tám hướng tức là "tám gió thổi không động, ngòi vững trên hoa sen vàng tím".

Tô Đông Pha làm kệ :

" Ngưỡng thủ thiên trung thiên.

Mao quang chiếu đại thiên.

Bát phong xuy bất động.

Đoan tọa tử kim liên"

Dịch :

"Kính đấng trời giữa trời.

Lông mao chiếu đại thiên

Tám gió thổi không động

Ngòi vững sen vàng tím".

Thiền sư Phật Ấn liền đề bốn chữ : " Phóng thí ! Phóng thí ! (đánh rắm, đánh rắm)".

Tô Đông Pha vừa thấy bốn chữ này liền giận dữ, không nhịn được. Khi ấy ông ta không những đánh rắm mà còn phóng hỏa nữa (lửa nổi lên trong lòng), thậm chí muốn thiêu đốt luôn ngài Phật Ấn. Thế nên, từ Giang Nam, ông lập tức đến Giang Bắc để tìm ngài Phật Ấn. Vừa gặp, ông liền hỏi : "Ông Thầy kia ! Sao dám mắng chửi người ? Tôi nói những lời ngộ đạo mà sao Thầy lại nói rằng tôi 'đánh rắm' ?"

Ngài Phật Ấn bảo : " Tôi có chửi mắng ai đâu ? Ông nói rằng tám gió thổi cũng không động mà tôi chỉ viết hai câu 'đánh rắm' thì ông lại từ Giang Nam chạy đến Giang Bắc. Sao ông nói tám gió thổi không động ? Chỉ cần có hai câu của tôi thôi mà khiến ông phải đến nơi này".

Tô Đông Pha suy nghĩ một hồi. "Đúng rồi ! Tám gió gì cũng không động mình. Chỉ có bốn chữ mà khiến phải nổi nóng mà đến đây. Thật không đúng".

Do đó ông đành lễ sám hối.

Sao gọi là tám gió. Tức là xung, ky, khổ, lạc, lợi, suy, đắc, thất. Xung nghĩa là xung tán. "A ! Đạo hữu thật là Phật tử chân chính, lại hiểu rõ Phật pháp, có trí huệ, cũng rất thông minh, biện tài vô ngại !"

Đó là xung tán chư vị



Ky nghĩa là ky phúng. "Sao đạo hữu lại học Phật pháp. Hiện tại là thời đại khoa học. Học những lời cổ xưa cả mười tám đời, thật không có ý nghĩa gì hết. Hãy suy nghĩ kỹ. Thời đại khoa học sao lại học Phật pháp, nhân nhân quả quả, vô nhân vô ngã. Trong thời đại khoa học, mình là mình và người lại là người."

Đó là lời ky phúng (chê bai).  
Khô đầu cũng là một loại gió.

Lạc tức là an lạc, sung sướng. Ăn ngon, mặc đẹp, ở sang trọng, ngày ngày đều sung sướng an lạc. Việc gì cũng mong tốt đẹp hết. Đó là một loại gió. Lợi tức là lợi ích. "Tôi tu hành rất khổ cực. Tôi cũng không khởi vọng tưởng, lại có người cúng dường cả chục ngàn đồng để giúp tôi xây chùa, nên tâm tôi rất vui vẻ".

Suy là suy bại. Có người muốn phá hoại, nói : " Hòa Thượng kia không tốt. Việc gì thầy cũng làm. Chớ nên tin tưởng thầy đó. Tốt nhất là hãy tin tôi." Đắc nghĩa là được. Thất tức là mất. Chúng đều là gió cả. Gió mưa tám hướng mà không khinh sợ thì tám gió thổi đến cũng không động. "Quyện chi tắc thổi tạn ư mật, (cuộn lại giữ gìn trong bí mật)". Bộ kính này phải nên để nơi thanh tịnh, không nên để nơi bất kính. Chư vị phải tôn kính bộ kính này.

"Phóng chi tắc di lục giáp trung, (mở ra chấn động khắp thế gian)". Một khi mở kính ra thì trí huệ Bát Nhã phóng quang đầy khắp sáu phương (tức đông tây nam bắc và trên dưới). Chư vị có thấy pháp môn Bát Nhã vi diệu lắm không ?

**"Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời,** (lúc hành thâm bát nhã ba la mật đa).

Hành đạo tu thân mạc ngoại tầm  
Tự tánh Bát Nhã thâm mật nhân  
Bạch lãng xung tiêu hắc ba chỉ  
Niết bàn bỉ ngạn nhậm vận đấng  
Thời hề thời hề vật thác quá  
Thận chi thận thủ thiên chân  
Yếu yếu minh minh thông hựu tức  
Hoảng hoảng hốt hốt kiến bản tôn

Dịch:

Hành đạo tu thân chớ tìm ngoài  
Tự tánh Bát nhã thâm mật  
Bọt trắng tiêu, sóng đen dừng  
An nhiên bước lên bờ Niết Bàn  
Thời qua thời chớ đánh mất dịp  
Thận trọng thận trọng giữ thiên chân  
Mờ mờ ảo ảo thông tin tức  
Vội vội vàng vàng thấy bản tôn."

Hành tức là tu hành. Thâm là đối ngược với thô thiển mà gọi là thâm. Bát nhã là trí huệ. Ba la mật đa là đạt đến bờ giác. Thời là thời gian. Đoạn này nói về Bồ Tát Quán Tự Tại tu hành thâm nhập bát nhã, chớ không phải tu bát nhã thô thiển. Sao gọi là thâm bát nhã ? Đó là diệu trí huệ. Sao gọi là bát nhã thô thiển ? Đó là giáo pháp tiểu thừa, bốn diệu đế, mười hai nhân duyên. Nhờ diệu trí huệ chân chánh mới đạt đến bờ giải thoát. Nếu chư vị không có trí huệ chân chánh thì không thể đạt đến bờ giác được. AI năng đạt đến bờ giác ? Là Bồ Tát Quán Tự Tại. Nơi đây Phật Thích Ca Mâu Ni đề cử ra Bồ Tát Quán Tự Tại, là vị Bồ Tát tu hành pháp Bát Nhã thâm thâm và đã đạt đến bờ giải thoát. Thế nên nói rằng hành thâm bát nhã ba la mật đa thời.

Người nhị thừa chỉ tu bát nhã thô thiển mà không tu pháp bát nhã thâm thâm. Sao gọi là bát nhã thô thiển ? Tức là năng phân tích, gỡ tháo pháp không. Tích tức là phân tích. Phân tích vi tế. Phân tích những gì ? Phân tích sắc pháp, tâm pháp. Sao gọi là sắc pháp ? Sắc pháp là có hình có tướng, có thể nhìn thấy được. Sao gọi là tâm pháp ? Tâm pháp là không thể nhìn thấy được. Hữu hình tức là có sắc pháp. Vô hình tức là tâm pháp. Hữu hình là gì ? Tất cả vật có tướng trạng đều gọi là hữu hình. Tâm pháp thì vô hình vô tướng, chỉ có trí giác. Có trí giác và vô hình vô tướng gọi là tâm pháp. Có hình tướng nhưng lại vô tri giác là sắc pháp. Sắc trong năm uẩn tức là sắc pháp, thọ, tưởng, hành, thức cũng gọi là tâm pháp. Thọ tưởng hành thức thì vô hình tướng. Lúc Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm bát nhã ba la mật đa, thì thấy rõ năm uẩn đều không. Ngài nhận thấy chúng đều không. Ngài bảo : "Sắc không khác không, không không khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tưởng hành thức cũng đều như thế. Thọ tưởng hành thức giống như sắc pháp, cũng là không".

Nay giảng về không vì Bát Nhã đàm luận về không. Tánh không có rất nhiều loại. Nay chỉ giản lược nói về năm loại.

Thứ nhất là ngoan hư không. Ngoan tức là ngoan bì (ngu hèn). Gọi là hư không vì nó vô tri vô thức, không có sự tồn tại của tánh tri giác. Tất cả mọi người đều biết là hư không (trông rỗng). Mọi người đều chấp trước hư không. Mắt thấy hư không nhưng không có tánh tri giác, nên gọi là ngoan hư không. Phạm phu chấp trước cũng là ngoan hư không. Sao gọi là hư không ? Tức là không có chi hết, nhưng có thật là chân không, không ? Không phải, đó là ngoan (ngu ngơ) hư không. Đây là hư không mà phạm phu thường chấp trước.

Thứ hai là đoạn diệt không. Đó là gì ? Là không mà ngoại đạo chấp trước vào. Ngoại đạo không biết ý nghĩa của không. Họ cho rằng người chết rồi là hết, đoạn diệt luôn, cũng là không. Thế nên, họ chấp vào đoạn diệt không. Thứ ba là pháp không quán. Người nhị thừa tu tích pháp không quán. Tích cũng là phân tích sắc tức là sắc, tâm tức là tâm. Họ không biết tất cả đều là không. Thế nên không thể đắc và chứng được diệu lý chân không, chỉ tạm trú tại hóa thành thôi, không đồng với địa vị của Bồ Tát. Hóa thành là nơi không vọng, chỉ là trạm dừng chân. Họ tu loại tích pháp không quán, nên gọi là bát nhã thô thiển. Bát nhã thô thiển tức là bát nhã không thâm sâu. Họ tu hành pháp bát nhã này thì chấm dứt phần đoạn sanh tử, nhưng biến dịch sanh tử vẫn còn. Sao gọi là phần đoạn sanh tử ? Ai ai cũng có thân thể. Chư vị có một phần. Tôi có một phần. Từ sanh đến chết có một đoạn. Một phần một đoạn gọi là phần đoạn sanh tử. Phần đoạn cũng gọi là hình đoạn của mỗi người. Chư vị cao năm thước. Họ cao sáu thước. Lại có người cao bảy thước. Mỗi người đều có một phần đoạn. Thánh nhân chứng sơ quả, nhị quả, tam quả, và tứ quả A La Hán chặt đứt được phần đoạn sanh tử mà vẫn còn biến dịch sanh tử.

Sao gọi là biến dịch sanh tử ? Biến tức là biến hóa. Dịch tức là dung dịch, cũng là biến hóa, giao dịch, mâu dịch. Biến dịch sanh tử là gốc của phần đoạn sanh tử. Vì sao gọi là thế ? Biến dịch sanh tử cũng là bao loại vọng tưởng. Những vọng tưởng này luôn lưu xuất, vọng niệm trước diệt, vọng niệm sau sanh, vọng niệm sau diệt, vọng niệm kế lại sanh. Sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, nên gọi là biến dịch sanh tử. một niệm diệt tức là mất. Một niệm sanh tức là đã sanh, cũng là vọng niệm của chúng ta. Tứ quả A La Hán chưa đoạn diệt hẳn hết, nên chỉ có Bồ Tát đại thừa mới năng đoạn tận hết. Biến dịch sanh tử cũng là cội gốc sanh tử của chúng ta. Sao chúng ta có sanh tử ? Vì chúng ta có vọng tưởng. Những vọng tưởng này phát sanh từ đâu ? Vọng tưởng vốn do vô minh phát sanh. Vì có vô minh nên mới phát sanh bao loại vọng tưởng.

Thứ tư là thể pháp không quán  
Duyên Giác tu thể pháp không quán  
Thứ năm là diệu hữu không quán  
Bồ Tát tu diệu hữu không quán  
Chân không diệu hữu.

Lúc Bồ Tát Quán Thế Âm hành thâm bát nhã ba la, Ngài soi thấy năm uẩn đều không. Đó là đắc được công năng tu hành bát nhã ba la mật đa. Nay y chiếu theo kệ của tôi mà giảng giải.

"Hành đạo tu thân mạc ngoại tầm, (hành đạo tu thân chớ tìm ngoài)".

Chư vị muốn tu đạo, tu thân, thì chớ tìm bên ngoài. Không nên hướng ngoại tìm cầu, mà hãy tìm lại tự tánh của mình.

"Tự tánh bát nhã thâm mật nhân, (tự tánh bát nhã nhân thâm mật)".

Trong tự tánh bát nhã có hạt giống thâm mật.

"Bạch lãng xung tiêu hắc ba chỉ, (sóng bạc tiêu lặn biển đen dừng)".

Lúc tu đạo, sóng bạc tức là trí huệ, như nước chảy tạo thành sóng màu sắc trắng. Sóng biển đen tức là phiền não. Khi sóng đen ngừng thì trí huệ tăng, pháp thậm thâm cũng cao siêu. Hành bát nhã ba la mật đa, lưu xuất pháp thậm thâm không ? Vì pháp này rất cao siêu, nhìn xem không thể thấy, nên gọi là bát nhã thậm thâm. Sóng đen dừng tức là phiền não dừng. "Niết bàn bỉ ngạn nhậm vận đăng, (bờ Niết Bàn, từ từ leo lên)". Một khi đã có trí huệ thì tự nhiên biết cách để đạt đến bờ niết Bàn, không bỏ phí sức lực nào.

"Thời hề thời vật thác quá, (thời qua thời chớ để trôi qua)".

Chúng ta tu đạo, thời gian rất quý báu, đừng để chúng trôi qua vô ích. Thế nên, thời qua thời chớ để trôi đi. Thời gian nào ? Tức là lúc hành thâm bát nhã ba la mật. Chư vị chớ nên để thời gian trôi qua vô ích.

"Thận chi thận thủ thiên chân, (thận trọng, thận trọng giữ thân chân)".  
Chư vị phải cẩn thận, đừng để thời gian trôi mất, ngày đêm luống qua vô ích. Hiện tại phải tu hành đắc được pháp bát nhã thậm thâm, chân lý cao thượng.  
"Yêu yếu minh minh thông hựu tức, (mờ mờ ảo ảo thông tin tức)".  
Mờ mờ ảo ảo, nói nghe nhưng thực không nghe, nói thấy nhưng thực không

thấy.

"Hoảng hoảng hốt hốt kiến bồn tôn, (vội vội vàng vàng thấy bồn tôn)".  
Hiện nay, chư vị phải được tin tức mờ mờ ảo ảo, vội vội vàng vàng thấy bồn  
chân. Lại như không có hình tướng mà nói thấy hình tướng. Thấy bồn tôn  
tức là thấy rõ tự tánh của chính mình.

Soi thấy năm uẩn đều không.

"Tam quang phổ chiếu thấu tam tài  
Nhất quy hợp xứ phục nhất lai  
Kiến sắc tức không thọ nạp thị  
Vọng tướng quyện lưu hành nghiệp bài  
Thức nãi liễu biệt ngũ âm cụ  
Cảnh hoa thủy nguyệt tuyệt trần ai  
Không nhi bất không minh đại dụng  
Kiên do vị kiến lạc khoái tai."

Dịch :

"Ba quang phổ chiếu thấu ba tài  
Nhất quy hợp xứ lại nhất lai  
Thấy sắc tức không thọ nạp thể  
Vọng tướng chuyên lưu, tan hạnh nghiệp  
Thức vẫn phân biệt đủ năm âm  
Gương hoa trăng nước tuyệt trần ai  
Không mà chẳng không rõ đại dụng  
Thấy như chưa thấy vui vô vàn".

"Tam quang phổ chiếu thấu tam tài, (ba quang phổ chiếu thấu ba tài)".  
Ba quang là mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao. Phổ chiếu tức là phổ biến  
chiếu sáng. Ba tài là trời, đất, người. Ba quang là văn tự bát nhã quang, quán  
chiếu bát nhã quang, thật tướng bát nhã quang. Thật tướng bát nhã quang tức  
là thậm thâm bát nhã quang. Soi thấy năm uẩn đều không. Dùng ba quang  
chiếu thấu ba tài, tức chiếu khắp trời, đất, người.

"Nhất quy hợp xứ lại nhất lai".

Nhất quy hợp xứ tức tự tánh của mình. 'Nhất' là nói tự tánh. 'Hợp xứ' cũng là  
chỗ của tự tánh. Xưa nay muôn pháp đều quy về một. Một quy về hợp xứ.  
Ngài Thần Quang có nói bài kệ :

"Muôn pháp quy về một  
Một quy về hợp nhất

Thần Quang vốn chẳng sớm biết Đạt Ma  
Véch tai núi quỳ nghe Ngài dạy chín năm  
Chỉ cầu thoát khỏi Diêm La".

Vì sao thế ? Tâm chúng ta cũng chính là tánh. Một khi quay về liền hợp xứ. Hợp tức là tương hợp. Tương hợp với gì ? Cùng tương hợp với Phật tánh. Chư vị cùng Phật tánh tương hợp, rồi trở về cội gốc, lại xuất sanh diệu dụng. Diệu dụng này chính giúp thành tựu Phật quả, gọi là trở về nhất lai, cũng là ông Phật của chư vị.

"Thấy sắc tức không thọ nạp thế".

Thấy sắc tức không, nghĩa là thấy được sắc mà sắc vốn là không. Sao nói sắc vốn không ? Phạm phu chúng ta đều chấp trước sắc này. Chấp vào sắc gì ? Tổng thể của sắc. Sắc pháp tuy có nhiều loại, mà tổng thể của sắc chính là thân thể chúng ta, gọi là sắc thân. Sao sắc thân lại là không? "Thật sự thân này có mà !"

Chư vị biết mặc đồ, ăn uống, ngủ nghỉ, sao chẳng biết không ? Nếu chư vị hiểu rõ sắc thân này được hình thành như thế nào thì chư vị sẽ hiểu rõ tánh không của nó. Vì vậy nên giảng về chân không tích pháp, cũng là pháp phân tích. Thân này là tổng tướng của sắc. Đất nước gió lửa là biệt tướng (tướng riêng) của sắc. Thân thể của chúng ta do đất nước gió lửa hợp thành. Xương cốt thịt thà chính là đất. Nước mắt, nước mũi, máu, tiểu tiện, mồ hôi, là nước. Thân thể được ấm áp là nhờ có lửa. Vận động hô hấp nhờ thân thể có gió. Bốn đại hòa hợp thì thân thể còn. Chúng phân tán thì thân thể mất. Đất trở về đất đá. Nước trở về nước. Gió trở về gió. Lửa trở về lửa. Mỗi đại đều trở về cội gốc, nên không thật có. Vì thế, mọi người chấp trước vào thân thể, tự cho là có, thật là sai lầm. Sao thân thể không phải là mình ? Thân thể không phải là mình. Mình là gì ? Có thể giữ gìn thân thể, có thể thấy, nghe, ngửi, biết, nhận thức bằng tri giác. Tri giác này cũng là mình. Thân thể là gì ? "Thân thể chính là mình, mình là thân thể".

Không thể cho rằng thân thể chính là mình được, vì thân thể chỉ giống như nhà ở. Chư vị không thể cho rằng nhà mình ở chính là mình. Chư vị gọi nhà ở chính là mình thì sợ rằng người ngoài cười cho. Nhưng nói thân thể chính là mình thì không ai cười cả. Sao không ai cười chư vị ? Vì ai cũng cho rằng thân thể chính là mình, tức là chấp nhà ở chính là mình. Thấy, nghe, ngửi, nếm, giác, biết đều là Phật tánh. Phật tánh cũng chính là tự tánh của chư vị. Thân thể bất quá chỉ do nhân duyên hòa hợp. Nhân duyên ly biệt thì thân thể

phân tán. Thế nên, chư vị đừng cho rằng thân thể chính là mình. Mình ở trong nhà, những việc bên ngoài không thể biết. Thế nên đừng chấp trước nhà ở chính là mình.

Bàn về sắc, chư vị hãy phân tích rõ, nó cũng là không. Do từ không mà biến thành sắc pháp. Đất nước gió lửa hợp thành thân thể mà có người lại nói rằng thượng đế tạo ra người. Dùng gì để tạo ra ? Cũng dùng đất nước gió lửa mà tạo thành. Chúng ta cũng có thể dùng một chút đất, nước, gió, lửa để tạo ra thân người. Ai ai cũng đều tạo ra người khác được. Con người do nhân duyên hòa hợp tạo thành. Nhân duyên biệt ly thì thân thể phân tán. Thế nên đừng gọi thân thể là mình. Sắc tức là không. Chư vị nếu hiểu rõ sắc tức là không thì không chấp trước thân thể là mình. Tất cả vật dụng thuộc về mình, mình đều bảo tồn, phụ trợ. Đó là làm nô lệ cho thân mình. Tâm của chư vị chính là tánh tri giác. Chư vị phải hiểu rõ thân thể là sắc pháp, là giả hợp, đừng nên chấp trước. Nếu không chấp trước thân thể tức là phá được sắc uẩn. Khi phá được sắc uẩn rồi thì nó biến thành không.

Thọ nạp như thế. Thọ uẩn cũng giống như sắc uẩn, là không thật có. "Vọng tưởng quyện lưu hạnh nghiệp an bài, (vọng tưởng chuyên lưu, nghiệp an bài)".

Vọng tưởng là tưởng uẩn. Quyện lưu tức là hành uẩn. Hành nghiệp an bài là hành uẩn được an bài cùng hành nghiệp.

"Thức nãi liễu biệt ngũ âm cụ, (thức cũng liễu biệt đủ năm âm)".

Liễu biệt là thức uẩn. Phân biệt đầy đủ năm âm. Năm âm là sắc thọ tưởng hành thức.

"Cảnh hoa thủy nguyệt liễu trần ai, (hoa gương trăng nước tuyết bụi trần)".  
Năm âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, giống như hoa hiện trong gương, như trăng hiện trên mặt nước. Tuyết bụi trần tức là không còn một vết ô nhiễm bụi trần. Nói lên ý nghĩa là năm uẩn đều không.

"Không nhi bất không minh đại dụng, (không mà chẳng không rõ đại dụng)".

Chư vị phải hiểu rõ năm uẩn đều không. Lúc không hiểu rõ năm uẩn là không thì có nhiều phiền não, vọng tưởng. Hiểu rõ được thì chuyên thức thành trí. Khi ấy đắc đại diệu dụng phi thường. Hiểu rõ diệu dụng này tức thấy mà như chưa thấy thì an lạc sung sướng.

"Kiến do vị kiến lạc khoái tai, (thấy như chưa thấy, vui vô vàn)".

Nơi chân không xuất sanh ra diệu hữu, cùng đại dụng. Khi ấy chư vị thấy rõ mà cũng đồng như chưa thấy. Không bị cảnh giới chuyển. Có thể, chư vị mới đắc được an lạc chân chánh. Vì vậy nói rằng vui vẻ vô vàn.

**Độ nhất thiết khổ ách,** (vượt tất cả khổ ách).

"Độ qua khổ ái xuất luân hồi  
Vũ tế thanh tịnh nguyệt chánh huy  
Khôn nguyên đạo thể nhân trung thánh  
Bất hoại kim khu thể thượng hy  
Thoát sanh hà thuận thiên niên lạc  
Chứng diệt khởi thị vạn kiếp kỳ  
Nhị tử vĩnh vong ngũ trụ tận  
Tiêu diêu pháp giới nhậm đông tây  
Dịch :

Vượt qua cửa khổ thoát luân hồi  
Mưa tạnh trời trong trăng sáng hiện  
Cần nguyên thể đạo thánh giữa người  
Vàng chẳng hoại diệt thế gian hiểm  
Thoát sanh tử cần chi thuốc tiên  
Chứng diệt đọa chi muôn kỳ kiếp  
Hai chết mất hẳn năm trụ tận  
Dạo chơi pháp giới khắp đông tây".

Vượt qua tất cả khổ ách. Độ tức là độ thoát. Tất cả là bao quát hết mọi khổ ách. Khổ thật khó thọ nhận, mà lại gia tăng thêm cái ách nữa thì thật rất khó lãnh thọ.

Độ, sao gọi là độ ? Độ thoát, sao gọi là độ thoát ? Tức là xa khổ đau đắc được an lạc, nên gọi là độ thoát, cũng là giải thoát. Tại sao không gọi là giải thoát tất cả khổ ách, mà là độ thoát tất cả khổ ách ? Vì tiếp theo câu trên "Soi thấy năm uẩn đều không", mà nói. Ý nói là độ cho những người tu hành. Chư vị tuy thấy năm uẩn đều không nhưng phải tu hành. Tu hành mới độ thoát được tất cả khổ ách. Nếu chư vị không tu hành mà chỉ đơn giản thấy năm uẩn là không thì có dụng ích chi ? Soi thấy chúng đều không thì mới biết rõ tánh không, hay giác ngộ chúng là không, nhưng phải nên tu hành. Vì vậy, tuy đốn ngộ lý mà sự thì phải tiệm tu (tu dần dần). Hiểu rõ lý rồi thì phải tu hành mới độ thoát được tất cả khổ ách. Nếu chỉ biết chúng là không



mà chẳng chịu tu hành thì cái không đó chẳng có ích lợi gì. Vì thế, chư vị phải nên tu hành, thật tu hành. Độ cũng là cung hành thật tu hành, thật thật tại tại tu hành, thật thật tại tại mà làm. Không nên dùng khẩu đầu thiên, nói khai ngộ, đắc được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Đã khai ngộ. Vậy khai ngộ gì, đắc được gì ? Chứng đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề như thế nào ? Nói thì rất dễ mà hành thì rất khó. Nói là pháp, mà hành là đạo. Thế nên, chư vị nói được thì phải hành được. Hiểu rõ chúng là không thì phải tu. Dùng cái không mà tu cái có. Dùng chân không mà tu diệu hữu.

Độ thoát tất cả khổ ách. Tất cả khổ ách là không phải một việc khổ mà nói bao quát hết mọi khổ ách. Khổ tựu chung có ba loại khổ, tám khổ, vô lượng khổ. Ba loại khổ là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Lại gọi ba thọ tức thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc, cũng là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Sao gọi là thọ ? Thọ nghĩa là tiếp thọ. Tiếp thọ khổ, lạc, và không khổ không lạc. Khổ khổ tức là khổ thọ. Hoại khổ tức là lạc thọ. Đừng cho rằng hưởng lạc mà không có khổ trong đó. Trong an lạc có hoại. Hoại rồi thì có hoại khổ. Không khổ không lạc gọi là hành khổ.

Tám khổ là gì ? Tức là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương mà xa lìa khổ, oán ghét mà gần nhau khổ, cầu mà không được khổ, năm ấm hủy hừng khổ. Ai mà không được cha mẹ sanh ra ? Có sanh tức có khổ vì sanh. Ai không già yếu. Có người nói rằng trẻ thơ chưa già mà chết. Tuy chưa già nhưng vốn chưa có tri giác. Trẻ em chưa già nhưng vẫn có khổ vì bịnh, khổ vì chết, cũng gọi là khổ vì già. Sao bảo trẻ em khổ vì già ? Ngày em bé chết chính là ngày em đã già. Nếu không già thì sao lại chết. Chư vị bảo trẻ em cũng biến thành già sao ? Vì em chết nên cũng gọi là già. Vì thọ mạng của em không được dài lâu. Thời gian từ sanh đến chết rất ngắn ngủi. Khi chết cũng là đã già rồi. Nếu không già thì sao lại chết ? Thế nên, không thể thoát khỏi khổ vì già.

Bệnh khổ. Có ai dám nói rằng bệnh không khổ không ? Bệnh thật rất thống khổ. Chư vị cũng hiểu rõ rồi. Sanh ra lại khổ vì bệnh. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng bị quả báo gậy đập, ăn lúa ngựa. Tại sao vậy? Vì trong một đời tiền kiếp, Ngài làm một đứa trẻ. Lúc ấy trong vùng Ngài ở, dân chúng bị đói khát, không có gì để ăn. Chợt có một con cá voi bị mắc cạn. Ngài dùng côn đánh vào đầu khiến cá chết. Sau đó dân làng áp ra róc thịt cá voi mà ăn. Do đó, sau khi thành Phật rồi, Ngài thường thường cảm giác như đầu tựa như bị cây đập lên đầu, nên gọi là quả báo gậy đập. Lại nữa, trong một đời tiếp kiếp, Ngài có nói một câu sai lầm rằng đối với người tu đạo, phải tu hành khổ hạnh chân chánh bằng cách ăn lúa ngựa. Sau khi Ngài thành Phật, trong

một kỳ an cư kiết hạ, quốc vương không cúng dường gì hết, chỉ cho Ngài và tăng chúng tỳ kheo lúa ngựa thường ăn. Đó là do Ngài tạo nghiệp lúc còn tu hành ở nhân địa, nên hiện đời phải cảm thọ quả báo.

Chết, ai ai cũng đều không thích chết. Vì sao ? Vì quan hệ đến khổ đau. Lại có khổ vì thương nhau mà xa lìa, ghét nhau mà thường gặp, cầu mà không được như ý, năm ấm luôn thay đổi hỷ hờng. Những loại khổ này đều gọi là khổ. Nay chúng ta tu hành nên phải dẹp trừ ba khổ, tám khổ, vô lượng khổ, nên gọi là độ thoát tất cả khổ ách.

"Độ qua khổ ải xuất luân hồi, (vượt qua biển khổ xuất luân hồi)". Mọi khổ đều nằm trong biển khổ. Nếu chư vị vượt qua hết tất cả khổ ách thì chắc chắn sẽ thoát khỏi sáu nẻo luân hồi: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, người, trời.

"Vũ tể thanh tịnh nguyệt chánh huy, (mưa tạnh trời trong trăng sáng hiện)". Khi ấy mưa tạnh tức là không còn hạt mưa nào hết. Bầu trời trong sáng. Trăng sáng hiện hiện. Mặt trăng trong không trung chiếu sáng. Năm âm đều không. Không còn năm ấm giống như không còn mây, mưa. Bầu trời trong sáng, thanh tịnh. Trăng treo lơ lửng, muôn dặm không áng mây. Cảnh giới này khiến chư vị phát sanh trí huệ chân chánh, chiếu sáng khắp cả, nhờ đó mà độ thoát qua hết tất cả khổ ách.

"Càn nguyên đạo thể nhân trung thánh, (Càn nguyên đạo thể thánh giữa người)".

Khi chứng sơ quả A La Hán, thân thể chư vị tràn ngập khí dương. Càn là số dương trong kinh dịch, nên gọi là càn nguyên. Đạo thể là thể chất của việc tu đạo. Trung nhân thánh là thánh nhân trong loài người.

"Bất hoại kim khu thể thượng hy, (vàng chẳng hoại diệt thể gian hiếm)".

Khi chứng sơ quả Tu Đà Hoàn, chư vị cắt đứt được tám mươi tám phần kiến hoặc. Thân thể chư vị bất hoại như vàng ròng, trên thế gian rất hiếm có.

"Thoát sanh hà thuận thiên niên dược, (thoát sanh tử càn chi thuốc tiên)".

Xưa, vua Thái Thủy (221-207 BC) đến đảo Bồng Lai tìm thuốc trẻ mãi không già, giải thoát sanh tử. Chư vị không cần thiết phải đi tìm thuốc trẻ mãi không già, chỉ nên độ thoát hết tất cả khổ ách. Khi đó muốn sống thì sống, muôn chết thì chết. Chết sống do tự chính mình. Vua Diêm La không thể cai quản được, giống như tổ Bồ Đề Đạt Ma.

"Chứng diệt khái thị vạn kiếp kỳ, (chứng diệt đọa chi muôn kỳ kiếp)". Pháp bốn diệu đế : Khổ, tập, diệt đạo. Khi chứng đắc diệt đế thì thành đạo,

đắc vô dư Niết Bàn, không đợi trải qua tám muôn bốn ngàn kiếp, mà mau chứng đắc vô dư Niết Bàn.

"Nhi tử vĩnh vong ngũ trụ tận, (hai chết mất hẳn năm trụ diệt)".

Chư vị chứng đến độ thoát tất cả khổ ách, vượt khỏi vòng luân hồi, đắc được thân kim cang bất hoại. Khi ấy nhị tử mãi không mất. Sao gọi là nhị tử ? Có phải là chết hai lần không ? Không phải là chết hai lần mà là hai lần chết. Một lần là phần đoạn sanh tử. Một lần là biến dịch sanh tử. Gọi là hai lần chết. Khi chứng quả A La Hán thì cắt đứt phần đoạn sanh tử. Khi chứng quả vị Bồ Tát mới cắt đứt biến dịch sanh tử. Nay, Bồ Tát Quán Thế Âm đã cắt đứt được biến dịch sanh tử. Chữ vong (mất), đây không phải là tử vong (chết mất). Trong sách đại học nói : " Nhi kim vong hỷ (như nay mất rồi)". Chữ 'vong' đọc là không. Chúng ta có thể đọc là vong, hay không cũng được, không cần giảng giải. Hai loại chết này đều không.

"Ngũ trụ tận (tận hết năm trụ)". Nghĩa là năm trụ phiền não. Chúng là gì ? Thứ nhất, kiến trụ phiền não, là trụ ái kiến. Thứ hai, trụ ái dục. Thứ ba, trụ sắc ái. Thứ tư, trụ vô sắc ái. Thứ năm, trụ vô minh ái. Vì năm trụ ái này mà chúng ta sanh chấp trước, biến thành năm loại phiền não. Bồ Tát Quán Thế Âm dẹp trừ hết năm loại phiền não này.

"Tiêu diêu pháp giới nhậm đông tây, (dạo chơi pháp giới khắp đông tây)". Tiêu diêu có nghĩa là tự tại. Tự tại cũng là tiêu diêu. Tiêu diêu cũng là tự do. Tự do, nghĩa là an lạc, sung sướng. Sao an lạc sung sướng ? Vì có thể tùy tiện đi nơi này nơi nọ. "Nhậm đông tây", nghĩa là nếu chư vị muốn qua cõi tây phương cực lạc thì tùy ý mà đi. Muốn qua cõi đông phương Tịnh Lưu Ly Phật thì cũng có thể đi. Muốn đến cõi Ta Bà thì không thành vấn đề, cũng không cần hộ chiếu do tòa lãnh sự sứ quán cấp. Không có những thủ tục rườm rà. Nếu muốn đi thì cứ đi, nên gọi là tiêu diêu pháp giới. Pháp giới không phải chỉ trong vòng, đông tây, nam, bắc, mà cả trên dưới, mười phương. Chư vị muốn đi đến đâu thì đều được hoan nghinh khi đến những nơi đó. Không phải nói là muốn đi đến nơi kia, nơi kia không hoan nghinh tiếp đón chư vị, không cho nhập cảnh. Muốn đến nơi nào cũng được hết. Tiêu diêu pháp giới nhậm đông tây. Chư vị thấy cảnh giới này có an lạc lắm không, tự do lắm không ! Tiêu diêu, tự do, đó là tánh pháp giới chân chánh bình đẳng. Khi hai lần chết và năm trụ đều tận diệt thì đắc được tự do. Đó là tự do chân thật, an lạc chân thật, bình đẳng chân thật, và tiêu diêu chân thật.

**Xá Lợi Tử.**

"Xá Lợi Tử thị kiên cố vi  
Dịch tác Thu Lộ mẫu nghĩa hình  
Giới định viên minh châu quang hiện  
Hạnh giải tương ung thể linh lung  
Đại trí chi hà nhân ngu biểu  
Thiện ban kỹ tại nương phúc sanh  
Nhân giai cụ thử chân thật huệ  
Thủ chư tào Khê bảo lâm phong  
Dịch :

Xá Lợi Tử nghĩa là kiên cố  
Dịch là Thu Lộ hình giống mẹ  
Giới định sáng tròn chân ảnh hiện  
Hạnh giải tương ung thể sáng trong  
Bậc đại trí sao giống kẻ ngu  
Biện tài giỏi nhờ thai sanh trợ  
Người người đầy đủ chân trí huệ  
Giữ phong cách Bảo Lâm Tào Khê".

"Xá Lợi Tử thị kiên cố vi"

Xá Lợi Tử cũng là Xá Lợi Phát. "Xá Lợi" là tiếng Phạm. "Tử" cũng là tiếng Phạm. "Xá Lợi Tử" nghĩa là "Kiên Cố". Vì sao ? Đó chỉ cho trí huệ kiên cố. Thế nên Xá Lợi Tử nghĩa là kiên cố.

"Dịch tác thu lộ mẫu nghĩa hình, (dịch là Thu Lộ hình giống mẹ)".

"Xá Lợi" phiên dịch ra tiếng Tàu gọi là "thu lộ". Thu lộ là một loài chim biển. Chim này bay rất cao và rất xa, đôi mắt lạnh lẽo trong sáng như hai ống dòm. Lúc cá bơi qua bơi lại trên biển, nó đang trên hư không liền bay xà xuống mau như hỏa tiễn, để bắt lấy cá mà ăn. "Xá Lợi" cũng là tên của loài chim thu lộ. Ở Ấn Độ, con cái thường lấy tên cha, mà cũng đôi khi lấy tên mẹ, hay dùng cả tên cha lẫn mẹ. Xá Lợi Tử là chỉ lấy tên mẹ thôi. Mẹ của ngài Xá Lợi Tử tên là Xá Lợi. "Tử" tức là con của bà Xá Lợi, cũng y chiếu theo hình thái của bà mà tạo ra tên đó.

"Giới định viên minh châu quang hiện, (giới định sáng tròn chân ảnh hiện)  
".

Ngài Xá Lợi Tử trong tiền kiếp, sanh sanh thế thế đều tu giới, định, huệ. Giới, định, huệ của Ngài đều viên mãn tròn đầy, viên minh (tròn sáng) như hạt châu phóng ánh sáng, nên nói là hạt châu hiển hiện.

"Hạnh giải tương ung thể linh lung".

Ngài vừa tu hành vừa học giáo điển, nên trí huệ rất quảng đại. Thể linh lung nghĩa là thân thể của Ngài trong sáng như pha lê.

"Đại trí chi hà nhân ngu biểu, (bậc đại trí sao giống kẻ ngu)".

Sao gọi là đại trí huệ ? Ngược với ngu si. Vì Ngài khác biệt hẳn với những người ngu. Người ngu si làm những việc điên điên đảo đảo. Dù nói lời tốt đến đâu nhưng khi hành lại làm những việc hư hoại. Tạo những việc hư hoại gọi là người ngu. Người có trí huệ không si mê, không phải biết mà vẫn cố phạm, không điên điên đảo đảo, nên gọi là đại trí huệ.

"Thiện biện kỹ tại nương phục sanh, (biện tài giỏi nhờ thai sanh trợ)".  
Chắc chư vị nhớ rõ những lần tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, có đề cập đến mẹ của ngài Xá Lợi Phất, không thể biện luận thắng cậu Ngài. Sau này, lúc mang thai ngài Xá Lợi Phất, mẹ lại cùng cậu Ngài biện luận. Khi ấy, cậu Ngài không thể thắng, bắt bẻ được mẹ Ngài. Do đó, cậu Ngài ra ngoài học luận nghị ngoại đạo. Khi trở về, ngài Xá Lợi Phất đã theo Phật xuất gia. Vì lúc còn ở trong bào thai, Ngài đã trợ giúp mẹ Ngài biện luận thắng cậu Ngài, nên gọi là thuyết thiện biện tài từ trong bào thai.

"Nhân giai cụ thử chân trí huệ, (người người đầy đủ chân trí huệ)".  
Trí huệ này không phải chỉ ngài Xá Lợi Phất có thôi mà ai ai cũng đều có hết cả. Tuy có nhưng không biết dùng, nên quên mất. Nếu mọi người biết dùng trí huệ này thì đều đạt được lợi ích cả.

"Thủ chư Tào Khê Bảo Lâm phong, (giữ phong cách Bảo Lâm Tào Khê)".  
Trí huệ chân thật này ở đâu ? Tại Tào Khê ? Tào Khê ở nơi nào ? Tại chùa Nam Hoa, Mã Bá, Quảng Đông, Trung Quốc. Xa không ? Mình có thể tới được không ? Chùa Nam Hoa tại núi Bảo Lâm là đạo tràng của ngài Lục Tổ, rất xa nơi này, tôi không thể đến. Được ! Nay không cần phải đi, chư vị mỗi người cũng đều có sẵn phong cách Tào Khê Bảo Lâm, không cần phải chạy đâu tìm cầu. Tự chính chư vị có sẵn trí huệ này. Chính bản thể của chư vị là phong cách Tào Khê Bảo Lâm, nên chẳng cần phải ra ngoài tìm cầu. Trí huệ này cũng chính là chư vị. Sao lại tìm cầu bên ngoài ? Chư vị phải xả bỏ tâm vọng tưởng điên đảo, tự mình dụng công tham thiền đả tọa thì sẽ đắc được trí huệ này. Đó cũng là Tào Khê Bảo Lâm phong. Lúc ngồi tham thiền đả tọa cũng là lúc ngồi tại núi Bảo Lâm.

**Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc,** (sắc không khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc).

"Sắc bất dị không hữu nhược vô  
Không bất dị sắc thể dụng thù  
Sắc tức thị không chân nguyên triệt  
Không tức thị sắc vọng lưu khô  
Sơn hà đại địa duy thức hiện  
Mộng huyền phao ảnh như thị hồ  
Thận vật ngoại cầu trì trung đạo  
Phóng hạ nhiệm duyên tức lai như  
Dịch :

Sắc chẳng khác không có lại không  
Không chẳng khác sắc cùng thể dụng  
Sắc tức là không thấu nguồn chân  
Không tức là sắc nguồn vọng cạn  
Núi sông non nước hiện duy thức  
Bọt ảnh huyền mộng như thế đây  
Chớ cầu ngoài, nên giữ trung đạo  
Xả bỏ nhiệm duyên tức Lai Như".

"Sắc bất dị không hữu nhược vô, (sắc chẳng khác không có lại không)".  
Sao gọi là sắc ? Tức là hình tướng. Sao gọi là không ? Tức là vô hình tướng.  
Sao lại gọi sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không,  
không tức là sắc ? Đây nói về đạo lý cùng tột, liễu nghĩa triệt để. Tất cả núi  
non, sông biển, đất đá, nhà cửa, phòng xá, v.v... đều là sắc. Sắc trụ ở nơi đâu  
? Sắc trụ tại hư không. Không trụ tại nơi đâu ? Không cũng trụ tại nơi sắc.  
Sắc và không có thể bảo là không hai. Sắc không khác không, lại không phải  
là hai. Không chẳng khác sắc. Hư không cùng sắc không có hai. Không bao  
gồm sắc. Sắc cũng bao gồm không. Bên ngoài thì thấy có hai, nhưng thật tế  
vốn là một. Ví dụ, nơi đây vốn trống rỗng, mà chớ vị lại đem cái bàn để ra  
đây, tức là có. Trước khi đem bàn ra, nơi đây vốn là hư không. Khi đem bàn  
ra thì còn có hư không nữa không ? Cũng là có. Không gian cũng vẫn còn,  
bất quá bị cái bàn chiếm một khoảng thôi. Lại nói hư không này có sắc hay  
không ? Không này vốn cũng có sắc. Sắc tức là không. Chúng ta phân tích  
hình sắc mãi thì cuối cùng sẽ biến thành không. Tại sao thế ? Thân thể chúng  
ta dựa nơi sắc pháp. Do gì tạo thành ? Do bốn đại tạo thành. Sắc thân do bốn  
đại đất, nước, gió, lửa, hợp thành, cũng là sắc. Phân tích kỹ thì khi chúng ta  
chết đi, bốn đại này sẽ trở về cội gốc. Đất trở về với đất; nước trở về với

nước; gió trở về với gió; lửa trở về với lửa. Sắc thân tan biến mất. Sắc tức là không. Tuy nay có sắc tướng mà tương lai thì không có, nên nói là sắc chẳng khác không, thực có thực không. Tuy có nhưng lại đồng với không. "Không chẳng khác sắc thể dụng thù, (không chẳng khác sắc cùng thể dụng)".

Không chẳng khác sắc, nhưng có thể có dụng. Không là thể không. Sắc là dụng của không. Thể và dụng tuy hai nhưng vốn là một.

"Sắc tức là không chân nguyên triệt, (sắc tức là không thấu nguồn chân)".  
Chư vị phải biết sắc thật chất vốn từ không. Cội gốc này nếu chư vị đạt đến được thì sẽ hiểu rõ triệt để.

"Không tức thị sắc vọng lưu khô, (Không tức là sắc nguồn vọng cạn)".  
Chư vị phải hiểu rõ không tức là sắc. Không có vọng tướng thì nguồn vọng khô cạn. Lại sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Đây, có thể nói là chư vị tu đạo thì mới đắc được cảnh giới đó. Sắc này cũng là sắc đẹp. Sắc đẹp đại biểu cho sắc đẹp nam nữ. Chư vị chân chánh tu đạo đắc được cảnh giới an lạc thì cùng cảnh giới này như một, nên sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Khi tu đạo đắc được an lạc này thì so với vấn đề khoái lạc nam nữ gấp trăm ngàn lần, không thể so sánh được. Vì vậy, không chẳng khác sắc.

Sắc tức là không. Trên hình sắc, chư vị phải hiểu rõ lý không, đừng trụ vào, chẳng có gì để chấp trước, không nắm giữ, không xả bỏ, cũng không thọ, chính là không. Không chẳng khác sắc; không tức là sắc. Trên lý không đắc được an lạc chân chánh. Khi đó, những tư tưởng hay vọng tưởng của chư vị đều không còn. Vì sao ? Đạt đến cảnh giới an lạc này thì càng an lạc thêm, vì đã xả bỏ tâm vọng tưởng.

"Sơn hà đại địa duy thức hiện, (sông núi nước non hiện duy thức)".  
'Sơn hà đại địa' tức đất đá núi sông, là sắc pháp. Sắc pháp này xuất hiện từ đâu ? Từ tâm thức phân biệt của chúng ta xuất hiện ra. Nếu chúng ta năng chuyển hóa tâm thức phân biệt thì núi sông đất đai cũng không còn.  
"Mộng huyễn phao ảnh như thị hồ, (bọt ảnh huyễn mộng như thế đấy)".  
Tất cả tướng đẹp đều là mộng cả. Ai ai cũng biết mộng mị, đều nằm mộng, nhưng hỏi nằm mộng như thế nào, thấy mộng ra sao ? Chỉ tự trả lời cho chính mình thôi. Có mà không phải thật, không chính xác nhất định. Hoặc nói : " Ban ngày nghĩ tưởng như thế nào thì đến tối mơ như thế ấy." Hoặc nói : "Trước kia tôi đã thấy những cảnh giới này, nên gọi đó là mộng".  
Lại có khi không nghĩ đến việc đó, nhưng đến tối thì mơ thấy, vậy giảng giải

làm sao ? Có lúc không thấy qua cảnh giới mà lại nằm mơ thấy, thì giải thích thế nào ? Giải thích không được. Có phải tỉnh từ trong giấc mộng không ? Cũng rất mơ hồ. Thậm chí nằm mộng rồi mà quên, không nhớ gì cả. Chư vị hãy suy nghĩ xem, khoảng mười tiếng sau khi mơ mộng, chúng ta đều quên hết những gì xảy ra trong mộng, huống chi những sự việc trong đời quá khứ, lại nói không tin có đời trước. Tất cả việc đời quá khứ chúng ta đều quên cả. Chỉ sau mười giờ là chúng ta hoàn toàn quên hết những gì xảy ra trong mộng, nói chi tất cả sự việc trong đời quá khứ.

Một người đang lúc mộng寐, giả như có người bảo : " Đạo hữu nay phát tài, làm quan lớn, có nhiều vợ con, nhiều tài sản, nhưng chúng đều không thật, chỉ là mộng thôi."

Nhưng người đang mộng寐 đó, không tin tưởng cho rằng lời kia là thật. "A ! Cái gì ! Hiện tại tôi đang phát tài, làm quan lớn, vợ con nhiều, tài sản to tát, sao lại nói là mộng ? "

Họ không tin tưởng chính họ đang mơ mộng. Đợi khi thức giấc, không ai bảo cho mà chính tự họ biết rằng họ vừa trải qua cơn mộng寐, thấy mình phát tài làm quan lớn, vợ con nhiều, tài sản giàu có. Chúng vốn không thật; không nói cũng tự biết vì đã tỉnh giấc mộng.

Chư vị phải biết rằng chúng ta hiện đang mơ mộng ! Tôi bảo : "Chư vị đang nằm mộng, nếu không tin, đợi khi tu đạo đắc quả thì mới biết rõ. A ! Xưa kia, bất cứ những việc gì mà tôi làm đều là ảo mộng hết, vì mình vốn chưa tự làm chủ chính mình. Bây giờ mới biết là những việc xưa kia mình làm xác thật chỉ nằm mơ thôi.

'Huyễn', sao gọi là huyễn ? Huyền tức là xuất phát từ huyền hóa. Nhà ảo thuật từ không mà tự hóa thành có, tự có mà hóa thành không, biến hóa không lường, khiến trẻ con cho pháp huyền thuật là thật, mà người lớn khi nhìn xem thì biết đó là không vọng, giả tạo chế ra. Đó là huyền. 'Phao' tức là bọt nước, không lâu bền, không thường hằng. Ảnh tức là bóng ảnh. Bóng ảnh là thật hay giả ? Chư vị nói nó giả, nhưng nó thật có tồn tại. Chư vị nhìn thấy, nói nó là thật, nhưng lại không thể nắm bắt lấy. Vậy, chư vị nói nó là thật hay giả ? Những bóng ảnh này phát sanh từ đâu ? Nghiêng về phía dương thì không có bóng. Ngã về phía âm thì có bóng. Chư vị đi nơi đâu thì nó đi theo đến đó. Bóng ví như ma. Nó luôn đi theo chư vị mãi. Thế nên, người nhút nhát sợ ma, thấy bóng ma liền sợ hãi, chạy lánh xa, nhưng ma đó chính là bóng dáng của người thật. Nhưng bóng ảnh này, khi sống thì



hiện bóng, khi chết không còn thân thể thì bóng biến thành ma. nếu không có bóng thì biến thành thân, nhưng thân và ma không hai, mà là một. Nếu khí dương sung túc thì lúc đi không có bóng ngã theo. Khí âm nếu đầy đủ thì khi đi liền có bóng chạy theo. Thế nên, chúng ta thường nghiêng về bên có khí lực mạnh. Nếu chú vị tạo công đức nhiều thì được sanh lên trời. Nếu chú vị tạo tội ác nhiều thì phải bị đọa xuống địa ngục. Vì vậy bảo rằng bọt nước, bóng ảnh huyền mộng như thế.

"Thận vật ngoại cầu trì trung đạo, (chớ tìm cầu ngoài, trì trung đạo)".  
Chú vị chẳng nên hướng ngoại tìm cầu. Tự trong thân tâm đã có đầy đủ.  
" Phóng hạ duyên nhiễm tức lai như, (xả bỏ duyên nhiễm tức Lai Như)".  
Sao gọi là duyên nhiễm ? Nhiễm tức là nhiễm ô. Duyên tức là nhân duyên. Chú vị phải nên phóng xả. Sao gọi là duyên nhiễm ? Duyên tức là tâm tham, sân, si, giết hại, uống rượu, dùng nha phiến. Chú vị phải xa rời duyên nhiễm thì đồng vào nhà Như Lai. Lai Như tức là từ nay cho đến ngày thành Phật không xa. Khi thành Phật thì gọi là Như Lai. Chúng ta chưa thành Phật nên gọi là Lai Như. Lai thì năng Như. Không lai thì không như. Lai đến nơi nào ? Lai đến nơi thành Phật. Những duyên nhiễm này phải nên xả bỏ hết thì mới là Lai Như. Như nghĩa là mọi việc đều hợp lý, không có việc gì chướng ngại. Nếu mọi việc còn chướng ngại thì không gọi là Lai Như.

Không này chính là chân không. Sắc cũng là diệu hữu. Diệu hữu phi hữu cũng là chân không. Chân không này xuất sanh từ đâu ? Xuất sanh từ nhất như, cũng từ sắc pháp phát khởi ra. Nơi nào cũng có sắc pháp. Từ hư không cũng hiện ra sắc pháp, nên nói sắc không khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, cũng là thuyết chân không mà chẳng phải không, diệu hữu mà chẳng phải hữu. Tại nơi chẳng không chẳng có, chú vị nên hiểu kỹ. Đây là chân chánh hiểu rõ Phật pháp. Giống như bên trên bàn về mộng. Chú vị mộng đến mộng lui mà không biết. Mộng rồi tỉnh, tỉnh rồi mộng cũng thế. Vì vậy chúng ta sanh ra như thế nào, chết đi ra sao, vẫn không biết. Trong cái không biết mà hiểu rõ đó là giác ngộ. Do đó, bảo rằng sắc tức là cội nguồn của chân không. Hiểu rõ chân lý không tức là sắc thì dòng vọng tưởng khô cạn. Vọng tưởng đoạn hết, không còn nữa. Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý không và sắc, và cũng phải lãnh hội đạo lý phi không, phi sắc. Ngài Lục Tổ nói : " Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy, cái gì là bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh ? " Không nghĩ thiện là không phải không, không nghĩ ác, cũng là không phải sắc. Nơi chẳng phải sắc, chẳng phải không đó, chú vị hãy nghiên cứu kỹ, đó chính là giác ngộ được cảnh giới vừa là không mà vừa là sắc. Do đó, chú vị phải hiểu rõ sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Trong chân

không có chân sắc; trong chân sắc có chân không, tức là tại sắc pháp cũng có bản thể của chân không, và tại pháp không cũng là sắc. Như núi là sắc pháp. Chư vị san bằng thì thành không. Trước lúc san bằng núi thì có không chăng ? Cũng tại chỗ đó. Khi có không rồi thì sắc còn hay mất ? Sắc cũng còn nơi đó. Hãy xem coi chỗ nào là không ? Sắc cũng tại nơi đó. Không cùng sắc là một như băng với nước. Sao không biến thành sắc ? Như trời lạnh thì nước biến thành đá. Sao sắc biến thành không ? Trời nóng khiến nước đá tan thành không. Lại có thể nói rằng trong không trung, nhiều hạt bụi hợp lại thành một sắc tướng, nhân duyên tán thì biến thành không. Thế nên, không cũng là sắc, sắc cũng là không. Bảo rằng hạt bụi đó không thể chuyển hóa, cũng là một ví dụ, lại không bảo hạt bụi là nước đá được. Sợ chư vị chưa hiểu rõ nên lấy ví dụ nước đá và nước lỏng. Chư vị đừng hiểu lầm là hạt bụi và không biến thành nước và nước đá. Chư vị hãy suy nghĩ, giống như đầu đặt lên đầu, lại biến thành chấp trước. Góc vốn không chấp trước. Tôi không có phương cách khiến chư vị hiểu rõ đạo lý sắc không chẳng khác. Từ từ thì chư vị sẽ tham ngộ đạo lý này hoặc sẽ minh bạch rõ ràng.

---o0o---

## **Biệt giải văn nghĩa 2**

**"Thọ tướng hành thức diệt phục như thị. Xá Lợi tử ! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt bất cấu bất tịnh bất tăng bất giảm, (thọ tướng hành thức cũng là như thế. Xá Lợi Tử, các pháp đều không tướng, không sanh, không diệt, không cấu không tịnh, không tăng, không giảm).**

"Thọ tướng hành thức như không sắc

Tái hồ Xá Lợi nữ đế thính

Thị chư pháp không tướng vô tánh

Bất sanh bất diệt tịch nhiên thông

Bất cấu bất tịnh ly nhiễm ô

Bất tăng bất giảm ngộ huyền trung

Thâm nhiên tịch cực siêu tạo hóa

Đôn giác ngã pháp bản viên dung.

dịch:

Thọ tướng hành thức như không sắc

Lại nữa Xá Lợi nên lắng nghe kỹ

Các pháp đều không tướng vô tánh

Không sanh không diệt, thông tịch nhiên

Không như không sạch xa nhiễm ô  
Không tăng không giảm ngộ trong huyền  
Thâm sâu cực tĩnh vượt tạo hóa  
Đốn giác ngã pháp vốn viên dung."

Bên trên giảng sắc không khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Sắc này có nhiều loại sắc pháp, nhưng tổng quát không ngoài ba loại, tức là khả đối khả kiến sắc, khả đối bất khả kiến sắc, bất khả bất đối kiến sắc.

Sao gọi là khả đối khả kiến sắc ? Khả đối tức là có thể đối mặt. Khả kiến tức là có thể thấy. Khả đối bất khả kiến sắc là có thể đối đãi, nhưng không thể nhìn thấy. Lại bất khả đối bất khả kiến sắc là chư vị có đối đãi cũng không có đối đãi, thấy cũng không thể thấy sắc. Loại sắc này xuất phát từ đâu ? Do phân biệt từ cảnh giới sáu trần như hình sắc, âm thanh, hương vị, xúc chạm, pháp.

Sao gọi là khả đối khả kiến sắc ? Thí như nhân, ngã, tha, chúng sanh, núi non, sông hồ, đất đai... vạn tượng bao la, đều có hình sắc, có sắc tướng, có hình chất nên có thể thấy. Do đó đều gọi là khả kiến khả đối sắc (có thể thấy, sắc có thể đối đãi), tức chung quy nơi sắc pháp.

Lại nữa, chung quy nơi sắc pháp mà khả đối bất khả kiến (sắc có thể đối đãi mà không thể thấy). Đối là có thể đối đãi, nhưng chư vị không thể nhìn thấy, chỉ có thể nghe thôi. Tại sao ? Nay nói về âm thanh, hương thơm, mùi vị, xúc chạm. Đối với thanh trần, tức âm thanh mà chư vị có thể nghe. A ! Âm thanh hoặc hay hoặc dở, chư vị có thể đối trước với nó mà sanh tâm thức phân biệt, nhưng không thể thấy được âm thanh. Hãy nói, âm thanh là sắc gì, là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng ? Nó không có hình sắc. Âm thanh này hình dáng ra sao, hình tròn, hình tam giác, hình dài ? Chư vị không thể biết, không thể thấy. Không thể thấy được thể tướng của thanh trần, nên gọi là khả đối bất khả kiến sắc (có thể đối trước, nhưng không thể thấy). Âm thanh này chung quy nơi sắc trần. Nơi năm ấm, sắc thọ tướng hành thức, chung quy về sắc.

Mũi ngửi mùi hương, đó là hương trần. Chư vị có thể bám chấp vào. Tuy ngửi biết là hương mà không thể thấy được tướng mạo. Hương là gì ? Tức là hương vị, hay hương trần. Ngửi thì cảm giác được, nhưng không thể thấy. Vậy nó có hay không ? Tuy không thấy, nhưng nó thực có vì dùng mũi ngửi thấy được.

Vị, tức là mùi vị ngon bổ. Chúng là gì ? Chư vị có thấy được không ? Cũng không thể thấy được nhưng dùng lưỡi nếm thì cảm giác được. Đầu lưỡi biết mùi vị ngon dở, đắng, cay, mặn, ngọt, chua. Năm mùi vị này có hình sắc không ? Chúng ra như thế nào ? Chư vị không thể thấy được. Xúc, thân thể nhờ mặc y phục nên được ấm áp, trơn trụi. Khi sờ vào da thì tự nhiên cảm giác được an lạc thích thú. Xúc trần này như thế nào ? Không thể thấy được, nên gọi là có thể cảm nhận mà không thể thấy được sắc trần. Nơi năm trần sắc thanh hương vị xúc pháp, hoặc đã có trải qua hay chưa trải qua, nơi ý thức đã từng gieo ảnh tử. Ví như khi thấy hình sắc thì ý thức liền biết. A ! Tôi thấy màu đỏ, lại thấy màu vàng, màu xanh lá cây. Những màu sắc này, khi vừa thấy qua nhưng ảnh tử (hình ảnh) vẫn còn nằm trong ý thức. Ảnh tử này, chư vị nói có hay không ? Nhớ lại những cảnh trong thời quá khứ, vậy ảnh tử có thật không ? Những cảnh giới này gọi là ảnh tử (hình ảnh) của năm trần. Sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần cũng là như thế. Tuy đã xảy ra trong đời quá khứ nhưng trong ý thức vẫn còn lưu lại ảnh tử (hình ảnh). Đó là pháp trần, cũng là sắc không thể nhận diện, không thể thấy được. Không thể nhận diện, nghĩa là chư vị đã gặp trong thời quá khứ, nay không còn nữa, lại không thể thấy. Vậy chư vị nói nó không có à ? Giống như khi khắc xong bản gỗ thì nó còn tồn tại mãi mãi, nhưng chư vị không có cách gì để thấy, để nghe, để tìm kiếm tướng mạo chân chánh được cả. Vì vậy, gọi là ảnh tử (hình ảnh) của năm trần lạc vào ý thức thứ sáu, nên nói là sắc không thể đối nhận, không thể thấy. Sắc là như thế, còn thọ tướng hành thức cũng giống vậy.

Tướng không khác không, không chẳng khác tướng, tướng tức là không, không tức là tướng. Thọ không khác không, không chẳng khác thọ, thọ tức là không, không tức là thọ. Hành chẳng khác không, không chẳng khác hành, hành tức là không, không tức là hành. Thức chẳng khác không, không chẳng khác thức, thức tức là không, không tức là thức. Vì vậy bảo rằng 'diệc phục như thị (cũng đều như thế)', tức là cũng giống như sắc và không. Do đó, thọ tướng hành thức cũng đồng dạng.

"Thọ tướng hành thức như không sắc".

Thọ tướng hành thức đã được giảng qua nhiều lần rồi. Chúng là gì, từ đâu đến, rồi đi về đâu ? Chúng ta phải biết bản thể của thọ tướng hành thức, hiểu rõ tác dụng của chúng, rồi mới hàng phục chúng. Nay tôi sẽ dùng đạo lý thô thiển đơn sơ để giảng về chúng.

Sao gọi là sắc ? Đó là sắc thân của chúng ta. Chung quy là sắc pháp, nên gọi là sắc thân. Tuy sắc thân này có hình tướng, nhưng nếu nghiên cứu thấu đáo thì bản thể của nó vẫn là không. Tại sao nói như thế ? tôi đã giảng qua nhiều lần ở phần trước rồi. Thân thể này do bốn đại, đất nước gió lửa hợp thành một công ty hữu hạn. Đất là duyên cứng rắn. Nước là duyên ẩm ướt. Gió là duyên diêu động. Lửa là duyên nóng. Do bốn đại này hợp duyên lại thành thân thể, có hình sắc. Khi nhân duyên bốn đại này phân khai, ly tán thì đại nào trở về đại đó, nhưng chung cuộc đều là không. Do thế, bảo rằng sắc không khác không, không chẳng khác sắc. Sắc chẳng khác không, tức là chân không. Không chẳng khác sắc tức là diệu hữu. Chân không cũng là diệu hữu, diệu hữu cũng là chân không. Không thể bỏ chân không, hướng ngoại tìm cầu diệu hữu, cũng không thể bỏ diệu hữu mà xuất hiện chân không. Đó là từ khi trời đất chưa khai mở, trước khi được cha mẹ sanh ra, là bản lai diện mục mà mình đồng với chư Phật không khác.

Do bốn đại hòa hợp mà thành sắc thân, có hình sắc có thể thấy, hưởng thọ sung sướng. Có ba loại thọ cũng là ba loại khổ. Chúng là gì ? Tức là khô thọ, lạc thọ, và không khổ, không lạc thọ. Chư vị có sợ khổ không ? Càng sợ khổ chừng nào thì càng có nhiều khổ chừng đó. Sao tôi bảo chớ nên sợ khổ. Khổ ít hay nhiều ? Chư vị đừng có sợ khổ. Tuy khổ không nhiều nhưng khổ vốn không có thật. Nếu sợ khổ bao nhiêu thì bị cảm khổ bấy nhiêu, khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Chúng ta phải cảm giác mình là người khổ nhất trần gian. Tất cả sự việc đều cảm thấy khổ.

Tôi có một đệ tử. Hắn cảm giác mọi việc đều khổ; nói năng cũng khổ; muốn ăn này nợ cũng khổ; nhưng làm việc sinh sống thì không khổ, vui vẻ làm việc. Tuy nhiên, trên gian rất ít công việc an nhàn. Công việc an nhàn cũng là quả khổ. Thọ lạc tức thọ vui thú, hưởng thọ. Thích có xe hơi, nhưng sau khi mua xe rồi thì lại muốn mua máy bay. Có máy bay rồi thì muốn mua thêm tàu để chạy ra biển du ngoạn. Có tàu rồi lại muốn ngồi trên phi thuyền hỏa tốc để du hành lên cung trăng. Chư vị nói thử coi, những vọng tưởng này có bao giờ ngừng đâu. Tuy hưởng thọ, hưởng thú vui, nhưng càng đầy đủ chừng nào thì tâm lại càng muốn nhiều thêm. Đến được cung trăng, nhưng kết quả không hợp thủy thổ, liền sanh bệnh. Trên cung trăng không có bác sĩ. Chết tại cung trăng rồi biến thành quỷ ở cung trăng. Chư vị hãy nói xem, đó là an vui hay khổ đau. Đây là hưởng lạc mà cũng là nhân của khổ.

Không khổ không lạc. Chư vị nói : "Tôi không muốn khổ cũng không muốn quá an lạc, chỉ muốn sống một đời bình thường thôi."

Không sai ! Một đời làm ăn buôn bán, không có lời, không được lợi tức mà cũng không thua lỗ. Vốn có năm mươi ngàn, làm bao năm rồi vẫn còn năm mươi ngàn. Đó gọi là không khổ không an lạc, nhưng rất mát mát. Chư vị đến thế gian này, mê mờ mà đến, lại mê mờ mà đi. Tài sản sở hữu không biết xử lý cho đúng. Chư vị cũng không biết an bài tương mục của mình, mê mờ đến, mê mờ đi, không có ý nghĩa gì cả. Muốn hưởng thọ thì không thể không khởi vọng tưởng. "Tôi phải kiếm cách gì để mua xe hơi, mua nhà sang trọng, mua tàu thủy, mua máy bay ?"

Nghĩ đến nghĩ lui, khởi những vọng tưởng này, khiến tóc đều bạc hết. Khi leo lên giường thì suy nghĩ trăm ngàn kế. Sáng sớm thức dậy, chưa kịp trở mình mà đã tính toán bao việc. Đây là những giấc mộng thực đẹp ! Hành tức là thực hành. Thực hành gì ? Thực hành theo những vọng tưởng của chư vị. Thân thể của chư vị tức là sắc uẩn. Có sắc uẩn này nên có tư tưởng hưởng thọ. Muốn hưởng thọ cũng là khởi vọng tưởng. Muốn hưởng thọ thì phải làm để đạt đến mục đích; làm rồi mới sinh ra ít nhiều trí huệ. Thức là một loại thông minh nhỏ, chỉ bằng một cọng tóc trên đầu thôi. Trí huệ nhỏ trụ nơi lâu trí huệ nhỏ, làm những việc tiểu trí huệ. Trí huệ nhỏ này tại lâu nhỏ nhỏ có thể phát triển được không ? Không thể được. Tại lâu nhỏ, công ty nhỏ, không thể làm sự nghiệp lớn được. Thế nên, chư vị phải có trí huệ thì mới giúp đỡ chính mình thực hành những kế hoạch đã vạch sẵn. Thực hành được thì sẽ đạt được như ý, rồi sau đó hưởng thọ, khiến thân thể sung sướng đầy đủ. Sau khi thân thể hưởng thọ như ý muốn, chỉ trong năm phút thì huyết quản liền đứt mà chết vì hưởng thọ quá độ. Hưởng thọ này không bền lâu. Đây thuộc về năm uẩn. Năm uẩn này hòa hợp thành một công ty. Công ty này mở rồi đóng, đóng rồi mở, không ngừng nghỉ. Chư vị cảm giác ước muốn một điều, là gì ? Tức là vì đời nay không kiếm ra nhiều tiền, chỉ mong đời sau kiếm được chút ít. Ví như đánh cờ bạc, bỏ tiền vào ngăn, nghĩ rằng kéo ra sẽ được nhiều tiền, nhưng khi bỏ vào thì tiền lọt vào lỗ khác, thuộc về người. Vốn tính đánh bạc cầu thắng mà ngược lại mất tiền, bị thua lỗ. Thân thể chúng ta cũng như thế, nay lại muốn đánh bạc. Tại sao vậy ? Vì chư vị không chịu nhìn thấu suốt, không biết rằng trời đất thế gian có nhiều sự vi diệu, cảnh giới không thể nghĩ bàn. Chư vị không nên bước bên phải bên trái giống như khi xưa nữa, càng sa xuống thì càng lún sâu. Vậy, chư vị phải làm gì ? Chư vị phải dẹp trừ tâm tham thì sẽ không còn thua lỗ nữa. Lại nữa, chư vị nên giữ bốn phận của mình và tu hành, đó gọi là phản bản hoàn nguyên (xoay về cội gốc), thì mới có thể trở về nhà được. Bên trên, giảng về ba loại sắc, tức là sắc có thể đối có thể thấy, sắc có thể đối không thể thấy, sắc không thể đối không thể thấy. Đó là mười một loại sắc pháp. Tại sao thế ? năm căn, mắt tai mũi lưỡi thân ý, lại thêm sáu trần

sắc, thanh hương vị xúc pháp. Năm căn đối với sáu trần sanh ra mười một loại sắc pháp. Mười một loại này cũng được phân tách từ ba loại sắc ở bên trên, tức là sắc có thể đối có thể thấy, sắc có thể đối không thể thấy, sắc không thể đối không thể thấy.

Có thể đối có thể thấy, tôi đã giảng ở phần trên rồi, tức là tất cả vật có hình tướng, hiển lộ hình sắc trước mắt chư vị. Có thể đối không thể thấy tức là bốn loại âm thanh, mùi hương, mùi vị, xúc chạm. Âm thanh có thể nghe nhưng không thể thấy. Hương vị xúc cũng như thế, chỉ có cảm giác mà không thể thấy. Không thể đối không thể thấy tức là pháp trần, cũng chung quy nơi sắc pháp. Sắc pháp này không thể thấy được, cũng không thể cảm giác được, nhưng trong ý niệm lại biết đến. Sao gọi là sắc pháp ? Vì nó là ảnh tử của năm trần lưu lại trong tâm thức. Loại ảnh trần này cũng thuộc về sắc pháp. Đó là một loại sắc trong ý thức. Bên trên đã nói sắc tức là không. Thọ tướng hành thức cũng đều không, cũng lại đồng dạng với sắc trần. Sắc trần từ đâu đến ? Sắc trần đối với sáu căn sanh ra sáu thức, nên biến thành sắc trần.

"Tái hò Xá Lợi nhữ đế thính, (lại này Xá Lợi, nên nghe kỹ)".

Đức Phật lại bảo ngài Xá Lợi Phát rằng hãy nên chú ý lắng nghe cho kỹ. "Thị chư pháp không tướng vô tánh, (các pháp vốn không tướng vô tánh)". Tánh của sáu căn, thấy, nghe, ngửi, nếm, giác, tri vốn là không. Sắc do tánh mà hiển. Sắc cũng là không. Chẳng thể bỏ rời sắc mà giữ được không. Bàn về sắc và kiến tánh, chư vị bảo rằng sắc có trước hay kiến tánh có trước ? Nếu nói sắc có trước thì chưa thấy gì mà sao lại hiển xuất ra sắc? Nếu nói đầu tiên có kiến tánh, thì khi không có sắc có thể đối thì kiến tánh (thấy tánh) chỗ nào ? Không có sắc mà chư vị kiến tánh (thấy tánh) thì không ích lợi gì. Thế nên phải thấy tánh vốn là không. Sắc cũng là không. Chư vị chớ khởi ra loại biên kế chấp tánh. Chấp trước có tức là có, không tức là không. Không và có vốn không hai. Chấp thấy có tức nhất định là có, thì không thể liễu giải (hiểu rõ) đạo lý không hai của có và không. Vì vậy, nếu hương ngoại truy cầu, thì đem đầu đặt lên đầu, chấp trước khởi vọng. Vì thế, Phật thuyết "Tâm Kinh" tức là thuyết về đạo lý không hai của có và không. Diệu pháp không hai của có và không. Thọ tướng hành thức cũng đồng với không và sắc. Chư pháp vốn không tướng vô tánh.

Tất cả năm uẩn pháp, sắc, thọ tướng hành thức đều là tổng hợp các pháp, tức là mười một loại sắc pháp, tám tâm pháp, năm mươi một tâm sở pháp, hai mươi bốn bất tương ưng pháp, sáu vô vi pháp, thành một trăm pháp. Mười

một sắc pháp tức là mười một loại sắc trần vừa giảng ở trên, cũng là năm căn đối với sáu trần. Năm căn là năm loại sắc pháp. Sáu trần là sáu loại sắc pháp. Cộng thành mười một loại sắc pháp. Tám tâm pháp tức là nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạng nhĩ, cùng a lại da thức, cộng thành tám tâm pháp. Năm mươi một tâm sở pháp nghĩa là thọ và tưởng phân tích tường tận ra thành năm mươi một loại tâm sở pháp. Hành tức là hai mươi bốn bất tương ưng pháp. Thức cũng là tám thức đã nói ở trên. Lại thêm sáu vô vi pháp, tổng cộng thành một trăm pháp.

Một trăm pháp này do hai vị bồ tát Thiên Thân, Vô Trước tóm gọn sáu trăm sáu mươi pháp của bồ tát Di Lặc phân thành một trăm pháp. Bồ tát Di Lặc lấy thời số một đời thuyết pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni mà biên thành sáu trăm sáu mươi loại pháp. Vì sáu trăm sáu mươi pháp quá nhiều, nên sau này, bồ tát Thiên Thân và Vô Trước nghiên cứu tóm tắt lại thành một trăm pháp. Do đó nói rằng các pháp vốn không tướng, vô tánh, tức bảo rằng năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức đều là không, chẳng có tự tánh.

"Bất sanh bất diệt tịch nhiên thông, (không sanh không diệt thông tịch nhiên)".

Bồ tát Long Thọ có thuyết những bài kệ tụng nói về pháp sanh diệt thật rất tường tận. Ngài nói :

"Kỷ sanh vô hữu tánh  
Vi sanh kỷ vô sanh  
Ly kỷ sanh vi sanh  
Sanh thời tức vô sanh."

Dịch :

"Đã sanh mà không sanh  
Chưa sanh đã không sanh  
Rời đã sanh chưa sanh  
Lúc sanh tức vô sanh".

"Đã sanh mà chưa sanh", tức là đã sanh rồi mà vẫn như chưa sanh. Sao nói thế ? Đã sanh rồi sau lại có sanh ? Ví như cây đã mọc mầm rồi thì không còn mọc thêm nữa.

"Chưa sanh đã vô sanh". Sao là chưa sanh ? Chưa sanh là chưa có sanh. Chưa có sanh lại có sanh không ?

"Ly đã sanh chưa sanh" tức là xa rời đã sanh và chưa sanh.



"Lúc sanh tức vô sanh", nghĩa là ngay khi sanh tức là không có sanh. Giống như đạo lý tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai cũng không thể được.

Đây là bồ tát Long Thọ phát minh ra lý không sanh không diệt. Lý luận này thật rất thâm sâu triệt để. Do vì Phật thuyết tám loại tướng, tức không sanh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, không một cũng không khác, không đến cũng không đi. Bồ tát Long Thọ dùng bốn câu kệ tụng để hình dung vô sanh và sanh giống như nhau. Sao lại giảng về diệt ? Cũng có thể nói :

"Đã diệt, không có diệt  
Chưa diệt đã không diệt  
Rời đã diệt chưa diệt  
Lúc diệt tức vô diệt".

Những loại lý luận này tôi tin chắc rằng mọi người đều chẳng hiểu gì cả. Do đó tôi không giảng thẳng về chúng. Hiện tại, bất quá chỉ giảng về lý không sanh không diệt. Lý không sanh không diệt thông tịch nhiên, tịch nhiên thông đạt vô ngại.

"Bất cầu bất tịnh ly ô nhiễm, (không dơ không sạch xa ô nhiễm)". Tự tánh vốn không dơ không sạch, nhưng khi sanh ra, con người lại có dơ có sạch. Dơ sạch này cũng là không dơ không sạch. Chỉ vì chúng ta có tánh chấp biến kế, chấp trước đây là dơ, đây là không dơ, đây là sạch, đây là không sạch. Vì có tâm chấp trước như thế nên biến thành có dơ và có sạch. Sao nói đó là một loại tâm chấp trước ? Ví như tay của chúng ta, đôi khi bị ô nhiễm bởi phân người hay phân heo. Lúc ấy, cảm giác rất dơ bẩn, nhưng dùng nước tẩy rửa thì tay trở lại sạch sẽ. Nhưng khi quần áo bị dính phân thì tuy tẩy rửa nhưng vẫn còn cảm giác như bẩn. Do đó, chúng ta muốn liệng nó đi. Đối với bàn tay, sau khi rửa sạch thì không còn chấp trước nữa, vì không thể dùng dao cắt đứt bỏ đi, nên tâm nghĩ rằng tay đã được rửa sạch. Đối với quần áo, dầu được giặt rửa rồi nhưng vẫn không thích, không muốn dùng lại nữa, vì do tâm không thích. Tâm không chấp trước vào quần áo. Đó là không như không sạch. Nếu chư vị không có tâm chấp trước thì cho dầu bọt như nước nhưng không hề hấn gì cả. Như nước và sạch sẽ đều cùng một dạng. Không dơ không sạch là cội gốc của tự tánh. Đối với mọi sự việc dơ hay sạch, đều phải lãnh hội lý không dơ không sạch. Không vì dơ sạch mà làm chuyển động tâm mình. Đó mới hợp với tự tánh của chúng ta. Chư vị phải có trình độ nhận thức như thế, thì đức hạnh của mình mới hợp với đạo lý trời đất, hợp với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Tại sao kim quang của

đức Phật như ngàn muôn ức mặt trời ? Vì ngài hội được lý không đơ không sạch. Ngài đạt được đạo lý của trời và người. Ngài hòa hợp thành một thể với bốn mùa, xuân hạ thu đông. Ngài lại hòa hợp với những việc điềm xấu của quý thần. Tại sao chư vị không thể được như thế ? Vì chư vị còn có tâm chấp trước, tánh chấp biến kế. Chư vị phải phản bản hoàn nguyên, xa rời ô nhiễm.

"Bất tăng bất giảm ngộ huyền trung. (Không tăng không giảm, ngộ trong huyền)". Chư vị phải giác ngộ được tự tánh vốn không tăng không diệt, thì mới liễu ngộ được lý trung đạo tối vi diệu. Tôi vừa giảng về bồ tát Long Thọ thuyết về lý không sanh, lại thêm Phật thuyết thời pháp môn phương đẳng có tám loại tướng, tức là không sanh không diệt, không đoạn không thường, không một không khác, không đến không đi. Có người không chấp đoạn nhưng lại chấp thường. Đoạn tức là đoạn diệt. Thường tức là tồn tại. Đoạn kiến, thường kiến là lý luận của ngoại đạo. Pháp Phật thuyết là không đoạn không thường. Vậy, đối với chúng ta, khi chết rồi còn hay là mất ? Nếu nói thường còn thì sao chúng ta lại không gặp lại được những người xưa ? Vì đời người vô thường không mãi tồn tại. Chư vị cũng không nên bảo không thường hằng. Hiện tại chúng ta ăn cơm cũng giống như người xưa vậy. Đó là không đoạn. Thế nên Phật thuyết pháp không thường không đoạn. Không nên chấp trước đoạn kiến, hay thường kiến, mà phải hòa nơi trung đạo, nên gọi là ngộ trung huyền.

Không đến không đi tức là đức Như Lai không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Chớ bảo rằng chúng ta cũng như đức Như Lai 'bất lai bất khứ (không đến không đi)'.  
Bảo rằng đến tức là chúng ta từ đâu đến ? Chư vị không hề biết. Bảo rằng đi tức là chúng ta sẽ đi về đâu ? Chư vị cũng không biết. Không đến không đi tức là không từ đâu đến và không đi về đâu.

Lại bàn về không một không khác. Không một tức là không đồng một dạng. Không khác tức là không có hai, chẳng có tướng sai biệt. Không một tức là không có tướng đồng với tướng. Luận về thân thể chúng ta, nó không chỉ do một vật hợp thành, mà do nhiều bộ phận khác biệt hợp thành, nên gọi là chẳng phải một. Bàn đến lý không khác, lại luận về thân thể, chỉ có một thân, không có thêm thân khác. Những loại lý luận này thật rất khó hiểu. Mỗi lần giảng chút ít, rồi từ từ mới có thể liễu giải.

Không tăng không giảm, nghĩa là tự tánh chúng ta không tăng không giảm.  
Nhu câu :

"Vô tình tạng nguyệt tăng trung giảm, (ánh trăng vô tình tăng trong giảm)". Hữu vị Phật pháp khổ hậu điền, (ném vị Phật pháp sau khổ nhọc)". Tạng nguyệt (ánh trăng) tức vô tình, không có tình thức. Tuy nói nó có tăng mà cũng có diệt. Ánh trăng vô tình. Chư vị bảo mặt trăng đừng lặn mất, lưu lại nơi đây một thời gian. Không thể được ! Dầu chư vị có làm gì đi nữa cũng không thể giữ mặt trăng đứng lại một chỗ. Trừ phi chư vị giữ được mặt trời cố định một chỗ, tức bảo rằng mặt trời không động. Điều này thật không thể được ! Ngày nay khoa học có tiến bộ bao nhiêu đi nữa vẫn không có cách khiến mặt trời bất động. Ánh mặt trời cũng thuộc về loài vô tình. Tăng trong giảm, như năm nay tôi sáu mươi tuổi. Năm kế sẽ sáu mươi một tuổi. Thọ mạng tăng thêm một tuổi, nhưng lại thêm một năm gần cái chết. Ví như bảo rằng tôi sống đến một trăm tuổi mới chết, mà nay đang sống đến sáu mươi một tuổi, tức là phải giảm đến ba mươi chín năm nữa. Nhưng đó cũng chính là tăng tuổi thọ. Vì vậy bảo rằng trong tăng lại có giảm. Ngược lại, trong giảm lại có tăng. Chư vị phải hiểu rõ lý này chân thật, nó vốn không tăng cũng không giảm.

"Hữu vị Phật pháp khổ hậu điền, (ném vị Phật pháp sau khổ nhọc)". Hương vị Phật pháp rất ngọt ngào. Đối với Phật pháp, chư vị học được một chút thì hiểu rõ một chút. Hôm qua tôi đã giảng về lý khai ngộ. Khai ngộ có tiểu ngộ, trung ngộ và đại ngộ. Tiểu ngộ là ít hay nhiều mà sao lại gọi là tiểu ? Giống như hư không rất rộng lớn, khi đã khai ngộ từ trong ruộng tám thức, chư vị cũng vẫn không hay biết. Trung ngộ nghĩa là chư vị cảm giác là mình hiểu rõ được chút ít đạo lý, như lý không tăng không giảm, lý không sanh không diệt xưa nay. Hiểu rõ những đạo lý này được rồi thì gọi là trung ngộ. Đại ngộ tức là dứt tận sanh tử, việc gì đến hay đi cũng đều biết hết. Sau gọi là tăng ? Sau gọi là giảm ? Biết rõ lý không tăng không giảm, hoàn toàn liễu giải được lý không sanh không diệt gọi là đại ngộ.

"Ném vị Phật pháp sau khổ nhọc". Chư vị nhất định phải nhẫn chịu một chút khổ. Không phải học liên tiếp bốn năm ngày rồi cho đó là học Phật pháp đầy đủ rồi. Chư vị nhất định phải có tâm nhẫn nhục, không luận khôn khổ, gian nan gì cũng đều phải học. Ngày ngày tôi phải đến trường dạy tiếng Tàu cho học sinh. Đến lúc giảng kinh, tôi cũng phải giảng, trừ phi có những trường hợp đặc biệt. Tuyệt đối tôi không bao giờ làm biếng. Cần phải tu hành chân thật thì mới ném được mùi vị Phật pháp, nên đầu tiên phải chịu khổ đau nhọc nhằn. Do đó, chớ có sợ khổ. Càng khổ nhiều chừng nào càng tốt chừng ấy. Phải phấn chấn tinh thần, lập định chí hướng, dũng mãnh tinh tấn tiên bước. Đừng sợ khổ nhọc, gian nan.

"Đạm nhiên tịnh cực siêu tạo hóa." Đạm nhiên tức là thanh tịnh. Cực tịnh nghĩa là tịch tĩnh đến cùng tột. Siêu tạo hóa, nghĩa là siêu xuất công năng tạo hóa của trời đất.

"Đốn giác ngã pháp bốn viên dung, (liền giác ngã pháp vốn viên dung)".  
Chư vị nếu hiểu rõ đạo lý này thì tức khắc biết được mình và pháp vốn là một, không có phân biệt, không hai không khác, gốc vốn là viên dung không ngại.

**"Thị cố không trung vô sắc, vô thọ tướng hành thức, vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, (cho đến trong không chẳng có sắc, chẳng có thọ tướng hành thức, chẳng có mắt tay mũi lưỡi thân ý, chẳng có sắc thanh hương vị xúc pháp, chẳng có nhãn giới, cho đến chẳng có ý thức giới)".**

"Thị cố không trung vô sắc tướng  
Thọ tướng hành thức diệt vong trược  
Lục căn trần tịnh lục thức  
Tam tâm chỉ thấu tam quan  
Bạch ngưu đại xa lân lân chuyển  
Hoàng kiêu tiểu nhi khiêu khiêu toàn  
Nhược vấn cá trung hà chỉ thú  
Tiền tam tam tiếp hậu tam tam  
Dịch :  
Do đó trong không chẳng có sắc  
Thọ tướng hành thức cũng không trược  
Sáu căn sáu trần cùng sáu thức  
Ba tâm ba chỉ thấu ba cửa  
Trâu trắng xe lớn, chuyển từ từ  
Bé mặt vàng đập đến đập lui  
Nếu hỏi đường hướng như thế nào  
Trước ba ba tiếp, sau ba ba".

Trong không chẳng có sắc. Đó là bàn tiếp về đoạn văn ở trên. Bên trên, không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Vì chân không chẳng có sắc thọ tướng hành thức. Bốn thể của thọ tướng hành thức vốn là không. Sáu căn, mắt tai mũi lưỡi thân ý cũng không có. Sáu trần, sắc thanh hương vị xúc pháp chẳng có luôn. Sáu thức, thức của mắt tai mũi lưỡi thân ý đều là không. Tâm kinh này đàm luận về lý không tức chân không bát nhã. Chân không bát nhã chính là diệu hữu. Diệu hữu phi hữu tức

là chân không. Do đó bảo rằng chân không không ngăn ngại diệu hữu, diệu hữu không ngăn ngại chân không, chân không là diệu hữu, diệu hữu cũng là chân không. Vì thế, bên trên kinh cũng nói rằng sắc không khác không, không chẳng khác sắc.

Pháp năm uẩn chính là pháp tổng quát. Sắc pháp của năm uẩn cũng là không. Sáu căn, sáu trần, sáu thức, còn lại chính là pháp biệt tướng. Tổng tướng đã là không, thì biệt tướng đương nhiên cũng không có. Vì vậy, Ngài thuyết rằng không mất tai mũi lưỡi thân ý, không sắc thanh hương vị xúc pháp, không có giới hạn của mắt cho đến không có giới hạn của ý thức. Sáu căn, sáu trần, sáu thức, hợp lại thành mười tám giới. Sáu căn cộng với sáu trần gọi là mười hai xứ. Sáu căn cũng là sáu nhập. Mười tám giới cũng là không. Sao thuyết ra pháp đó ? Đối với phàm phu thì có pháp này, còn đối với thánh nhân thì là không. Do đó, nói kệ :

"Thị cố không trung vô sắc tướng, (do đó trong không chẳng có sắc)".  
Vì bên trên đã nói rõ lý này, tức trong không, không có sắc.

"Thọ tướng hành thức diệt vong trước. (Thọ tướng hành thức cũng không trước)".

Thọ tướng hành thức cũng không ô trước.

"Lục căn lục trần tịnh lục thức, (sáu căn sáu trần cùng sáu thức)".  
Sáu căn là mất tai mũi lưỡi thân ý. Sáu trần là đối xứng với sáu căn mà có như sắc, thanh hương, vị, xúc, pháp. Căn tăng trưởng xuất sanh. Trần y theo đó mà bị ô nhiễm. Do sáu căn đối với sáu trần khởi phân biệt nên sanh ra sáu thức; thức của mất tai mũi lưỡi thân ý. Tất cả hợp thành mười tám giới.

"Tam tâm tam chỉ thấu tam quan, (ba tâm ba chỉ thấu ba cửa)".  
Ba tâm tức là tâm quá khứ, hiện tại, vị lai. Tâm quá khứ đã ngừng. Tâm hiện tại cũng dừng. Tâm vị lai lại dừng. Ba tâm không thể có. Tâm quá khứ không thể được. Tâm hiện tại không thể được. Tâm vị lai cũng không thể được. Ba tâm không thể được. Không thể khởi tâm quá khứ. Tâm hiện tại không thể sanh. Tâm vị lai cũng chưa có. Khi ấy, tâm không nghĩ thiện, không nghĩ ác. Ba tâm của chư vị cũng không có. Sao gọi nghĩ thiện, nghĩ ác ? Tức là khi chư vị dụng công tu hành, đạt đến cảnh giới dùng thiền duyệt làm món ăn, pháp hỷ đều đầy đủ. Khi ấy, đang ngồi tĩnh tọa, chư vị khai mở sơ quan (cửa đầu), trung quan (cửa giữa), thượng quan (cửa trên). Sơ quan cũng gọi là cửa Mao Cung. Trung quan gọi là cửa Lai Tích. Thượng quan gọi là cửa Ngọc Châm, hay là cửa sanh tử. Cửa đầu và giữa dễ dàng phá vỡ, vượt qua, nhưng đến cửa thứ ba thì rất khó khăn. Vượt qua được cửa thứ ba,

chư vị lại phải hướng về phía trước mà tiếp tục tu hành. Khi đó, chư vị đạt đến cảnh giới gì ?

"Bạch ngưu đại xa lân lân chuyển, (trâu trắng, xe lớn, chuyển từ từ)". Trong kinh Pháp Hoa có nói đến xe lớn, trâu trắng, tức là Phật thừa, chỉ có Phật thừa mà không có thừa nào khác. Lại nữa, muốn thành Phật thì phải đi trên con đường này, thì mới ngồi trên cổ xe lớn trâu trắng. Chưa thành Phật được thì không thể ngồi trên xe này. Tức bảo rằng chúng ta dụng công đặc lực để chuyển pháp luân, giáo hóa chúng sanh.

Sao gọi là cổ xe lớn trâu trắng, mà không nói xe lớn trâu đen, hay xe lớn trâu vàng, hoặc xe lớn trâu nhiều màu ? Con trâu này màu trắng, giống như tự tánh của chúng ta không ô nhiễm. Chư vị từ từ hành pháp đại thừa. Xe trâu trắng đi trên đường đại thừa, phát ra âm thanh lân lân. Khi đó, người tu hành đạt được cảm giác. Cảm giác gì ?

"Hoàng kiếm tiêu nhi khiêu khiêu toản, (bé mặt vàng đập tới đập lui)". Cảm giác như say sưa, ngủ mơ, mộng mị, tức là không biết gì là chân, gì là giả, là hư là thật, bốn chi (hay tay hai chân) rất mềm diu. Tay không có sức lực; chân cũng không có sức lực, giống như bùn non, không muốn làm gì hết. Khi ngồi thiền, hay không ngồi thiền, thân thể đột nhiên rung động nhanh chóng. Khi ấy tâm chúng ta đập. Kỳ thật không phải là tâm đập mà là lá lách đập. Sao lá lách đập ? Lá lách đập giúp chúng ta tiêu hóa dễ dàng. Chư vị chạy mau chút ít thì lá lách làm việc nhiều chút ít. Hoàng kiếm tiêu nhi là ai ? Tức là ý niệm của chư vị, nghĩa là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Ý tại lá lách. Lá lách màu vàng, nên gọi là đứa bé mặt vàng.

"Khiêu khiêu toản", tức là đập tới đập lui. Thế nên, người thường ngồi thiền, lắm khi ngồi đến lúc không biết gì hết. "Tim tôi đập như thế nào, có bị bệnh gì không ?"

Tâm khởi lo sợ như thế. Chớ lo sợ. Đó chỉ là quá trình tu hành mà chúng ta phải vượt qua. Khi xe lớn trâu trắng chuyển pháp luân thì ý niệm cũng khởi dậy, tim đập mạnh rất nguy hiểm. Lúc đó tâm phát sanh sợ hãi. Tim đập mạnh như thỏ nhảy tới nhảy lui.

"Nhược vấn cá trung hà chỉ thú, (nếu hỏi đường hướng nơi đó thế nào)". Nếu chư vị hỏi lý lẽ, tông chỉ này như thế nào, thì có thể đáp rằng : "Tiền tam tam tiếp hậu tam tam, (trước ba ba tiếp, sau ba ba)". Trước và sau có ba chỗ. Khi ấy, gặp được đường sanh tử. Trước kia, đường sanh đường tử khác nhau. Đường sanh thì đi theo đường sanh. Đường tử thì

đi theo đường tử. Hiện tại thì sau ? Đường sanh đường tử nhập làm một. Sanh cũng là tử. Tử cũng là sanh. Tựa như sắc không khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Sanh tử cũng thế, không phải là hai, cũng lại không sanh không tử.

Chư vị phải dụng công tu hành. Nếu không dụng công tu hành thì tiến một bước, nhưng lại lùi bốn bước. Nếu vậy thì không có công dụng gì hết. Thế nên, trừ phi không tu thì thôi, còn nếu đã tu thì ngày ngày phải tinh tấn tiến bước. Nếu thối một bước thì công phu trước đã mất hết rồi. Nếu muốn tu đạo thì phải bắt đầu trở lại. Vì thế, tu đạo phải luôn tiến bước, chớ nên thối lui.

**"Vô vô minh, diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận,** (không có vô minh, cũng không có tận hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có tận hết già chết)".

"Vô vô minh tận bốn tánh không  
Vọng hành liễu biệt danh sắc từng  
Lục nhập trực thọ ái thủ hữu  
Lai sanh lão tử tận tương đồng  
Vạn lý tình không tuyệt vân ảnh  
Mãn đàm trùng thủy hiển nguyệt minh  
Như nhân kiết ẩm tri lãnh noãn  
Thuyết thực trợ trường tông pháp công.

Dịch :

Không vô minh tận không bốn tánh  
Hành vọng hiểu rõ từ danh sắc  
Sáu nhập trực thọ ái thủ hữu  
Từ sanh già chết tận tương đồng  
Muôn dặm tình không tuyệt ánh mây  
Nước trong ao sạch trắng hiện rõ  
Như khi ăn uống biết lạnh nóng  
Nói ăn chẳng ăn thật phí công."

"Không có vô minh, cũng không tận hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có hết già chết". Đây là thuyết về lý mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên này là tu theo thừa Duyên Giác. Có mười hai loại duyên làm trợ duyên, tức trợ giúp con người sanh rồi lại chết, chết rồi lại sanh. Các ngài Duyên Giác do tu pháp mười hai nhân duyên mà hiểu rõ bao đạo lý nhân sanh, khai ngộ, chứng được quả Bích Chi Phật. Đó gọi là trung thừa. Thanh

Văn là tiểu thừa. Bích Chi Phật là trung thừa. Bồ Tát là đại thừa. Sao gọi là vô minh ? Vô minh nghĩa là không minh bạch; thế gian gọi là mù mờ, tức là không hiểu rõ đạo lý, mù mù mờ mờ. Vì không minh bạch nên mới có hành vi mê mê mờ mờ, cũng chính là vọng hành (làm sai trái), nghĩa là việc không nên làm mà lại làm. Khi đã làm sai thì nhận thức hư vọng, dẫn đến mê mờ vì danh lợi sắc tướng, lại biến thành nhập mù mờ, xúc mù mờ, thọ xúc mù mờ, hưởng thọ mù mờ, ái mù mờ, mong cầu chấp giữ mù mờ, rồi muốn đạt được mù mờ, dẫn đến có sanh, lại có già, chết. Những nhân duyên này do vì mê mờ trong buổi ban đầu, nên kết quả mới bị mê mờ. Mê mờ mờ sống qua một đời. Đời sau lại mê mê mờ mờ. Thế nên mười hai nhân duyên cũng là mười hai nhân duyên mê mờ mà phàm phu không thể minh bạch hiểu rõ.

"Vô vô minh tận bản tánh không, (không tận vô minh, không bản tánh)". Mười hai nhân duyên này, lúc ban đầu là mê mờ. Bao loại tham dục của con người, hoặc tham ăn, hoặc tham sắc v.v... chúng phát sanh từ đâu? Điều phát sanh từ vô minh. Trong mười hai nhân duyên, bàn về thọ sanh như thế nào, chết như thế nào ?

Vì vô minh nên có bao loại hành vi chủng tánh nam nữ. Hành vi bản tánh này do tâm mê loạn phát khởi. Có hành vi bản tánh đó rồi thì sanh ra ý thức ngu mê. Thức này chính là thân trung ấm. Sau khi có hành vi bản tánh nam nữ rồi thì kết một lần ánh sáng. Thân trung ấm tuy xa muôn ngàn vạn dặm nhưng vì có nhân duyên làm quyến thuộc với cha mẹ nó, nên khi thấy lần ánh sáng đó liền nhập vào thai mẹ. Sau khi thần thức đầu thai thì lại có danh sắc. Danh tức là bốn uẩn, thọ tướng hành thức. Sắc uẩn cũng gọi là sắc. Thọ tướng hành thức khi còn trong thai mẹ chỉ có bốn loại danh thức, nhưng chưa thành thực. Đợi cho đến khi có danh sắc rồi thì mới có sáu nhập. Sáu nhập cũng do sáu căn sanh ra sáu tánh như thấy nghe, ngửi, nếm, giác, biết. Có sáu nhập rồi thì đứa bé liền có xúc giác, nên nói sáu nhập duyên xúc. Có xúc giác thì lại có lãnh thọ. Có lãnh thọ nên sanh ra tâm luyến ái. Có tâm luyến ái nên sau này muốn mong cầu, giữ gìn. Vì vậy cảm thọ duyên chấp thủ. Luyến ái, mong cầu chấp thủ rồi lại muốn có được. Vì muốn có được nên mới có sanh. Có sanh nên mới có mười hai nhân duyên. Nếu không có vô minh thì không có hành. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh già bệnh chết diệt. Đó là diệt được mười hai nhân duyên. Thế nên, bảo rằng vô minh mà tận hết thì bản tánh không. Bản tánh không rồi thì không còn vô minh nữa.



"Vọng hành liễu biệt danh sắc tùng, (hiểu rõ hành vọng từ danh sắc)".  
Hành tức là vọng hành. Thức là liễu biệt. Sau khi có thức rồi thì có danh sắc.

"Lục nhập xúc thọ ái thủ hữu, (sáu nhập xúc thọ ái thủ hữu)".

Kế tiếp danh sắc là sáu nhập. Sau sáu nhập là xúc, đến thọ, đến ái, đến thủ, đến hữu.

"Lai sanh lão tử tận tương đồng, (đến sanh già chết tận tương đồng)".  
Có hữu thì có sanh. Có sanh thì có già chết. Do đó, bảo rằng sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, cho đến sanh già chết đều tương đồng tận hết.  
"Vạn lý tình không tuyệt vân ảnh, (trời trong muôn dặm tuyệt ánh mây)".  
Mười hai nhân duyên nối tiếp, liên hệ chằng chịt với nhau, nhưng tất cả vốn không, giống như trời trong muôn dặm, chẳng có một ánh mây hồng.  
"Mãn đàm trùng thủy hiển nguyệt minh, (nước trong trăng hiện rõ khắp hồ)".

Ví như hồ nước trong thì ánh trăng rằm hiện rõ.

"Nhu nhân kiết ẩm tri lãnh noãn, (như lúc uống ăn biết lạnh nóng)".  
Chư vị nếu liễu ngộ (hiểu rõ) pháp mười hai nhân duyên, tức là có công phu tu hành, thì khi ấy giống như lúc ăn cơm uống nước, tự biết là lạnh hay nóng.

"Thuyết thực trợ trường tổng phật công, (nói ăn mà chẳng ăn, phí công)".  
Nếu chư vị không thật sự tu hành, tham ngộ mười hai nhân duyên, mà chỉ nói mười hai nhân duyên này là không-không-không. Bảo rằng chúng là không, mà không thể hội được ý nghĩa không của chúng, không chân chánh chứng đắc được lý không này, cũng giống như người chỉ nói ăn mà thực sự không ăn. Kinh Lăng Nghiêm nói :

"Thí như thuyết thực chung bất năng bảo, (thí như nói ăn mà cuối cùng không no được)".

Dầu cho chư vị có nói bao ngày đi nữa, nhưng vẫn không no được.

Trợ trường là nói về chuyện những người ngu si đời Tống. Đương thời có nhiều người rất ngu si. Họ ngu đến nỗi nào ?

"Tống nhân mãn miêu chi bất trường, nhi yết chi giả. (Có người nước Tống gieo mạ mà không thấy mạ mọc, nên bứt rễ mạ)".

Có người nước Tống, tự tay gieo mạ, nhưng chẳng thấy mạ mọc lên, suy nghĩ : "Mạ của mình sao mọc chậm quá !", nên "búng rễ mạ lên".

Ông ta giúp mạ mọc lên mau chóng bằng cách kéo rễ mạ lên cả hai tác. Ông ta nói : "Một ngày mà mạ mọc cả hai tác !"

Ông ta làm như thế thật ngu mê, ám muội, lại khổ nhọc vì lo lắng. Ông ta thở hổn hển trở về và bảo người nhà : " Hôm nay tôi bị cảm bệnh". Vì sao ? Vì ông ta làm việc quá nhiều, tức là giúp mạ mọc dài ra. Người con tưởng cha mình có bản lãnh cao siêu, thần thông quảng đại, nên niêm chú, khiến cho mạ mọc cao lên. Do đó, người con chạy mau ra đồng xem coi sự tình. Lúc ấy, nhìn kỹ thì tất cả lúa mạ đã bị chết khô.

Đó là nói về người tu đạo, đừng nghĩ rằng tôi khai ngộ, tôi khai ngộ, tôi khai ngộ. Vì sao tôi chưa khai ngộ ? Làm thế nào tôi mới khai ngộ được ? Đi tới đi lui cũng chưa khai ngộ. Leo lên trèo xuống cũng chưa khai ngộ. Ngồi thiền cả một giờ vẫn chưa khai ngộ. Làm sao mới được khai ngộ ? Nếu chư vị có tâm này thì vĩnh viễn không thể khai ngộ. Tại sao ? Chư vị muốn khai ngộ tức che lấp mất tâm khai ngộ đó, tựa như ông người nước Tống muốn giúp mạ lên cao. Vì vậy bảo rằng nói ăn mà không ăn, giúp mạ lên cao, rất phí công sức, không thể dụng được. Chư vị phải bình tâm tịnh khí tu hành, chân thật từng bước mà đi, đừng hỏi rằng ngày mai tôi có được khai ngộ hay không, khi nào tôi mới khai ngộ ?

Chư vị chớ giữ những tâm này, chúng chỉ là vọng tưởng. Chư vị nếu có vọng tưởng thì đã dẫm mất tâm khai ngộ rồi. Khai ngộ sợ vọng tưởng. Tại sao tâm chư vị lại run sợ ? Chính là sợ vọng tưởng, cũng là sợ khai ngộ. Chư vị muốn khai ngộ thì tim đánh bình bịch. Tim đập liên tục, tức là vô hình chung nghiệp chướng sợ hãi : "Nếu nó khai ngộ thì mình phải làm gì ?" Nghiệp chướng không thể làm gì được.

---o0o---

### **Biệt giải văn nghĩa 3**

**"Vô khổ tập diệt đạo, (không có khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế)".**

"Chư khổ bức bách các tương công  
Tụ tập chiêu cảm tự bất đồng  
Duy diệt khả chứng cứu cánh lạc

Thị đạo ung tu ngộ pháp không  
Tam chuyển tứ đế pháp luân vận  
Thất giác bát chánh ý niệm cần  
Nhất đản quán thông thành thánh quả  
Thiên chân hữu dư nãi hóa thành  
Dịch :  
Bao khổ bức bách cùng công kích  
Tụ tập chiêu cảm tự không đồng  
Tánh diệt khả chứng tốt an lạc  
Là đạo nên tu ngộ pháp không  
Chuyển ba lần xe pháp tứ đế  
Bảy giác tám chánh ý niệm cần  
Một lần quán thông thành chánh quả  
Lịch chân hữu dư vẫn hoá thành".

Câu : "Không khổ tập diệt đạo", là pháp tu hành của Thanh Văn, tức là pháp Tứ Đế. Sao gọi là Thanh Văn ? Thanh Văn tức nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo, nên gọi là Thanh Văn. Đây là những vị được Phật giáo hóa đầu tiên nhất, vì là những vị có cơ duyên tiểu thừa. Khi Phật vừa mới thành đạo, Ngài thuyết kinh Hoa Nghiêm, nhưng những người tiểu thừa tuy có mắt mà không thấy được, có tai mà không nghe được. Tại sao có mắt mà không thấy được ? Vì pháp này rất vi diệu, cao siêu, quảng đại. Vì quá vi diệu nên người nhị thừa không thể hiểu rõ diệu pháp này. Do đó, bảo rằng thật không thể nghĩ bàn. Khi ấy Phật Thích Ca Mâu Ni hiện thân Phật Tỳ Lô Giá Na cao ngàn thước. Người nhị thừa như những đứa bé nhỏ, vì thân Phật quá cao nên họ không thể thấy được. Do đó "Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu", nghĩa là ngẩng đầu lên nhìn không thấy tới đâu, khoan xông nhưng quá cứng, nhìn thấy hiện đằng trước nhưng đột nhiên lại thấy chạy đằng sau. Ánh sáng từ đằng sau chiếu đến mà họ lại chạy đuổi theo đằng trước. Ánh sáng chiếu bên trái, lại chạy qua bên phải. Giống như hào quang của Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng qua bên trái, ngài A Nan chạy qua bên phải xem. Phật phóng hào quang qua bên phải thì ngài A Nan lại chạy qua bên trái mà xem. Nhìn thấy ánh sáng đằng trước, nhưng đột nhiên lại hiện ra đằng sau. Vì pháp này thật không thể nghĩ bàn, người nhị thừa không có cách gì để chiếu cố (chấp nhận), hay hiểu rõ. Do đó, có tai mà không nghe được pháp viên đốn, vì quá thâm sâu, nên không thể minh bạch. Đức Phật ẩn pháp đại thừa mà thị hiện pháp tiểu thừa, nên chỉ hiện thân lão tỳ kheo một thước sáu tấc để thuyết pháp Tứ Diệu Đế. Pháp Tứ Diệu Đế là

khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Phật ba lần chuyển pháp luân Tứ Đế. Lần thứ nhất là thị chuyển. Lần thứ hai là khuyến chuyển. Lần thứ ba là chứng chuyển. Chuyển tức là vận chuyển, như bánh xe luân hồi trong sáu đường, chuyển đến chuyển lui, nên gọi là ba lần chuyển pháp Tứ Diệu Đế. Ba chuyển, lần thứ nhất là thị chuyển, tức Phật nói đây là khổ, tánh bức bách, đây là tập, tánh chiêu cảm, đây là diệt, tánh có thể chứng, đây là đạo, tánh có thể tu.

Lần thứ hai là khuyến chuyển, đây là khổ, các con nên biết, đây là tập, các con nên đoạn, đây là diệt, các con nên chứng, đây là đạo, các con nên tu. Lần thứ ba là chứng chuyển, đây là khổ, các con nên biết, ta đã biết, không cần phải biết thêm nữa. Các con phải biết, còn Ta đã từng biết qua rồi. Ta không cần đem đầu mà đặt lên đầu nữa. Đây là tập, các con nên đoạn; Ta đã đoạn rồi, không cần phải đoạn thêm nữa. Ta bảo các con nên đoạn, còn Ta đã đoạn hết rồi, không cần phải đoạn thêm nữa. Đây là diệt, các con nên tu chứng; Ta đã chứng rồi, không cần phải chứng nữa; Ta đã chứng được diệt, và pháp Niết Bàn an lạc rồi, không cần phải chứng thêm nữa, chỉ đợi các con chứng lấy. Đây là đạo, các con nên tu; Ta đã tu rồi, không cần tu nữa. Đây là chứng chuyển, chứng minh tự đức Phật đã chứng đạt, nên Ngài bảo chúng ta phải y theo đó mà tu hành. Nếu tự chính Ngài chưa chứng đắc thì không thể bảo chúng ta tu hành.

Tứ Diệu Đế. Thứ nhất là khổ đế. Chư vị hãy nói xem khổ có thật hay là giả? Đế nghĩa là chân thật; khổ là chân thật. Như một đệ tử của tôi nói: "Này các khách trần! Các người hãy mau đi khỏi! Nếu các người không đi, Ta thật rất khổ."

Khách trần nếu không đi khỏi thì mình phải chịu khổ. Khách trần nếu đi khỏi thì khổ giảm thiểu dần dần.

Khổ có ba loại khổ, tức khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Lại có tám khổ, tức sanh già bệnh chết khổ (bốn loại khổ này từ thân phát xuất). Bên ngoài cũng có bốn loại khổ tức là khổ vì thương nhau mà xa lìa, khổ vì gần những người mình oán ghét, khổ vì cầu không được, khổ vì năm ấm tăng giảm hừng thành. Ảnh hưởng cảnh bên ngoài lại có vô số khổ đau.

"Chư khổ bức bách các tương công".

Khổ đế thật rất nhiều, chúng luôn công kích, gây chiến tranh, nên khiến cho con người bị bức bách không thể nhẫn chịu được, cơ hồ khí lực đều bị khổ chặt đứt đoạn. Khách trần đến, cái gì cũng đến, bảy tầng tám lớp. Sáu trần bên ngoài cùng sáu thức bên trong đồng đến tấn công chư vị. Mỗi việc khổ đều khiến chư vị quá khổ rồi, mà khổ lại chồng chất lên khổ. Ba loại khổ cũng đến bức bách, vô số khổ cũng đến bức bách. Tất cả khổ đều đến bức bách con người, nên gọi là "chư khổ bức bách các tương công, (bao khổ bức bách đồng công kích)".

Tập đế là tập hợp tất cả phiền não. Phiền não so với khách trần còn lợi hại hơn nhiều. Khách trần chỉ là hình thức khiến chúng ta thọ khổ bên ngoài thôi, nhưng chúng có thể khiến cho phiền não công kích chúng ta từ bên trong. Tại sao có phiền não ? Phiền não vốn là ông chủ của chúng ta, hiện nay đang diêu động. Bị gì mà diêu động ? Phiền não bị khách trần làm náo động. Lại vì không biết ông chủ của mình, nên phát khởi bực tức nóng giận, tức là phiền não. Chư vị hãy nói xem phiền não có lợi hại hơn khách trần không ? Chư vị có thể nói : "Này khách trần ! Các người hãy đi khỏi mau lên ! Nếu các người không đi, Ta thật quá khổ !"

Chư vị có thể đuổi chúng ra ngoài. Ông chủ phiền não này, chư vị muốn đuổi hẳn đi chỗ nào, đến chỗ nào ? Đuổi mãi mà hẳn không đi vì hẳn vẫn còn ở trong nhà của chư vị. Thế nên bảo rằng hẳn thật là lợi hại. Tôi không muốn giảng về phiền não. Tại sao ? Vì nếu tôi giảng thì chư vị sẽ thấy phiền não sao quá nhiều. Lúc không giảng, chư vị không biết phiền não có ít hay nhiều, lại vì không biết nên phiền não tùy tiện phát khởi, không biết không rõ để cho chúng đi qua. Nếu tôi giảng rõ, thì chư vị nói : "Đấy là phiền não à !"

Chính là chúng. Phiền não này chồng chất lên phiền não khác. Vì vậy, tuy giảng giải và thuyết pháp đã lâu mà tôi ít giảng về phiền não. Tôi đã từng nghe chư vị giảng về phiền não rồi. Có phải chư vị bảo là có tám muôn bốn ngàn phiền não không ? Không sai ! Tôi cũng đã giảng qua tám muôn bốn ngàn phiền não rồi. Tám muôn bốn ngàn phiền não thật quá nhiều, mà tôi chưa giảng từng danh tự của mỗi phiền não. Nay, tôi sẽ kể rõ danh tự của phiền não cho chư vị nghe. Chư vị nghe danh tự, tên của chúng rồi thì sẽ dễ dàng sanh phiền não. Sanh phiền não dễ dàng hơn trước khi nghe về phiền não, nên tôi không muốn giảng, sợ chư vị phát khởi phiền não dễ dàng. Nhưng nay đã đến lúc phải giảng, cơ duyên thành thực rồi. Hôm nay tôi sẽ giảng từng chi tiết về tên của phiền não. Phiền não có ít hay nhiều ? Có hai

mười loại phiền não. Hai mươi loại phiền não này gọi là tùy phiền não. Tùy tức là cân tùy (đi theo). Đi theo ai ? Chúng đi theo tôi và chư vị. Tôi và chư vị đi đâu thì chúng đi theo đó. Lại nữa, có sáu phiền não. Chúng là gì ? Tức là sáu phiền não căn bản. Hai mươi tùy phiền não cũng là tiểu phiền não, trung phiền não, và đại phiền não. Tiểu phiền não có nhiều hay ít ? Có mười loại. Trung phiền não có hai. Đại phiền não có tám. Đối với hai mươi loại phiền não này, chư vị hãy nói xem chúng là nhiều hay ít ? Chư vị muốn nhiều thì tôi cho nhiều. Chư vị muốn có một loại thì tôi cho một loại, muốn mười loại thì tôi cho mười loại, muốn mười lăm thì tôi cho mười lăm, muốn hai mươi thì tôi cho hai mươi.

Sao gọi là tiểu phiền não ? Tôi vốn muốn miêu tả hình dung phiền não cho chư vị xem, nhưng vì tốn rất nhiều thời gian nên tôi chỉ nói đơn giản thôi. Thứ nhất là phẫn. Phẫn tức là phẫn nộ bất bình. Chư vị hãy nói xem đó có phải là phiền não không ? Phẫn nộ bất bình tức là tâm chư vị hỗn độn, tâm ác nổi lên cực điểm. Chư vị có thích hay không thích ? Nếu thích thì cứ giữ lấy, còn tôi thì không thích. Giả như tôi đem phiền não cấp cho người khác. Vậy, có ai dám nhận lấy không ? Không ai dám tiếp nhận. Từ từ rồi tôi sẽ cho người.

Thứ hai là hận. "Tôi hận chư vị. Hận đáo đễ, thấu trời". Nhưng sao lại gọi là hận ? Hận tức là ngược lại với luyến ái. Sao chư vị lại hận người khác ? Vì thương họ, nhưng không thành nên trở lại oán hận. Tôi có cô đệ tử. Trước khi xuất gia, cô ta có bạn trai. Nghe cô ta đi tu nên anh chàng trở nên oán hận cô này. Vì vậy, anh ta gọi điện thoại đến chùa nói với cô ấy: "Tôi rất oán hận cô."

Thứ ba là lợi hại, tức là không những oán hận mà còn não hại nữa. Não tức là khổ não, hay cũng là phiền não, hoặc não oán. Tất cả đều không tự tại. Sao gọi là não ? Não tức là óc não, hay đầu não. Chư vị bị phiền não thì đầu cũng bị nhức, đôi mắt cũng nóng rực lên. Khi ấy có biết đầu lớn hay nhỏ ? Càng bị phiền toái chừng nào thì đầu to và nặng chừng ấy. Đau đến cực điểm thì bị đứt màng não, rồi sẽ chết. Có ai thích loại phiền não này không ? Nếu có ai muốn thì tôi nay sẽ bố thí cho.

Thứ tư là phục, nghĩa là phục tàng (che giấu), cái tàng. "Thiên phục địa tàng (trời che đất chứa)". Phục tàng (che giấu) còn lợi hại hơn phiền não, phẫn hận nữa. Phẫn hận phát xuất ra ngoài, còn che giấu thì không nói không ai biết, chỉ tự giấu kín thôi, nên gọi là che giấu. Che giấu tổn hại chính mình rất

nhiều, khiến sanh bệnh loét bao tử. Người Mỹ bị bệnh này rất ít, nhưng người Tàu thì rất nhiều, cho đến người xuất gia lại càng nhiều hơn nữa. Tại sao ? Vì họ thường che giấu, giữ kín trong bụng, không để cho người khác biết rằng họ có phiền não mà lại che giấu, không dám để lộ ra ngoài. Do đó bên trong sanh bệnh loét bao tử. Nếu ai bị bệnh này thì chư vị biết chắc rằng người đó có che giấu phiền não chi trong bụng. Đây là cách giảng pháp rất chính xác. Tôi nói rõ, căn kể cho chư vị nghe về loại phiền não này rồi đó ! Thứ năm là cuồng (nói dối). Kế bên chữ ngôn là chữ cuồng (vọng). Phục tàng (che dấu) khiến người khác không biết. Vả lại, không có người hỏi, và là việc không quan trọng, nên chỉ cố giữ kín. Cuồng tức là vọng ngữ (nói láo). Vốn có phiền não, nhưng khi người khác hỏi : "Vì sao anh sanh phiền não ?"

Đáp : "Không ! Tôi đâu có sanh phiền não ! Ai sanh phiền não vậy ?" Họ hỏi lại người đó. Tự họ bị vô minh phiền não đốt cháy rục cả trời đất, mà khi chư vị hỏi thì họ nói láo và bảo rằng không có phiền não. Vì vậy tôi không muốn giảng cho chư vị nghe vì sợ đến lúc đó thì sẽ nói láo. Nếu tôi không giảng, lại không biết phương pháp, thì làm sao chư vị tránh khỏi lỗi nói láo ! Đầu tiên thì che giấu, đến cuối cùng thì lại nói láo.

Thứ sáu là siểm mị (nịnh bợ). Sao gọi là nịnh bợ ? Người thường hay nịnh bợ tức là trong tâm rõ ràng không thích người kia, nhưng khi gặp họ thì liền nói lời khen tán tụng, ngọt ngào. Hiện tại gọi là "vuốt đuôi ngựa". Giống như kẻ nghèo hèn, thấy người giàu có liền chào đón : "A ! Trương tiên sinh, xin hỏi thăm Ngài đi đâu vậy ?"

Đó là lời nịnh hót tổng quát.

Thứ bảy là kiêu ngạo. "Chư vị giàu sang thì mặc chư vị. Việc của tôi thì tôi lo. Việc của chư vị thì chư vị tự lo. Trên thế giới này, tôi là đệ nhất. Thân thể tôi lớn tựa như núi Tu Di. Tại sao tôi phải khách sáo với chư vị ? "

Ở trên là nịnh hót, còn ở đây thì không nịnh hót người khác. "Chư vị hãy lo vuốt đuôi kẻ khác đi, còn tôi thì xem thường họ."

Do đó biến thành kiêu ngạo.

Thứ tám là hại, nghĩa là tổn hại. "Chư vị có tiền có thế lực. Một nhát đao của tôi là chư vị lìa đời, xem coi chư vị dùng tiền và thế lực như thế nào?"

Đó là hãm hại người khác, mà không phải kiêu căng ngạo mạn, chỉ là nghĩ tưởng, tức là trong tâm muốn hãm hại người khác.

Thứ chín là đồ kỵ. "Vì đời trước tôi không bố thí nên không có. Chư vị ai ai cũng có hết, nhưng không biết ăn cắp từ chỗ nào ?"

Như tôi đã giảng ở trên là rất nhiều người có tâm đồ kỵ. Chư vị đồ kỵ, ganh ghét họ. Họ đồ kỵ ganh ghét chư vị. Nhưng chư vị không biết rằng đồ kỵ phát sanh từ đâu. Vì không biết nó phát sanh từ đâu nên tôi nói là chư vị ăn cắp nó. Vì không biết nó từ đâu đến nên giống như là ăn cắp vậy. Chư vị không biết nó, nên nay tôi sẽ chỉ cho.

Thứ mười là san tham (keo kiệt). Gọi keo kiệt là vì xả bỏ không được, không dám bố thí. Có một đồng xu nào thì giữ gìn nắm chặt trong bàn tay. Bóp chặt mãi cho đến khi nó biến thành nước luôn. "A ! Tiền tôi mất rồi ! Tôi không thể dùng được nữa, vì nó biến thành nước rồi !"

Trên đây là mười tiểu phiền não.

Hai trung phiền não là gì ? Đó là vô tâm và vô úy, nghĩa là không biết tâm úy (hổ thẹn). Chữ tâm có chữ tâm một bên, và kế bên là chữ trăm tức trăm đầu (chém đầu). Chém đoạn phiền não, cũng là nói về chữ sát (giết). Đối với phiền não này, chính tâm mình sai quấy mà không nhận là mình sai. Như bảo rằng chư vị đã giết người thì chính là phạm pháp. Tự chư vị biết mình đang giết hại chúng sanh, mà lại không biết sám hối sửa đổi. Chữ tâm nghĩa là chư vị lý ra phải chém đứt phiền não, mà lại không làm, nên gọi là vô tâm. Tâm giết hại còn nằm ẩn bên trong, không biết tự sửa đổi, nên gọi là vô tâm (không hổ thẹn). Sao gọi là hổ thẹn ? Nghĩa là không thể đối mặt nhìn người khác. Chư vị làm việc không quang minh chính đại, nên không dám nhìn mặt người khác. Nhưng chư vị lại không nhận rõ việc đó là không đúng. "Có quan hệ gì đâu ?"

Tạo việc sai trái rồi tự mình làm luật sư biện hộ cho mình, bảo rằng tôi có lý do này lý do nọ, chân thật đúng đắn. Đó là vô tâm (không hổ thẹn). Quý. Sao gọi là quý ? Bên phải của chữ quý là chữ quỳnh, tức quỳnh thần; nghĩa là tâm chư vị không quang minh chánh đại. Vì không quang minh mà chư vị cho là đúng, nên gọi là quý. Quý tức là quý cứu, tựa như tâm chư vị có thiếu sót chi, không thể đối mặt với người, nhưng khi ấy lại không dám nói là mình không thể đối mặt với người, nói : "Tôi có làm gì sai trái đâu !"



Vô tâm, vô quý (không hổ thẹn), là hai phiền não của trung phiền não. Lại có tám loại tùy phiền não lớn. Thứ nhất là bất tín. Chư vị không nghĩ rằng bất tín không phải là phiền não à ! Chư vị có giảng gì đi nữa, họ cũng không tin là không đúng. Càng nói càng không tin. Tổng quát, dầu chư vị có nói gì đi nữa, họ cũng vẫn không tin. Chư vị bảo rằng trên trời mưa hoa rơi khắp đất, dưới đất hoa sen vàng phóng vọt lên. Dầu đang nghe nhưng họ vẫn giả bộ như không nghe. Chư vị giảng giải có lý lẽ, họ không tin. Chư vị giảng giải không có lý lẽ, họ lại càng không nghe thêm. Chư vị giảng một việc nhiều lần, nhưng họ không tin. Chư vị giảng việc đó ít lần, họ cũng không tin. Giảng nhiều họ không tin. Không giảng họ cũng không tin. Giảng về lý không, họ không tin. Giảng về lý chẳng có không, họ cũng không tin. Nói chung, tông chỉ, đường hướng của họ là không tin gì hết.

Tùy phiền não lớn thứ hai là giải đãi, tức là làm biếng. Đâu có ai nghĩ rằng làm biếng là tùy phiền não lớn. Sao gọi là giải đãi ? Giải đãi, làm biếng nghĩa là không chuyên cần học Phật pháp. Cho dầu làm việc gì cũng giải đãi. Thậm chí ăn cơm cũng làm biếng nữa. Ăn một muống rồi đợi đến năm phút sau mới ăn muống thứ hai. Khi ngủ cũng làm biếng, mộng mị. Khi nào họ mới không làm biếng ? Chỉ khi đánh cờ bạc thì họ mới có tinh thần. Có người, đối với Phật pháp rất giải đãi, tu hành cũng rất giải đãi. Không những tự làm biếng mà lại ảnh hưởng đến những người khác nữa. Không những ảnh hưởng xấu mà họ cũng lại không muốn người khác làm việc nữa. Như tôi có một đệ tử, ngủ mãi cho đến tám giờ sáng. Tại sao ? Vì người ngủ bên cạnh phòng thức dậy sớm, nên hắn chạy qua phòng đó ngủ tiếp. Đó là một loại làm biếng. Loại làm biếng này phát sanh ra một loại phiền não. Hắn biết chư vị đều tu hành, nên nói : "Tôi không muốn tu hành. Tôi muốn chư vị không tu hành như tôi. Chư vị nỗ lực hai ngày, nhưng đến ngày thứ ba nên làm biếng đi !"

Hắn đã làm biếng rồi mà lại gây ảnh hưởng đến những người khác nữa. Tùy phiền não lớn thứ ba là phóng dật. Sao gọi là phóng dật ? Phóng tức là phóng khai (mở toang). Dật tức là tản mát. Phóng dật tản mát cũng là không thủ quy củ, luật lệ. Không những không giữ quy củ mà lại còn hy vọng người người đều không giữ quy luật. Chính họ thích uống rượu, cũng muốn mọi người đều đến biễn rượu để uống. Họ thích việc gì liền rủ kéo người khác đi theo. Họ muốn nhảy đầm, liền kéo mọi người đi theo. Họ thích đi xem chiếu bóng, liền kéo mọi người mà họ quen biết đi xem. Họ thích xuống địa ngục, liền kéo mọi người xuống địa ngục. Họ thích làm nga quý,

nói : "Làm ngựa quý hay lắm. Chư vị hãy mau đi theo tôi !", nên dẫn tất cả thân bằng quyến thuộc đi vào đường ngựa quý. Họ muốn loài loài vật, nói : "Tôi làm người hay làm chó cũng được, nhưng làm chó lại hay hơn. Chư vị thấy mấy con chó, chúng đâu cần phải làm việc, mà lại có người hằng ngày cấp cho đồ ăn, được người che chở bảo hộ. Vậy có vui lắm không !" Không những muốn làm chó mà lại khiến thân bằng quyến thuộc nhập vào dòng chó nữa.

Thứ tư là hôn trầm. Mọi người phải nên tránh đi. Nghe giảng kinh, ngồi tọa thiền, họ đều nhập định cả, nhưng kỳ thực là hôn trầm, nói : "Tôi nghe giảng kinh rất rõ ràng. Đầu tôi chỉ nghiêng xuống, muốn làm bạn với đôi chân thôi".

Đó là hôn trầm. Hôn trầm cũng là khi chư vị làm bất cứ việc gì mà tinh thần không thể khởi lên được, nên muốn ngủ. Nói rằng ngủ, nhưng không giống ngủ. Bảo rằng không ngủ, lại không tỉnh táo. Nghe giảng "Nhu thị ngã văn (tôi nghe như vậy)", nói : "Tôi đâu có nghe gì đâu !".

Đó gọi là hôn trầm.

Thứ năm là trạo cử. Trạo nghĩa là nghiêng qua một bên. Cử là khởi cử dậy. Như đang nghe kinh, đầu chư vị lại động dậy. Đây không phải như ngài A Nan, vì muốn xem hào quang của Phật Thích Ca, nên nghiêng đầu qua phải trái để xem. Nếu tự mình động dậy cũng không biết ai bảo mình động dậy, thì đó gọi là trạo cử. Nếu tâm luôn bị phiền não thì phát sanh trạo cử. Một khi phiền não phát sanh, thì tâm không an, không biết chi là hay là dở, nghe giảng kinh mà không để ý đến, ngồi thiền mà cảm giác như thân đang ngồi trên bàn chàm, thống khổ, đau nhức. Tâm bất an lạc cũng gọi là trạo cử. Chư vị hãy xem, nếu tôi không giảng thì chư vị không biết những tật xấu này, nhưng nó chính là phiền não lớn trong tám thứ tùy phiền não. Chư vị hãy nói xem trạo cử là gì ? Chư vị bảo trạo không phải là trạo sao? Cử không phải là cử sao ? Nếu chư vị trạo mà không trạo, đó là cử. Không cử, chính là trạo. Thứ sáu là thất niệm. Thất nghĩa là mất. Thất niệm tức là quên mất chánh niệm. Hoặc giả chư vị nói rằng thất niệm chính là không còn vọng tưởng, vậy rất tốt. Tại sao có phiền não ? Chỉ vì quên mất chánh niệm. Tựa như chư vị muốn niệm Phật, nhưng khi niệm đến câu thứ ba "Nam mô A Di Đà Phật", thì tuy niệm mà quên mất chánh niệm. Chư vị muốn tụng chú Lăng Nghiêm, niệm câu "Diệu trạm tổng trì bất động Tôn, thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu ... A ! Lại đến câu gì ?"

Giống như tụng kinh, niệm chú, tụng niệm đến lúc mọi người đều dừng lại hết, không biết niệm đến chỗ nào. Đây không phải hiển thị là chư vị nhập định, như vậy là gì ? Đó là quên mất chánh niệm. Niệm kinh, niệm chú, dần dần quên mất chánh niệm, lại không phải là chư vị đều không niệm, mà niệm không ra tiếng, mọi người đều nhập vào tam muội (định), không âm thanh. Đây là chư vị quên mất chánh niệm.

Thứ sáu là không có chánh tri kiến (bất chánh tri). Không có chánh tri tức là tà tri tà kiến. Không có chánh tri chánh kiến, việc đúng bảo là sai, việc sai bảo là đúng, trắng bảo là đen, đen bảo là trắng, việc tốt bảo là hư hoại, việc hư hoại bảo là việc tốt. Như tôi có vài đệ tử thường nói : "Ăn nhiều là hành khổ hạnh".

Thế nên, họ ăn nhiều thực mạng, mà lại bảo đó là hành khổ hạnh. Họ giống như những người mà tôi đã giảng ở bên trên. Họ bảo : " Tôi không màng, không quản chư vị. Khổ hạnh của chư vị là khổ hạnh. Muốn làm gì thì cứ làm".

Hôm nay tôi nói cho chư vị biết đó đều là tà tri tà kiến.

Thứ tám là tán loạn. Tán loạn tức là không có định lực, cũng là lo ra, để tâm chạy ra ngoài, như dùng kiếng để rọi người. Chiều kiếng bên phải bên trái, soi này soi nọ, chiếu người này người nọ, mà không tự chiếu chính mình. Đó là không có định lực, nên gọi là tán loạn. Thiền định trị tâm tán loạn. Bên trên đã giảng hai mươi loại tùy phiền não, lớn có tám loại, trung có hai loại, nhỏ có mười loại, cộng thành hai mươi.

Đối với sáu phiền não căn bản, tôi tin rằng chư vị rất quen thuộc, có thể nói chúng là những người bạn rất thân thiết với chư vị. Thứ nhất là tham. Tôi tham lam, chư vị tham lam. Tham tuy là giống nhau, nhưng cũng bảo là khác nhau. Tại sao khác nhau ? Chư vị tham nhiều, còn tôi tham ít. Chư vị tham ít, còn tôi thì tham nhiều. Mỗi người đều có cái tham của chính mình. Tham lam hại chúng ta rất nhiều. Tại sao ? Chư vị vẫn chưa biết rõ sự tổn hại của tham lam. Tại sao cho đến hôm nay, chư vị vẫn chưa thành Phật ? Có phải vì còn ngu si, không có đủ trí huệ phải không ? Tham lam không bao giờ biết đủ. Cái gì cũng không sợ nhiều như tiền bạc, vật chất, hình trạng, phiền não, càng có chừng nào thì càng tốt chừng đó. Như cách dụng binh của Hàn Tín đời Hán, ông bảo rằng càng dùng binh lính nhiều chừng nào thì tốt chừng đó. Đó là biểu hiện cho sự tham lam.

Thứ hai là sân hận, giận tức. Sân hận tức là vô minh, cũng là sự giận nổ lên như pháo bông. Pháo bông còn nhỏ lắm. Hiện tại có bom nguyên tử và bom khinh khí đều đã được phát minh ra, vì do oai lực của tâm vô minh, sân hận. Sân hận cũng là loại nóng giận, tức tối.

Thứ ba là si mê. Tại sao chúng ta thường làm việc sai lầm ? Chỉ vì ngu si mà khiến cho chúng ta làm những việc không đáng làm, học những gì không đáng học. Ví như ngày nay có một số thanh niên thường thích hút thuốc phiện, vốn không nên hút mà lại hút. Càng hút càng ghiền, không biết gì hết, lại hút thêm. Tại sao ? Vì do ngu si. Họ nghĩ rằng hút thuốc phiện thì nhất định sẽ phát hiện ra việc kỳ lạ, như Kha Luân Bố phát hiện ra Tân thế giới. Chư vị hãy nói xem, đó có ngu lắm không ? Ngu si khiến cho họ điên đảo.

Thứ tư là ngã mạn hay kiêu mạn, là một loại phiền não.

Thứ năm là nghi hoặc, tức sanh tâm không tin. Việc gì cũng hoài nghi hết. Nghi thần nghi quỷ, nghi đúng, nghi sai, nghi mình nghi người. Đối với chính mình cũng hoài nghi. Đối với người khác cũng hoài nghi. Đạo lý chân thật chính xác hay không chân thật chính, đều hoài nghi hết.

Thứ sáu là tà kiến tức tri kiến không chánh đáng, chỉ giữ tà tri tà kiến. Hôm nay tôi giảng về phiền não. Tôi hy vọng mọi người đều dứt tận, đừng nhận chúng làm thân thuộc hay bạn hữu. Phải nên dẹp trừ chúng, Chớ để chúng tạo thêm nghiệp tội. Chư vị giúp đỡ phiền não, phiền não giúp chư vị tạo nghiệp tội. Chư vị chuốc lấy nghiệp tội vào thân mà phiền não "ta bà ha" không quản chư vị. Chúng không quản là chư vị thọ nghiệp tội hay không thọ nghiệp tội, thọ quả báo hay không thọ quả báo. Khi thọ quả báo, phiền não chạy mất. Khi chư vị đọa xuống địa ngục, phiền não cũng không đi theo.

"Tụ tập chiêu cảm tụ bất đồng, (tụ hội chiêu cảm tụ không đồng)". Căn bản phiền não có sáu loại. Tùy phiền não có hai mươi loại. Chúng thuộc về Tập Đế của Tứ Đế. Tập đế tức là tập hợp, chiêu cảm phiền não. Phiền não khiến chư vị không thể đạt đến trí huệ chân chánh. Nếu muốn đắc được trí huệ chân chánh, trước tiên chư vị phải hàng phục được phiền não. Trước khi hàng phục phiền não, chư vị phải nhận rõ chúng là phiền não, nếu không thì chư vị hàng phục cái gì ? Ví như muốn giết kẻ cướp, thì phải biết hang ổ của chúng ở đâu. Phải nhận ra mặt mũi của chúng. Nếu không thể nhận diện được thì khi đối diện với chúng, chư vị lại kết bạn với chúng. Tại sao ? Vì chư vị không nhận rõ là chúng ăn cắp tài vật, châu báu của mình. Phiền

não cũng như thế. Chư vị phải nhận ra chúng thì sau này mới không bị chúng chuyển. Phải nên hàng phục chúng.

Diệt đế. Diệt đế nghĩa là như như bất động.

"Tánh diệt khả chứng cứu cánh lạc, (tánh diệt khả chứng tột an lạc)". Nếu chúng được diệt đế tức là chúng đạt chân đế an lạc, gọi là bốn đức của niết bàn, nghĩa là thường lạc ngã tịnh. Đạt đến thường lạc ngã tịnh thì cũng là chúng được quả diệt đế. Nhưng chúng đến quả vị này chỉ là quả vị tiểu thừa của A La Hán, mới đoạn được phần đoạn sanh tử thôi, chưa đoạn hết biến dịch sanh tử, và chỉ chúng được một phần chân lý, mà không phải là diệu quả rốt ráo đại thừa.

Phần đoạn sanh tử là gì ? Phần tức là tôi có một phần, chư vị có một phần, mỗi người đều có một phần. Đoạn tức là tôi và chư vị, mỗi người có riêng một đoạn thân, như thân cao một thước sáu, thước bảy, thước tám v.v... Thế nên, thân của mỗi người cao thấp khác nhau. Từ sanh đến chết gọi là đoạn lạc; từ hôm nay đến ngày mai cũng gọi là đoạn lạc (từng đoạn). Tất cả phàm phu đều có đầy đủ phần đoạn sanh tử này. Người tiểu thừa đã cắt đứt phần đoạn sanh tử nên chúng quả an lạc tịch diệt. Khi chúng đắc quả tịch diệt thì phá được kiến hoặc và tư hoặc. Sao gọi là kiến ? Do chư vị đối trước cảnh giới mà sanh tâm tham lam luyến ái, bị cảnh giới làm mê hoặc. Sao gọi là tư hoặc ? Không hiểu đạo lý nên khởi tâm phân biệt. Đối với đạo lý mà không minh bạch nên sanh tâm phân biệt. Càng phân biệt chừng nào thì càng đi xa chừng đó. Càng đi xa chừng nào thì phân biệt thêm nhiều chừng đó, nên gọi là đi lạc đường.

Chúng đắc quả an lạc tịch diệt thì cắt đoạn được kiến hoặc và tư hoặc, nhưng chưa đoạn hết vô minh, mà chỉ mới hàng phục được thôi. Không những chư A La Hán chưa đoạn được vô minh mà cho đến bồ tát Đẳng Giác vẫn còn một phần sanh tướng vô minh chưa phá hẳn. Thế nên chúng đạt quả vị vô thượng tịch diệt, mà vô minh vẫn còn. Tuy cắt đứt phần đoạn sanh tử mà biến dịch sanh tử vẫn còn tồn tại.

Sao gọi là biến dịch sanh tử ? Biến dịch là tâm niệm sanh khởi của chúng ta. Niệm sau theo niệm trước. Niệm niệm không ngừng. Niệm niệm lưu chuyển. Một niệm sanh khởi tức một lần sanh. Một niệm diệt tức một lần chết. Đó gọi là biến dịch sanh tử. Biến dịch sanh tử này, niệm niệm không dừng, có phải gọi là sanh tử không ? Vì cảnh giới này chưa đạt đến thiên định chân

chánh. Định chân chánh nghĩa là một niệm lự cũng không còn. Cảnh giới sơ thiên, tim không còn đập. Cảnh giới nhị thiên không còn hô hấp. Cảnh giới tam thiên, niệm lự đình chỉ. Cảnh giới tứ thiên, dứt niệm, không còn niệm lự, nhưng cảnh giới tứ thiên này cũng chưa phải là chứng quả, bất quá chỉ là quá trình tu đạo thôi, và không phải là tầng bậc cao siêu. Phổ thông, người tu đạo đa số có thể đạt đến cảnh giới này.

Đạo đế. Diệt tức là phải chứng đắc. Đạo là phải nên tu hành. Bàn về vấn đề đạo, đầu tiên chúng ta hãy giải thích chữ đạo trước. Chữ đạo dùng chữ tẩu (đi), tức là chư vị phải đi, phải hành. Nói đến đạo là phải tu hành. Nếu không tu hành thì có lợi ích chi. Phải bước đi mà tu hành. Thế nên, đạo là hành. Không hành thì không phải là đạo. Nếu không tu hành thì chư vị là chư vị, đạo là đạo, không thể hợp nhất. Chư vị phải y pháp mà tu hành, đạo chính là chư vị, chư vị cũng chính là đạo. đạo cùng chư vị vốn không thể tách rời. Chư vị muốn tu đạo không ? Phải nên thật hành, tức là y chiếu theo phương pháp mà thật hành. Cho đến đức hạnh, đức là phải làm, không làm thì sao có đức ? Không thể từ sáng đến chiều chỉ nói "tạo đức, tạo đức, tạo đức", trên môi mép mà thật tế lại không làm. Miệng nói tạo đức mà thân lại tạo nghiệp, thì không có đức gì hết. Vì thế, bảo "Treo đầu heo, bán thịt chó".

Chư vị bảo tạo đức thì phải nên làm. Có muốn tu đạo không ? Nếu muốn thì phải y theo phương pháp mà tu hành.

Ở trên chữ "tẩu" lại có chữ "thủ", cộng thành chữ đạo. Thủ nghĩa là đầu. Tu hành là việc quan trọng nhất trên thế gian. Chư vị muốn chấm dứt sanh tử không ? Nếu muốn thì phải tu đạo. Lại nữa, tuy không muốn cắt đứt sanh tử, mà lại nói rằng không thêm tu hành. Cắt đứt sanh tử rồi thì không còn sợ sanh tử nữa. Người sống đều sợ chết. Cắt đứt sanh tử là không muốn có sanh tử, lại không sợ sanh tử. Nếu muốn chấm dứt sanh tử thì đầu tiên phải tu hành. Thế nên có chữ "thủ" ở bên trên chữ "tẩu". Nếu không tu hành thì không thể chấm dứt sanh tử được.

Đối với chữ "thủ (đầu)", chúng ta hãy phân tích thêm. Trên chữ đầu có hai điểm, nhưng nay tạm để qua một bên, không giảng ngay, mà chỉ giảng về chữ "tự". Tự tức là tự kỷ, nghĩa là phải tự chính mình tu đạo, không thể bảo người khác tu giùm mình. Không thể chỉ nói tu hành mà cắt đứt được sanh tử. Chư vị phải thật sự tạo đức, tự tu, tự lo lắng những việc quan trọng của mình. Trên chữ "tự" có một đường ngang, để dùng chi ? Mọi người trên thế gian đều chỉ có một lần sanh ra. Bắt đầu từ đâu ? Bắt đầu từ một. Có một thì

sau này mới có hai. Có hai rồi lại có ba, có bốn, có năm, cho đến vô số trăm ngàn, muôn vạn v.v..., đều từ một mà phát xuất ra. Vì vậy, một là vô số, vô số là một. Nếu không có một thì không có vô số. Nếu không có vô số thì không có một. Tôi giảng như vậy thì cho dầu ai đi nữa cũng không có thể phản đối được. Tại sao ? Vì tôi biết rằng con số trong toán học bắt đầu bằng số một.

Một là vô số, vô số là nhiều. Hiện tại, chúng ta không phải một cũng không phải nhiều, không phải nhiều cũng không phải một. Tại sao biến đổi như thế ? Thật ra cũng không có biến đổi thành số một. Số một này cũng tượng trưng cho một vòng tròn, tiếng Anh là số không. Số không bao hàm xum la vạn tượng. Chân không và diệu hữu đều nằm trong số không. Số không này phát xuất từ đâu ? Nó là biến tướng của số một hay chữ nhất. Chữ nhất này vẽ cong thành một vòng tròn, uốn thẳng lại thành chữ nhất. Số không hay vòng tròn là bản thể của chữ nhất, lại là bản thể của tất cả vạn vật trên thế gian, cũng là tạng đại quang minh, tánh Như Lai tạng, và Phật tánh. Phật tánh cũng là chữ nhất và chữ o. Chữ o cũng đại biểu cho tất cả sanh sanh hóa hóa ở trên thế gian, tức chân không diệu hữu, diệu hữu và chân không. Chữ o này không có điểm khởi đầu, cũng không có điểm cuối. Nếu phá chữ không này thì nó liền biến thành chữ nhất (gạch ngang). Gạch ngang (chữ nhất) là gì ? Tức là vô minh. Có một gạch ngang tức là có một phần vô minh. Khi không có gạch ngang thì đó là một vòng tròn. Khi vòng tròn đó không phá được thì đó là tánh tạng Như Lai. Chữ nhất (gạch ngang) là bắt nguồn của sự vô minh, nên bảo rằng một là nhiều, nhiều là một. Một điểm phiền não xuất sanh vô số phiền não. Vô số phiền não xuất sanh từ một điểm phiền não. Tại sao chư vị lại tạo bao việc vụng dại ? Chỉ vì một điểm vô minh. Tạo bao việc vụng dại tức là tạo bao nghiệp tội, mà phiền não cũng từ đó phát sanh ra. Vì thế, chư vị nếu muốn tu đạo thì phải uốn nắn chữ nhất (gạch ngang) thành chữ o, tức vòng tròn, phản bản hoàn nguyên (xoay về cội gốc). Lúc đó, chư vị có thể xoay về tạng tánh Như Lai, đạt đến chân không diệu hữu.

Một chữ nhất có hai điểm. Hai điểm này là một âm và một dương. Kinh Dịch giảng một âm một dương chính là đạo. Thiếu âm thiếu dương gọi là bệnh. Thuần âm là quý. Thuần dương là thần, nên gọi thiếu âm, thiếu dương là bệnh.

Lại phân tích rõ hai điểm đó. Từ vô minh phát sanh ra kiến hoặc và tư hoặc, nên gọi hai điểm đó là kiến hoặc và tư hoặc. Có kiến hoặc và tư hoặc rồi thì phát sanh ra vô lượng vô số hoặc. Bao phiền não đều từ chữ nhất này khởi lên. Nếu muốn xoay về cội gốc thì phải uốn nắn chữ nhất này thành chữ o. Làm thế nào ? Không khó, chư vị chỉ việc dụng công tu hành hằng ngày, tham thiền đả tọa, thì mới uốn nắn chữ nhất thành chữ o, cũng biến thành tánh tạng đại quang minh. Chư vị bảo rằng không thể tin tưởng được những cảnh giới đó, chỉ vì tâm còn ám muội. Chư vị phải nên tin tưởng, thì mới hoàn phục được tánh tạng đại quang minh đó. Vì không tin pháp này nên mỗi ngày từ sáng đến tối không thể xa rời phiền não được. Vô minh phiền não nếu không thể xa rời, thì chư vị sẽ biến thành lông tre đen, (là thuật ngữ của thiền tông). Một cây tre có nhiều lông tre đen. Chư vị phải tin tưởng pháp này thì mới khôi phục lại trí huệ vốn có sẵn, xoay về lại cội gốc, đạt đến tánh tạng đại quang minh, cũng là đại viên cảnh trí, bình đẳng tánh trí, diệu quán sắc trí, thành sở hữu trí.

Tôi chỉ giảng một ít điểm trong muôn phần của chữ đạo. Nếu giảng tường tận vi tế thì sợ mất rất nhiều thời gian, vì chữ "đạo" này rất vi diệu, nên giảng hoài giảng mãi vẫn không hết. Đại sư Trí Giả giảng chữ "Diệu" trong kinh Pháp Hoa cả chín tuần. Giảng về chữ đạo, nếu nói tường tận rõ ràng thì không phải chỉ là chín mươi ngày mà cho đến chín mươi năm sợ vẫn chưa hết. Đòi tôi ngắn ngủi nên chỉ giảng một vài điểm thôi.

Lại giảng thêm về chữ "đạo" này chút ít. Chúng ta vừa bàn ở trên về một âm một dương. Một âm một dương là chữ "nhân (người)". Tức bảo rằng đạo không phải ở trên trời hay ở dưới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, mà là nơi con người. Mỗi người đều có thể tu đạo, không phải từ bên ngoài vào. Ai ai cũng có thể thành đạo được hết. Tu thành đạo này tức là thành Phật. Hiện tại chư vị chưa tu thành đạo, vậy đạo này có mất không ? Không có mất. Trong mình ai ai cũng có đầy đủ đạo này hết.

Hai điểm chính là từ trên trời, có thể nói là mặt trời và mặt trăng. Một điểm là mặt trời; một điểm là mặt trăng.

"Thị đạo ưng tu ngộ pháp không, (là đạo nên tu ngộ pháp không)". Chư vị phải dùng mắt trí huệ để tu đạo. Người ngu si không thể tu đạo này. Có trí huệ thì mới tu được đạo này. Xoay về cội gốc tức là uốn chữ nhất (gạch ngang), thành chữ o (vòng tròn). Chữ o này chính là tạng tánh Như Lai, là tạng đại quang minh, là Phật tánh của chúng ta. Nếu có thể khôi phục



lại Phật tánh tức là hiện đời thành Phật, không cần đợi trải qua ba a tăng kỳ kiếp mà tu phước huệ, trăm kiếp tu tướng hảo. Không cần đợi thời gian lâu xa như thế, mà tức khắc liền thành Phật. Vì sao chư vị vẫn chưa thành Phật ? Vì chư vị chưa biết "đạo" này, chưa tu đạo này, và không có ai dạy cho mình đạo này. Do đó, cho đến hôm nay, chư vị vẫn sanh rồi chết, chết rồi sanh, trong sáu cõi luân hồi, bị lưu chuyển tới chuyển lui. Chư vị chạy mãi trong sáu đường luân hồi thì chữ o (vòng tròn) liền biến mất. Lưu chuyển tới, lưu chuyển lui trong sáu đường luân hồi, đột nhiên sanh lên trời, đột nhiên sanh xuống đất, đột nhiên vào địa ngục, đột nhiên làm thú vật, chột tại thiên đường, chột xuống địa ngục, chột vào A Tu La, chột làm người. Bị lưu chuyển như thế, không thể thoát ra khỏi vòng luân hồi. Nếu thoát khỏi vòng luân hồi thì phá được chữ nhất này, xoay về cội gốc, đạt đến tạng quang minh Như Lai, chính là quê hương nhà cửa, đất đai của mình. Ai ai cũng tu đạo được. Có tu đạo thì mới ngộ nhân không pháp không, nhân pháp đều không, không còn chấp trước, nên bảo rằng khổ tập diệt đạo đều không. "Tam chuyển tứ đế pháp luân vận, (ba lần chuyển xe pháp tứ đế)". Ba lần chuyển bánh xe pháp tứ đế, bên trên tôi đã giảng rõ rồi. Chuyển vận bánh luân tức là xoay qua chuyển lại pháp môn tứ đế.

"Thất giác bát chánh ý niệm cần, (bảy phần giác, tám chánh đạo, ý niệm cần tu)".

Bảy giác tức là bảy phần giác chi, cũng gọi là bảy phần bồ đề. Tám chánh tức là tám chánh đạo. Bao trùm hết bảy giác chi, tám chánh đạo, năm căn, năm lực, bốn như ý túc, bốn chánh cần, hợp lại thành ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Bảy phần bồ đề là trạch pháp, tinh tấn, hỷ, trừ, xả, niệm, định giác phần. Tu hành y chiếu theo bảy phương pháp. Sao gọi là trạch pháp giác phần ? Trạch tức là tuyển trạch. Pháp tức là phương pháp. Giác là minh bạch, hiểu rõ, cũng là giác ngộ. Đối với pháp tu hành, chư vị phải nên chọn lựa, tuyển trạch, tức là phải có trạch pháp nhãn (con mắt chọn lựa pháp), thì chư vị mới biết gì là pháp, gì là không phải pháp, gì là pháp thiện, gì là pháp ác, biết pháp trắng pháp đen, phải có sức chọn lựa tuyển trạch như thế. Không nên lấy đúng làm sai, lấy đen làm trắng, lấy lành làm ác. Nếu làm như thế thì không phải là trạch pháp giác phần. Sau khi chọn lựa, tuyển trạch xong, thì phải y theo pháp mà tu hành. Y pháp tu hành tức phải tinh tấn, nên giác phần thứ hai là tinh tấn. Chư vị phải chánh tinh tấn, chớ nên tà tinh tấn. Chánh tinh tấn tức là hoặc ngồi thiền, trì chú, học giáo điển, trì giới luật, tu nhân nhục, tất cả pháp đó đều phải tinh tấn. Nếu không tinh tấn như hôm nay ngồi

thiền, ngày mai không ngồi, hôm nay trì giới ngày mai không trì giới, hôm nay tu hạnh nhẫn nhục ngày mai lại không tu, đó không phải là tinh tấn giác phần. Có tinh tấn giác phần tức là ngày đêm sáng tối sáu thời đều hằng tinh tấn. Sáng ba thời, tối ba thời đều tinh tấn không nghỉ ngơi.

Sau khi tinh tấn được rồi thì có thiền duyệt (vui trong thiền định). Thiền duyệt tức là hỷ giác phần. Ví như, khi ngồi thiền, công phu ngồi đến một giờ thì tự cảm giác an lạc, tự tại, vừa ý vô cùng; hút thuốc á phiện chỉ vui thích trong chốc lát, còn khi ấy làm bất cứ việc gì chư vị đều cảm giác an lạc vui thích hết cả. Đạt đến an lạc này, gọi là hỷ giác phần. Lại nữa, khi ngồi thiền, đạt đến cảnh giới khinh an thì tâm rất là an lạc. Nhưng cảnh giới này có lúc thì sanh khởi giống như trên, có lúc thì dễ dàng sanh tẩu hỏa nhập ma. Tại sao tẩu hỏa nhập ma? Khi sanh tâm chấp trước, tức truy cầu nắm giữ cảnh giới vừa thấy, thì ma vương liền nhập vào tâm. Nếu chư vị không chấp trước, thì ma vương không có cách nào để nhập vào. Chư vị nếu chấp vào cảnh giới nào thì ma liền hiện ra cảnh giới đó. Làm thế nào để giải? Lúc đó phải dùng trừ giác phần. Trừ tức là thẩm tra, dò xét các ác giác quán. Phải tẩy trừ các ác giác quán, còn chánh giác quán thì phải bảo tồn.

Khi chư vị trừ bỏ chấp trước thì là xả giác phần. Xả này tức là xả bỏ vọng tưởng chấp trước. Nếu không thể xả bỏ vọng tưởng chấp trước thì không đắc được tam muội và đạt đến bảy phần bồ đề. Sau khi xả được vọng tưởng chấp trước thì bảo tồn được niệm tinh tấn, mà đã bàn ở bên trên. Chớ để quên mất, niệm này đeo đuổi niệm kia (niệm huyền tại huyền), niệm niệm không quên, tu tinh tấn. Tu tinh tấn sau này đắc được định giác phần, tức thuộc bảy bồ đề phần hay bảy giác phần.

Tám chánh đạo. Thứ nhất là chánh kiến. Kiến tức là ý kiến. Nơi ý niệm có một kiến (thấy). Kiến này phải nên chân chánh, nghĩa là kiến giải phải chánh xác. Nếu không có chánh kiến thì dễ dàng lạc vào đường tà. Nếu kiến giải chân chánh thì đi được trên đường thẳng. Tại sao gọi là chánh kiến, tà kiến? Nếu bảo rằng phải nên học Phật pháp. Phật pháp là chân chánh, phải nên học. Đó là chánh kiến. Nếu như học đánh cờ bạc, chơi bời, làm biếng, hại người, đó gọi là tà kiến. Vì vậy chánh kiến rất quan trọng.

Nếu có chánh kiến rồi thì có chánh tư duy. Có kiến giải rồi thì phải có suy nghĩ; suy nghĩ việc này việc nọ là đúng hay không đúng. Học Phật pháp là một công việc tối thượng nhất trên thế gian. Không sai trái tức là chánh tư duy. Tà tư duy nghĩa là khi học Phật pháp cho rằng không có lợi ích chi. Họ

ngĩ : "Trong thời đại khoa học, Phật pháp giảng đến giảng lui chỉ khuyên người làm việc thiện, làm người tốt thôi. Hiện nay ai là người tốt ? Không có ai là người tốt hết, chỉ toàn là người xấu không thôi. Tôi thấy ông A kia, chuyên tạo việc xấu, mà lại có tiền, có rượu để uống, cái gì cũng có."

Suy nghĩ rằng học Phật pháp không có ích chi như thế, tức là tà kiến, đi trên đường tà. Nếu có chánh tư duy thì không lạc vào đường tà.

Có chánh tư duy thì kế tiếp là có chánh ngữ. Chánh ngữ tức là lời nói nào cũng đều chính xác, không nói lời say sưa, câu tiết, không dẫn người lạc vào đường tà. Nói lời chân chánh, chánh xác, khiến ai ai cũng đều vui thích lắng nghe, vui thích làm theo.

Có chánh ngữ rồi thì có chánh nghiệp, tức tự tìm, hành nghề chân chánh. Ai ai cũng biết rõ nghề nghiệp chân chánh là gì, chớ nên làm những nghề nghiệp phạm pháp.

Thứ năm là chánh mạng. Có chánh nghiệp thì sanh mạng chân chánh. Thứ sáu là chánh tinh tấn. Tạo chánh nghiệp thì phải nên tinh tấn. Chớ nên tinh tấn tạo những nghiệp bất chánh.

Thứ bảy là chánh niệm. Thứ tám là chánh định. Đó là tám chánh đạo. Bốn như ý tức tức là dục như ý tức, tinh tấn như ý tức, niệm như ý tức, tư duy như ý tức. Bốn niệm xứ tức là thân, thọ, tâm, pháp. Quán thân bất tịnh. Quán thọ là khổ. Quán tâm vô thường. Quán pháp vô ngã. Bốn chánh cần là điều lành chưa sanh khiến cho sanh khởi, điều lành đã sanh khiến cho tăng trưởng. Đó là giảng về phương diện điều lành. Những điều ác chưa khiến cho không sanh khởi. Những điều ác đã sanh khởi khiến cho chúng đoạn diệt. Đó là nói về phương diện điều ác.

Năm căn là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Năm căn này phát sinh ra năm lực. Tín có tín lực. Tấn có tấn lực. Niệm có niệm lực. Định có định lực. Huệ có huệ lực. Cộng năm căn năm lực lại thành mười. Bốn niệm xứ, bốn như ý tức, bảy phần bồ đề, tám chánh đạo cộng chung là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

"Nhất đản quán thông thành thánh quả, (một lần quán thông thành thánh quả)".

Chư vị tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, thì một ngày nào đó sẽ đột nhiên quán

thông, minh bạch, hiểu rõ. Lúc ấy, chư vị chứng được quả thánh. "Thiên chân hữu dư nãi hoá thành, (lệch chân hữu dư nãi hóa thành)". Chư vị chớ nghiêng trụ tại niết bàn hữu dư, thiên chân hữu dư niết bàn chính là hóa thành, nghĩa là thành này do biến hóa mà có, không phải là thật. Đạt đến thiên chân hữu dư niết bàn, tức là không phải niết bàn cứu cánh, nên phải còn tu thêm nữa.

**"Vô trí diệt vô đắc, (không trí cũng không đắc)".**

"Tạng giáo Bồ Tát sự lục độ  
Viên tu diệu giác lý đốn minh  
Vô trí phá chấp không chư tướng  
Bất đắc phi chứng liễu pháp dung  
Ư nhất mao đũa hiện bảo sát  
Tọa vi trần biểu chuyển pháp luân  
Thử ngôn thuyết xuất tiên thành tín  
Vị tất tri âm hữu cơ nhân

Dịch :

Tạng giáo Bồ Tát hành sáu độ  
Tròn tu diệu giác lý rõ ràng  
Vô trí phá chấp không các tướng  
Không đắc không chứng rõ pháp dung  
Nơi một đầu lông hiện bảo tòa  
Ngồi trên hạt bụi chuyển pháp luân  
Lời nói ra người liền tin ngay  
Nào hay tri âm có mấy ai".

Không trí cũng không đắc. Trí là trí huệ. Đắc là chứng đắc quả vị. Đạt đến cảnh giới đó, trí huệ cũng không cần, quả vị chứng đắc cũng không có, hy vọng điều gì cũng không có. Chúng ta học Phật pháp, đều muốn đạt được trí huệ; có trí huệ rồi thì chứng đắc được quả vị Phật. Nay trí bát nhã cũng không có, muốn đắc được Phật quả cũng không thể đắc. Đây là lạc vào không à ? Không phải vậy. Chẳng đạt được trí huệ, chẳng chứng đắc được tức là trí huệ không chấp trước. Không có chấp trước rằng mình có chỗ chứng đắc.

"Tạng giáo Bồ Tát sự lục độ, (tạng giáo Bồ Tát hành sáu độ)".

Tạng giáo Bồ Tát tức là ba tạng kinh điển giáo huấn Bồ Tát. Pháp tu hành của Bồ Tát là pháp môn có trí huệ, có chứng đắc. Hành sáu pháp ba la mật tức có chấp trước. Chấp chúng sanh có thể độ được, tức là có trí huệ. Chấp trước Phật đạo có thể thành được, tức là có chứng đắc.

Sao gọi là làm sáu độ ? Sáu độ tức là hành bố thí thì cứu độ tham lam. Phải hành bố thí thì mới không còn tham lam. Một lần bố thí thì là một lần dẹp bỏ tham lam. Trì giới thì độ hủy phạm. Chư vị trì giới thì tâm được thanh tịnh, như ánh sáng tinh khiết trong sạch của hạt minh châu. Trì giới thì không có ô nhiễm. Ô nhiễm thì dơ bẩn, không tinh khiết, không trong sạch. Không trì giới giống như tờ giấy trắng bị lấm mực đen, càng lấm chùng nào thì càng đen chùng đó. Chư vị trì giới tức phải như tờ giấy, xưa nay vốn đã trắng sạch.

Nhẫn nhục độ sân hận. Chư vị tu nhẫn nhục thì không có nóng giận. Nếu có nóng giận thì không có nhẫn nhục. Chư vị tu nhẫn nhục thì sân hận sẽ không còn.

Tinh tấn độ giải đãi, làm biếng. Phải nên tinh tấn hằng ngày, luôn luôn tinh tấn, đừng mãnh tinh tấn. tinh tấn thì không có giải đãi làm biếng.

Thiền định độ tán loạn. Ngồi thiền hồi lâu thì có công phu tức là định trụ. Có định lực rồi thì không có tán loạn.

Bát nhã độ ngu si. Bát nhã khiến dẹp trừ ngu si.

Đây là sáu độ, cũng là sáu sự tướng có thể thấy, có hình tướng nên biểu hiện được. Ví như bố thí thì không còn tham lam. A ! Vẫn còn chấp trước là nhờ bố thí mà không còn tham lam. Vì vậy, bảo rằng sáu độ tức là tạng giáo chư Bồ Tát phải nên tu.

"Viên tu diệu giác lý đốn minh, (tròn tu diệu giác lý rõ ràng)".

Viên giáo Bồ Tát tu hành sáu độ. Viên giáo Bồ Tát tức là Diệu Giác Bồ Tát. Biệt giáo Bồ Tát cũng tu hành sáu độ. Sáu độ chỉ có lý, không có sự tướng, không có chấp trước. Gọi lý đốn minh (lý lẽ chỉ rõ minh bạch), nghĩa là tức khắc minh bạch, hiểu rõ đạo lý bố thí mà chưa từng bố thí, hành sáu độ mà chưa từng hành, vốn không chấp trước vào sự của sáu độ. Không chấp trước vào chi hết, nên gọi là không trí cũng không đắc.

Lý sáu độ có nhiều loại. Tu theo viên giáo không tạo sáu độ, làm bất cứ việc gì cũng không chấp trước, tạo việc gì ra cũng như không tạo. Tuy nhiên, chưa tạo việc thì không thể nói đã tạo việc. Nói thí mà chưa thí. "Tôi chưa bố thí mà cũng như đã bố thí".

Không thể nói như thế được. Chỉ có bố thí rồi thì mới nói rằng chưa có bố thí, mà không thể bảo rằng chưa bố thí cũng là đã bố thí.

"Vô trí phá chấp không chư tướng, (vô trí phá chấp không các tướng)".

Vô trí phá chấp tức là phá chấp trước về những phần còn lại của bát nhã. Không chư tướng tức là tất cả tướng đều là không. Mọi tướng đều là không, nên bảo rằng vô trí cũng vô đắc.

"Bất đắc phi chứng liễu pháp dung, (không đắc không chứng rõ pháp dung)".

Bất đắc tức là không có chi để chứng đắc, cũng là không chấp trước vào chứng đắc quả vị Phật. Trên, không Phật đạo có thể thành. Dưới, không chúng sanh có thể độ. Chẳng phải nói rằng không chúng sanh có thể độ, nhưng là độ mà chưa từng thấy có độ. Tuy diệt độ hết tất cả chúng sanh mà thật không có chúng sanh nào được diệt độ hết. Chẳng phải là không chúng sanh đã được độ, mà là không có chấp trước. Không nên chấp trước vào trí huệ và chứng đắc. Không này cũng chính là đại viên cảnh trí, mà trong đó không có chấp trước nào hết, nên liễu đạt pháp dung.

"Ư nhất mao đoan hiện bảo sát, (nơi một đầu lông hiện bảo tòa)".

Chứng đắc được cảnh giới này rồi thì chỉ vừa ngồi xuống liền xuất hiện một tòa bảo vương. Trong tiểu hiện đại.

"Tọa vi trần biểu chuyển pháp luân, (ngồi trên hạt bụi chuyển pháp luân)".  
Ngồi trên hạt bụi mà chuyển đại pháp luân. Đó là đạo lý trong kinh Thủ Lăng Nghiêm.

"Thử ngôn thuyết xuất tiên thành tín, (lời nói ra người liền tin tưởng)".

Lời này vừa nói ra thì ít nhiều người đều tin tưởng.

"Vi tất tri âm hữu cơ nhân, (nào hay tri âm có mấy ai)".

Một vài người tin tưởng rồi thì không biết có bao nhiêu người tri âm (nhớ tưởng), lại cũng không có bao nhiêu người hiểu rõ đạo lý.

Hư Vân lão hòa thượng bảo :  
"Tẩu biến thiên nhai tầm tri kỷ  
Vị tri nhược cá thị tri âm".  
Dịch :  
"Lên tận cõi trời tìm tri kỷ  
Vẫn chưa biết được kẻ tri âm".

Thiên nhai tức là cõi trời. Tri kỷ tức là bạn thân của mình. Lên tận cõi trời tìm tri kỷ, mà không biết ai là người tri âm. Sao gọi là tri âm ? Tức là hiểu được ý phát xuất từ lời nói của mình. Không có tri âm, tức là mình có nói ra lời gì nhưng không có ai hiểu hết. Có người hiểu lời mình tức là có người tri âm.

Chư vị bảo : " Pháp sư ! Ngài giảng con đều hiểu cả. Ngài là người bạn tri âm của con. Ngài thuyết mà con không hiểu rõ, nên không phải là người tri âm. Ngài thuyết, con không hiểu và lại hiểu, con tri âm và lại không tri âm". Tri âm và không tri âm xuất phát từ đâu ? Tôi thuyết một bài kệ, ai y chiếu theo đó mà tu hành thì người đó là tri âm. Ai không y chiếu theo đó mà tu hành thì không phải là tri âm. Tin lời tôi nói đạo lý tức là tri âm, còn ngược lại thì không phải là tri âm. Đạo lý gì ? Nơi một cọng lông, ngòi xuống liền hiện bảo sát. Ngòi trên hạt bụi, chuyển đại pháp luân. Ngòi trên một cọng lông, xuất hiện các cõi Phật. Bảo vương sát tức là cõi nước mà Phật thường giáo hóa chúng sanh. Ngòi trên hạt bụi mà chuyển đại pháp luân, giáo hóa chúng sanh. Cảnh giới này là trong tiểu mà hiển đại. Chư vị nếu hiểu rõ cảnh giới này thì là tri âm. Chư vị không hiểu rõ nhưng lại muốn tu hành. Đợi khi chư vị ngòi trên hạt bụi mà chuyển pháp luân thì liền hiểu rõ.

---o0o---

## **Biệt giải văn nghĩa 4**

**"Dĩ vô sở đắc cố, bồ đề tát đỏa y bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại,** (lại không có chứng đắc. Bạc bồ đề tát đỏa, y theo bát nhã ba la mật đa nên tâm không quái ngại)".

"Vô tu vô chứng vô sở đắc  
Hữu tướng hữu vi hữu tận thời  
Bồ đề tát đỏa ngộ kỳ lý  
Y cứ bát nhã bị nạn tề

Tâm vô quái ngại nan báo chương  
Duy cụ chân không nê âm tư  
Kỳ ngữ lai hiền cầu chư kỷ  
Đầu thượng an đầu tối ngu si

Dịch :

Không tu không chứng không chỗ đắc  
Có tướng có làm có thời hạn  
Bồ đề tát đỏa ngộ lý này  
Y cứ bát nhã đèn bờ giác  
Tâm không quái ngại, rời báo chương  
Chỉ có chân không tuyệt ngôn ngữ  
Nhắc kẻ hiền sĩ câu tri kỷ  
Đầu đặt trên đầu thật ngu si".

Đoạn văn trên giảng về không trí huệ cũng không chứng đắc. Không trí tức là không có trí huệ của tạng giáo Bồ Tát hành lục độ. Không đắc tức là không chứng đắc niết bàn hữu dư của người nhị thừa.

Lại không có chỗ chứng đắc. Không chỗ chứng đắc là tông chỉ của bộ kinh này. Tông chỉ của tâm kinh bát nhã ba la mật đa là gì ? Tức là phá trừ chấp trước, khiến tâm chư vị không chấp trước vào chỗ chứng đắc. Tuy chứng mà không chứng, không chứng mà chứng. Sao gọi chứng mà không chứng ? Chư vị chứng đắc quả vị thánh mà không chấp trước mình chứng quả, vì thế mới có thể chứng đắc cứu cánh niết bàn chân chánh. Thế nên không chỗ chứng đắc là tông chỉ của kinh này.

Bồ đề tát đỏa y chiếu theo bát nhã ba la mật đa nên tâm không quái ngại. Bồ đề tát đỏa tức là Bồ Tát. Ngài y chiếu theo bát nhã ba la mật đa, tức là pháp trí huệ thâm sâu mà tu hành. Tu hành đắc được gì ? Đắc được tâm không quái ngại. Tâm chúng ta không thể đạt đến chỗ tự tại, vì còn có chỗ quái ngại. Không còn quái ngại thì đạt được tự tại. Không quái ngại này trừ được báo chương, cũng là dùng không chỗ chứng đắc mà phá trừ ba chương. Vì vậy phá trừ ba chương là lực dụng của bài kinh này. Ba chương tức là báo chương, nghiệp chương, phiền não chương. Nếu tâm còn có chỗ quái ngại thì không thể phá trừ báo chương. Không quái ngại nghĩa là gì ? Tức là đạt đến nhân không, pháp không. Chứng đến cảnh giới người và pháp đều là không.

"Vô tu vô chứng vô sở đắc, (không tu không chứng không chỗ chứng đắc)". Không tu là gì ? Nghĩa là đã tu hành xong rồi. Không có chỗ chứng đắc, tại sao ? Vì đã chứng đắc, đã từng hành rồi, sau này không còn phải thọ nhận



nữa. Những việc nên làm đã làm xong. Việc lớn đã hoàn thành nên gọi là không chứng đắc. Không tu không chứng đắc có phải là có chỗ chứng đắc không ? Cũng là không chỗ chứng đắc. Nếu còn một chỗ chứng đắc nào thì vẫn còn chấp trước.

"Hữu tướng hữu vi hữu tận thời, (có tướng có làm có thời hạn)". Nếu chư vị chấp trên hình tướng, hoặc chỉ nhìn trên pháp hữu vi, đều là thời gian có cùng tận, mãi không thể vô tận. Chư vị phải nghĩ về cái vô tận, nên không tu, không chứng không chỗ đắc. Chư vị làm việc gì cũng không có chỗ chứng đắc, khi ấy chính là không có chỗ quái ngại.

"Bồ Đề Tát Đỏa ngộ kỳ lý, (Bồ Đề Tát Đỏa ngộ lý này)".

Sao gọi là Bồ Đề Tát Đỏa ? Người Tàu gọi là Bồ Tát, nói cho đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Đó là phiên dịch từ chữ Phạn ra chữ Tàu. Bồ Đề tức là giác. Tát Đỏa tức là loài hữu tình. Sao gọi là giác hữu tình ? Tức là giác ngộ cho các loài hữu tình.

Sao gọi là hữu tình ? Những loài có khí huyết gọi là hữu tình. Loài hữu tình này không chỉ đơn giản nói về loài người thôi, mà bao quát chung cho tất cả loài vật có sanh mạng. Giác ngộ hữu tình tức là giác ngộ tất cả loài hữu tình, khiến cho mọi loài hữu tình đều được giác ngộ, tức chính họ tự giác ngộ. Ví như mình đang tụng chú Lăng Nghiêm, cũng muốn người khác biết tụng chú Lăng Nghiêm như mình. Không phải chỉ tự mình biết tụng là đủ rồi, vì đó biểu thị mình và người không đồng, không nên làm như thế. Mình có đạt được lợi ích gì thì cũng đều vui vẻ khiến cho người khác đạt được lợi ích đồng như mình. "Tôi nghe được vài điểm hay trong kinh. Tôi hiểu đạo lý làm người, lý lẽ học Phật pháp. Tôi cũng khuyên bạn bè, bà con quyến thuộc đến nghe kinh thuyết pháp. Mọi người đồng đạt lợi ích như nhau. " Giác ngộ hữu tình lại còn một nghĩa là trong loài hữu tình có bậc giác ngộ. Bồ Tát xuất phát là từ đâu ? Cội gốc của Bồ Tát là từ chúng sanh hữu tình, nhưng đã giác ngộ. Ngài là bậc giác ngộ từ trong loài hữu tình. Vì Ngài từ nơi chúng sanh mà đạt đến giác ngộ, nên nay Ngài phải giác ngộ lại tất cả chúng sanh. Đó là ý nghĩa của chữ Bồ Tát. Bồ Tát lại có tạng giáo Bồ Tát, thông giáo Bồ Tát, biệt giáo Bồ Tát, viên giáo Bồ Tát. Đầy đủ bốn tạng giáo, thông, biệt, viên, chính là Bồ Tát. Tâm lượng chư vị nhỏ thì là tạng giáo Bồ Tát. Tâm lượng lớn chút ít là thông giáo Bồ Tát. Tâm lượng lớn thêm chút nữa là biệt Bồ Tát. Chư vị Bồ Tát Phổ Hiền, Văn Thù, Địa Tạng, Quán Thế Âm đều là viên giáo Bồ Tát. So với viên giáo Bồ Tát, chư vị nếu hơi khác chút ít thì là biệt giáo Bồ Tát.

Lại có thập địa Bồ Tát. Bồ Tát địa thứ nhất, Bồ Tát địa thứ hai, Bồ Tát địa thứ ba, cho đến Bồ Tát địa thứ mười. Có rất nhiều loại Bồ Tát, thiên sai vạn biệt, giống như chúng ta, mỗi người đều có bằng cấp khác nhau. Tổng quát, Bồ Tát giác ngộ là luôn thuyết đạo lý không chỗ chứng đắc. Các Ngài hiểu rõ tâm không bị bao loại pháp làm quái ngại (chướng ngại).

"Y cứ bát nhã bị ngại tề, (y cứ bát nhã đến bờ giác)".

Tâm không có quái ngại thì xa rời được báo chướng. Thân thể chúng ta chính là báo chướng. Tại sao chúng ta có thân thể ? Vì chúng ta có chỗ bị quái ngại. Không quái ngại thì khổ và vui đều như nhau, cũng không khổ không vui. Sống chết như nhau. Không sống, cũng không chết. Sống tức là chết. Chết tức là sống. Sống chết đều không động. Khổ vui như một. Thuận nghịch như nhau. Nơi cảnh thuận cũng như thế. Nơi cảnh nghịch cũng như thế. Chết sống như nhau, thuận nghịch như nhau, khổ vui như nhau, nói chung là không có một việc chi mà có thể làm cho tâm lay động được. Sao tâm không lay động ? Vì không có quái ngại. Không có việc gì quái thì cũng không có việc gì làm trở ngại. Có quái tức có ngại. Quái tức là mang đeo trên vai. Ngại là chướng ngại, có chỗ chướng ngại. Không quái ngại cũng là chấm dứt sống chết. Vì vậy bảo rằng sống chết tức niết bàn, phiền não tức bồ đề. Khi người nhị thừa chưa hiểu rõ đạo lý này, chư vị phải bảo họ rằng phiền não tức bồ đề, sống chết tức niết bàn, vì họ đã quên mất nên bỏ chạy xa, bảo rằng xưa nay tôi chưa từng nghe pháp : "Phiền não tức bồ đề, sanh tử tức niết bàn", tôi không tin đâu. Muốn giác ngộ sanh tử tức niết bàn, phiền não tức bồ đề thì chư vị phải nên xoay đầu trở lại. Tại sao chúng ta không hiểu bồ đề là gì ? Vì chúng ta bội giác hiệp trần (phản bội lại tánh giác và hiệp với trần lao). Phải nên bội trần mà hiệp giác.

Khi tâm không còn quái ngại thì sanh tử, khổ vui, thuận nghịch, tất cả cảnh giới đều không thể động được tâm. Lúc ấy rời xa báo chướng. Tại sao chúng ta không thể xa rời thân thể được ? Chỉ vì cho thân này là quan trọng. Tại sao từ sáng đến tối, ai ai cũng chạy đuổi theo danh theo lợi ? Chỉ vì lo cho thân mình. Tìm cách làm nô lệ tài giỏi, làm thân trâu ngựa cho thân này, không dám đối trị thân mình. Nhưng thân này không làm khách đối với chư vị chút nào hết. Tại sao ? Như vua Ba Tư Nặc, khi còn trẻ thì khí huyết dồi dào, nhưng đến lúc già tóc bạc mặt nhăn, chẳng bao lâu rồi chết. Chỉ vì còn quái ngại. Nếu không còn quái ngại thì chư vị không còn chấp trước vào nghiệp báo của thân. Có thân thì có báo chướng, nếu chư vị không còn quái ngại thì không còn chấp ngã. Vô ngã tức không có báo chướng. Thế nên, bảo rằng tâm không quái ngại tức xa rời báo chướng.

"Duy cụ chân không nê ngôn lự, (chỉ có chân không tuyệt ngôn ngữ)".

Tự tánh hay Phật tánh của chư vị đầy đủ thật tướng chân không. Chư vị phải tự đạt đến bản thể chân như của tự tánh mà không thể diễn tả bằng lời được. Vì vậy bảo rằng không nê ngôn lự nghĩa là không có ý tưởng nào mà có thể nghĩ tưởng được.

"Ký ngữ lai hiền cầu chư kỷ, (nhắc kỷ hiền sĩ cầu tri kỷ)".

Tôi có một lời muốn nhắc nhở những vị hiền nhân, những vị tu hành trong tương lai là nếu chư vị muốn tâm không quái ngại, đạt đến nơi không chứng đắc, thì phải tự cầu tri kỷ, không nên hướng ngoại tìm cầu, hướng ngoại truy cầu. Đạo lý không tu không chứng, không chỗ chứng đắc tức là lý tìm cầu chư kỷ, nghĩa là phải hồi quang phản chiếu, xoay lại tìm cầu chính mình.

"Đầu thượng an đầu tối ngu si, (đầu đạt trên đầu thật ngu si)".

Nếu chư vị hướng ngoại truy cầu đạo lý thì thật là ngu si, cũng giống như lấy đầu đặt lên đầu. Có ngu si lắm không? Thật rất ngu si. Đừng lấy đầu mà để lên đầu, phải nên hồi quang phản chiếu, xoay thân chuyển đầu trở lại. Nếu không chuyển được thân thì không thể đạt đến đâu cả.

"Vô quái ngại cố. Vô hữu khủng bố. Viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn, (tâm không quái ngại, không có khủng bố, xa rời điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh niết bàn)".

"Vô quái ngại danh chân phóng hạ  
Tái vô khủng bố nghiệp chướng trừ  
Viễn ly điên đảo sanh tướng phá  
Vọng tưởng thô tế sa hoặc như  
Tam chướng tiêu dung viên tam đức  
Lục căn hỗ dụng chứng lục thông  
Hội thủ diệu tướng thân thọ dụng  
Trí giả dịch ngộ mê nan đề

Dịch :

Không quái ngại chính là xả bỏ  
Lại không sợ hãi nghiệp chướng trừ  
Xa rời điên đảo phá sanh tướng  
Vọng tưởng thô tế như cát bụi  
Ba chướng tiêu dung tròn ba đức  
Sáu căn hỗ dụng chứng sáu thông

Biết rõ diệu tướng thân thọ dụng  
Người trí ngộ kẻ mê gặp hiểm".

Nếu tâm không quái ngại thì không có khủng bố sợ hãi. Không sợ hãi thì xa rời điên đảo mộng tưởng. Hết mọi mộng tưởng thì điên đảo không còn. Nếu không sợ hãi thì phá trừ được nghiệp chướng. Không còn mộng tưởng điên đảo thì phá trừ được phiền não chướng. Nhưng không quái ngại thật rất khó đạt đến. Có người bảo rằng tôi không lo nghĩ gì cho mình cả mà chỉ lo nghĩ về cha mẹ thôi. Không sai ! Đó là đạo hiếu thảo. Tuy là đạo hiếu nhưng vẫn còn quái ngại. Hoặc giả bảo rằng tôi không nghĩ gì về mình cả mà chỉ lo nghĩ cho vợ con thôi. Đó là tâm từ bi. Tuy là tâm từ bi, nhưng vẫn còn quái ngại. Hoặc giả nói là tôi có người bạn thân thiết lâu năm mà chưa gặp lại; tôi luôn nhớ nghĩ, tìm kiếm, nhưng không thể gặp được, đó là quái ngại. Nói chung, nếu chư vị xả bỏ không được tức là quái ngại. Xả bỏ được tức là không quái ngại. Vì vậy bảo rằng tên thật của không quái ngại là xả bỏ. Giảng đến đây, tôi nhớ một hòa thượng ở Tô Châu, Trung Quốc, tên là Đại Tu. Hoà thượng này thường tham thiền từ sáng đến tối. Sau này, việc gì Ngài cũng xả bỏ hết. Ngài viết câu phú đối liền :

"Vô đại vô tiểu vô nội ngoại  
Tự tu tự liễu tự an bài  
Dịch :  
Không lớn không nhỏ không trong ngoài  
Tự tu tự rõ tự an bài".

Nghĩa là không có chi lớn nhỏ, trong ngoài. Ngài đã tự tu tự liễu ngộ và tự an bài tất cả sự tình. Ngài an bài sự việc gì ? Thật kỳ quái ! Nơi Ngài ở là một hang đá, chỉ đủ cho một người ngồi thiền, lại dùng tảng đá lớn làm cửa hang. Trên cửa đá đó làm một then chốt để đóng để mở. Sau đó, Ngài ngồi thiền trong hang động đó và đóng cửa đá lại để tu hành. Tu hành đạt đạo xong, Ngài nhập niết bàn. Chư vị thấy có đơn giản lắm không. Ngài chân thật xả bỏ mọi duyên. Đó là không quái ngại.

Chúng sanh chúng ta thật rất điên đảo, sanh khởi tướng vô minh mà không thể phá trừ được. Nếu không có điên đảo thì chư vị không có thô hoặc, tế hoặc, trần sa hoặc, và làm việc gì cũng hợp với chân lý. Khi đó, ba chướng tức nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng đều tiêu trừ, và ba đức như đức giải thoát, đức bát nhã, đức pháp thân đều tròn đầy, viên mãn. Chư vị có thể dùng sáu căn hỗ dụng với nhau. Mỗi căn có diệu dụng của sáu căn. Khi đó chư vị có thể đắc được sáu thần thông. Sáu căn tức là

mắt tai mũi lưỡi thân ý. Mỗi căn đều có diệu dụng của tất cả căn. Chúng được sáu thần thông tức là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, túc mạng thông, tha tâm thông, lậu tận thông. Chư vị đã hiểu rõ đạo lý vi diệu này rồi thì phải nên thọ dụng chân chánh. Nếu hiểu rõ thì biết được đạo lý giác ngộ, còn ngược lại thì sẽ bị lạc vào đường tà hiểm nạn trùng trùng.

**"Cứu cánh niết bàn. Tam thế chư Phật, y bát nhã ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề, (cứu cánh niết bàn, ba đời chư Phật y theo bát nhã ba la mật đa nên đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề)".**

Đức vô bất bị chư chương trước  
Cứu cánh viên tịch hiệu niết bàn  
Quá khứ vị lai cập hiện tại  
Tam thế chư Phật bản đồng nguyên  
Y thừa bát nhã ba la mật  
Chí chánh đẳng giác vô thượng tiên  
Hành nhân đản năng cần tinh tấn  
Hà sàu bất hoạch pháp tánh điền  
Dịch :  
Đức chẳng bị bao chương ô trước  
Cứu cánh viên tịch gọi niết bàn  
Quá khứ vị lai và hiện tại  
Ba đời chư Phật vốn đồng nhau  
Y theo bát nhã ba la mật  
Đạt chánh đẳng giác vô thượng tiên  
Người tu nên siêng cần tinh tấn  
Lo gì không đến ruộng pháp tánh".

Vì chư vị phá trừ được báo chương, nghiệp chương, phiền não chương, nên xa rời được mộng tưởng điên đảo. Nhờ nghĩa lý cùng tốt của Tâm Kinh mà chúng ta mới biết rằng chúng sanh chúng ta sống trong chín cõi cũng như đang sống trong mộng. Trong mộng, chư Bồ Tát nguyện trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh; cầu Phật đạo, thành Phật đạo, độ chúng sanh đều là mộng cả. Chư Duyên giác mộng gì ? Tức là mộng tự thân mình làm việc thiện, ở trong thâm sơn cùng cốc tự tu tự liễu ngộ đạo. Tự mình làm việc thiện mà không thể làm hết mọi việc thiện ở thế gian, đó cũng là mộng. Chư Thanh Văn mộng chấp vào không, mộng nhập hữu dư niết bàn. Chư thiên mộng sống sung sướng, an lạc. Ở trên thiên cung họ cảm giác rất sung sướng, rất tự tại, cho là thọ diệu lạc thù thắng. Con người mộng trong danh lợi, cầu danh cầu lợi, thăng quan phát tài, suốt đời điên đảo, lấy khổ làm vui,

ngày ngày chạy đuổi theo mộng danh lợi. A Tu La mộng chiến tranh, giống như trong hiện tại, đảng này đảng nọ tranh giành quyền hành, đấu tranh lẫn nhau.

Loài địa ngục trong mộng thọ khổ. Loài ngạ quỷ trong mộng bị đói khát. Loài súc sanh trong mộng bị ngu si. Mỗi cõi trong chín pháp giới đều có mộng riêng. Duy chỉ có Phật là đạt đến niết bàn cứu cánh, không còn mộng nữa. Niết nghĩa là không sanh, bàn nghĩa là không diệt. Vì thế, người không hiểu Phật pháp nói niết bàn là chết mất. Cái chết này khác với sự chết của phàm phu. Cái chết này là do tự ý mình chết, mình biết rõ sẽ chết. Sao gọi là tự nguyện chết ? Nhân vì phạm hạnh đã lập, hạnh thanh tịnh đã có, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, tức theo ý nguyện mà nhập vào cảnh giới niết bàn không sanh không diệt, và dự biết thời lúc nhập niết bàn. "A ! Tôi tự dự biết thời lúc nhập niết bàn".

Tại sao hiểu rõ sự chết ? Khi sắp nhập niết bàn hiểu biết rõ ràng, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý không điên đảo. Thân không bệnh khổ. Tâm không tham tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, thức ăn, ngủ nghỉ. Ý không điên đảo tức là ý nghĩ trước lúc nhập niết bàn không điên đảo, thần trí thanh tịnh rõ ràng. Người tu hành trước lúc nhập niết bàn tự biết giờ khắc, ngày tháng mình sẽ nhập niết bàn, nói chuyện với mọi người rành mạch rõ ràng. Đó gọi là minh bạch, hiểu rõ. Lại nữa, không nên nói niết bàn là chết, vì niết bàn là không sanh không diệt. Tại sao có chết ? Vì có sanh. Nhưng khi nhập niết bàn thì không còn sanh còn chết nữa.

"Đức vô bất bị chư chương trực, (đức chẳng bị bao chương ô trực)".

Đức hạnh viên mãn, tròn đầy, tất cả chương ngại đều không còn.

"Cứu cánh viên tịch hiệu niết bàn, (cứu cánh viên tịch gọi niết bàn)". Tất cả chương ngại không còn nên gọi là viên tịch, cũng là niết bàn. Niết bàn là chữ Phạn, dịch qua tiếng Tàu là viên tịch. Viên tịch tức là đạo không gì mà không tròn đầy, đức không gì mà không tịch. Đạo đã viên mãn. Đức đã đạt đến nơi tịch tĩnh. Sao nói đức không gì mà không tịch ? Đức đã đạt đến tốt điểm nghĩa là đạt đến điểm cùng tốt của đức tánh thường lạc ngã tịnh, đức và tướng khế hợp nhau. Thế nên đắc được nơi an lạc tịch tĩnh.

"Quá khứ vị lai cập hiện tại, (quá khứ vị lai cùng hiện tại)

Tam thế chư Phật bốn đồng nguyên, (ba đời chư Phật vốn đồng nhau)". Ba đời chư Phật cũng là chư Phật trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Không

những chư Bồ Tát y chiếu theo pháp môn niết bàn cứu cánh tu hành mà chư Phật trong ba đời cũng đều y theo đó mà tu hành.

"Y thứ bát nhã ba la mật, (y theo bát nhã ba la mật)

Chí chánh giác đẳng vô thượng tiên, (đạt chánh đẳng giác tiên vô thượng)".  
Ba đời chư Phật đều y chiếu theo trí huệ vi diệu của bát nhã mà đắc được a nậu đa la tam miệu tam bồ đề, nghĩa là đắc đến quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vô thượng có nghĩa là không gì cao siêu sánh bằng được. Là ai ? Tức là Phật. Chánh đẳng là Bồ Tát. Chánh giác là nhị thừa. Chánh giác cùng phàm phu không đồng. Phàm phu không giác ngộ. Phàm phu luôn tạo việc sai lầm, mà không tự biết mình làm việc sai lầm, lại cũng không biết hối cải, nên gọi là bất giác. Chánh giác là người nhị thừa đã đạt đến. Thanh Văn Duyên Giác vì đã đạt được giác ngộ nên không đồng với phàm phu, nhưng không thể thành chánh đẳng được, không giống như Bồ Tát hành lục độ vạn hạnh, tự mình giác ngộ rồi lại dạy người giác ngộ theo: tự độ, độ người, tự lợi lợi người. Người nhị thừa chỉ tự liễu ngộ, không lo cho người khác, nên không phải là chánh đẳng. Bồ Tát đạt đến quả vị chánh đẳng, nhưng chưa đạt được quả vị vô thượng. Đạt được quả vị chánh đẳng tức là gần quả vị Phật, gọi là Bồ Tát đẳng giác. Bồ Tát tuy đạt được quả vị chánh đẳng nhưng chưa đạt đến quả vị vô thượng. Chỉ có Phật mới đạt đến thôi, nên gọi Phật là đáng vô thượng sĩ, điều ngự trượng phu, hay vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ba đời chư Phật đều y chiếu theo trí huệ bát nhã này mà đạt đến bồ giác. Do đó, bảo rằng đạt đến chánh đẳng giác vô thượng tiên, cũng tức là Phật. Phật cũng được xưng là vị tiên đại giác kim.

"Hành nhân đản năng cần tinh tấn, (người tu nên siêng cần tinh tấn)".  
Người tu hành phải nên hướng về trước mà tinh tấn dững mãi, chớ thối lui quay lại. Chớ phơi nắng một ngày, rồi để lạnh mười ngày. Phải nên tu đạo năm này qua tháng nọ, ngày này qua ngày nọ, giờ này qua phút nọ. Thời thời khắc khắc tinh tấn tu hành. Ngày ngày, tháng tháng, năm năm năm, trong mọi thời gian đều tu hành tinh tấn. Không nên hôm nay tu, ngày mai thôi, hay bước lên một bước nhưng lại lùi năm bước.

"Hà sâu bất hoạch pháp tánh điền, (lo gì không đến ruộng pháp tánh)".  
Chư vị phải nên tinh tấn thì mới đạt đến ruộng pháp tánh. Pháp tánh ví như thửa ruộng. Nơi thửa ruộng này, chư vị gieo giống thì sẽ thu hoạch được, chỉ yếu là chư vị phải cần mẫn chăm sóc lúa mạ thì sẽ thu hoạch được. Thửa ruộng pháp tánh tức là chính tự pháp thân mà chư vị đang tu hành đây. Khi

tự tánh viên mãn thì sẽ thành Phật, cũng giống như từ trong ruộng pháp tánh sanh xuất ra lúa thóc.

Có một vị tu hành rất tinh tấn. Tu mãi cho đến khuya chẳng ngủ, nhưng đợi đến sáng thì đi ngủ. Đó không phải là tu đạo, không thể gọi là tinh tấn được. "A ! Chư vị ngủ mà tôi thì chưa ngủ". Nhưng đến sáng hôm sau người ta thức, còn chư vị thì đi ngủ. Đó không gọi là tinh tấn. Tối không ngủ mà sáng lại ngủ thì không đúng.

**"Cô tri bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư, (vì thế nên biết bát nhã ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, luôn trừ tất cả khổ, chân thật không hư)".**

"Thị đại thần chú năng cùng trắc  
Thị đại minh chú chiếu tam thiên  
Thị vô thượng chú trần giác quả  
Vô đẳng đẳng chú chí cực đỉnh  
Trừ nhất thiết khổ luân hồi hựu  
Chân thật bất hư các hướng tiền  
Dĩ thượng hiển thuyết thâm bát nhã  
Lược giải đông tây tổ sư thiên  
Dịch :

Là đại thần chú khó đo lường  
Đại minh chú chiếu ba ngàn cõi  
Là chú vô thượng đạt quả giác  
Chú không gì sánh tột cùng cực  
Trừ tất cả khổ, ngưng luân hồi  
Chân thật không hư đồng hướng trước  
Trên nói rõ bát nhã thâm thâm  
Lược giải đông tây tổ sư thiên".

"Thị đại thần chú nan cùng trắc, (là đại thần chú khó đ lường)".

Trên đã bàn về lý bát nhã ba la mật đa là trí huệ vi diệu đạt đến bờ giác, là pháp đại thần chú. Sao gọi là đại (lớn) ?

Lớn tức là so với nhỏ mà nói. Lớn này là cái lớn mà không ngoài cái lớn, lại không thể lớn hơn nữa. Nếu ngoài cái lớn này còn có cái lớn hơn nữa thì chính nó là nhỏ. Vì lớn mà không ngoài cái lớn, nên không có gì so sánh lớn



bằng được. Sao gọi là thần chú ? Thần tức là không thể nghĩ bàn. Chữ thần này gần giống với chữ tư và chữ diệu; diệu nghĩa là bất động; thần là động; diệu là ngay nơi bất động mà quan sát thấy rõ hết tất cả sự việc, nên không cần dùng động. Thần không động là không phải thần, nên phải động. Thần tức là thần thông. Thông tức là thông quá khứ. Thông này cũng nghĩa là động. Không dùng động mà có thể biết, đó là diệu. Chư Phật tại những cõi nước khác giáo hóa chúng sanh, thành đạo, nhập niết bàn, mình đều biết hết, giống như khi phóng phi thuyền lên mặt trăng, liền biết mặt trăng ra thế nào, đất như thế nào, cấu tạo ra sao ? Đó là bàn về một điểm nhỏ của thần. "Diệu", không cần đến nơi đó mà vẫn biết mặt trăng ra sao, lại không dùng toán số mà tính, không dùng lý khoa học mà luận bàn nhưng vẫn biết, lại không động đạo tràng mà biết tất cả. Thần phải cần động đạo tràng, phải đến nơi kia mới biết rõ.

Sao gọi là chú ? Chú là lời bí mật không thể nghĩ lường. Chú có bốn ý nghĩa.

Thứ nhất là tất cả chú đều có tên của quý thần vương như Tỳ Xá Giá, Cưu Bàn Trà. Chư vị tụng niệm tên của các vua quý thần thì các quý nhỏ thần nhỏ cũng hiểu rõ. Tại sao ? "A ! Làm sao chư vị biết quý vương, thần vương của chúng tôi ?"

Các quý nhỏ thần nhỏ không dám không thủ quy củ.

Thứ hai là chú như mật lệnh trong quân đội. mật lệnh trong quân đội là khẩu lệnh. Trong quân đội, mỗi ngày khẩu lệnh khác biệt, không đồng, chỉ những người có chức vụ mới biết khẩu lệnh thôi, người ngoài không thể biết được. Ví như khẩu lệnh hôm nay là "thắng lợi". Trong quân đội đều biết khẩu lệnh đó là "thắng lợi". Nếu tôi không biết chư vị, nhưng khi gặp nhau thì hỏi khẩu lệnh. Chư vị bảo "thắng lợi". Như thế là đúng, chính là người trong quân đội của mình. Nếu tôi hỏi chư vị khẩu lệnh mà chư vị đáp "kiết tường", thì là sai rồi, nên phải nổ súng. Tại sao vậy ? Vì chư vị không phải là người thuộc quân tôi. Chú cũng như khẩu lệnh. Chúng ta tụng chú thì quý thần đều đến nghe. Khẩu lệnh của chúng ta cũng như thế, tất cả quý thần đều hiểu rõ và đều thủ quy củ, nếu không thì chúng cùng chư vị chiến đấu lẫn nhau.

Thứ ba là lời mật ngữ, người ngoài không thể biết được, chỉ có mình biết thôi. Ví như có người nghèo hèn, vì tham tiền của nên chạy ra nước ngoài. Người ngoại quốc không biết ông ta có sao mà bỏ nước đi. Khi được hỏi, ông ta đáp : " Tôi là vua của nước kia. Vì quân nhân đảo chánh. Quốc gia rối loạn, nên tôi chạy đến nước này tị nạn".

Vua nước đó tuy không biết là thật hay giả, nhưng cũng cho là thật, nên gả công chúa cho hắn. Sau khi gã nghèo hèn kia kết hôn cùng với cô công chúa, liền làm dạng như mình chính là một ông vua. Từ sáng đến tối khởi tâm nóng giận, càng ngày càng hung dữ thêm. Sau này, có người nhận ra hắn là kẻ nghèo hèn, nên đến nói với công chúa : " Khi hắn phát cáu, nóng giận, công chúa hãy nói như vậy ' Ông vốn là kẻ nghèo hèn, nhưng khi đi qua xứ khác, sao nổi sân quá vậy ?'".

Sau khi biết là có người nhận ra lai lịch của mình, nên không dám khởi tâm nóng giận nữa. Chư vị tụng niệm chú, quý thần biết chư vị nhận ra lai lịch, việc làm của chúng là gì, nên khi đối mặt với chư vị, không dám không thủ quy củ.

Thứ tư, chú là tâm ấn, mật ngữ của chư Phật, chỉ Phật và chư Phật biết thôi, còn chúng sanh thì không thể hiểu. Vì vậy không thể phiên dịch chú được. Lại nữa, dùng một âm thanh diễn thuyết chú, chúng sanh tùy loại mà tôn thủ. Loại chúng sanh nào thì nghe hiểu loại chú đó. Ví như hiện nay, tuy chúng ta không hiểu lời chú nhưng quý thần vương, A Tu La, súc sanh, yêu ma quý quái đều hiểu rõ. Do đó, một khi đọc chú, chúng đều hiểu cả. Xưa kia có ông vua cần tiên đà bà. Tiên đà bà là tiếng Phạn. Nó có bốn tên khác nhau, tức là muối, nước, ngựa, đại tiểu tiện. Thế nên, khi vua bảo rằng ta cần tiên đà bà thì những quan đại thần không biết là muối, nước, ngựa, hay đại tiểu tiện. Nhưng có một vị thông minh trí huệ, khi nghe vua nói tiên đà bà liền biết nhà vua cần gì. Khi ăn cơm, cần tiên đà bà, đương nhiên là không phải đại tiểu tiện mà là cần muối. Khi nhà vua chuẩn bị ra đường thì gọi "tiên đà bà". Người kia hiểu rõ là nhà vua cần ngựa. Khi vua khát mà gọi tiên đà bà thì chắc chắn là nhà vua cần nước. Khi thấy nhà vua không khát nước, không ăn cơm, không ra đường, thì biết là nhà vua muốn đi đại tiểu tiện. Thế nên, khi đọc chú ra, quý thần có trí huệ liền biết ngay, còn quý thần khác thì không biết đến.

"Nan cùng trắc. (Khó đo lường)".

Nan tức là khó khăn, không dễ dàng. Cùng nghĩa là cùng tận. Trắc nghĩa là thôi trắc (đo lường). Biểu thị cho đại thần chú này không thể suy lường, biết đến được, vì là cảnh giới không thể nghĩ lường. Lên một bậc, tôi sẽ giảng cho chư vị nghe về chữ thần và chữ diệu. Thần là chung quy vào cái động không thể nghĩ bàn. Diệu là chung quy nơi tịnh không thể nghĩ bàn. Động tịnh đều không thể nghĩ bàn. Trong động không thể nghĩ bàn là thần. Trong tịnh không thể nghĩ bàn là diệu. Thế nên, thần cũng là diệu, mà diệu cũng

chính là thần. Không phải thần tức không phải diệu. Không phải diệu tức không phải thần. Thần diệu khó đo lường. Vì vậy, hiện tại, tôi không có cách nào để giảng tường tận rõ ràng, vì cái đó quá thần quá diệu.

"Thị đại minh chú chiếu tam thiên, (là đại minh chú chiếu ba ngàn cõi)". Tâm kinh bát nhã ba la mật này cũng chính là đại minh chú. Đại minh tức là tạng tánh Như Lai sáng suốt chói ngời. Tạng đại quang minh, đại minh chú chiếu soi phá trừ tất cả vô minh hắc ám. Nói về hướng nội, chư vị phải tụng tâm kinh, để phá trừ tất cả vô minh hắc ám, phiền não từ đời vô thủy cho đến ngày nay. Tự chiếu soi phá trừ vô minh phiền não của mình. Nói về hướng ngoại, tức là chiếu soi khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới. Khi chư vị niệm đại minh chú này thì sẽ phóng ánh sáng. Ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nên bảo rằng đại minh chú chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Ba ngàn đại thiên thế giới tức là thế giới bên ngoài. Tự chúng ta phá trừ tự tánh phiền não, thì chính là phá trừ thế giới phiền não bên trong. Trong là ngoài, ngoài mà là trong. Trong ngoài đều chiếu sáng. Ánh sáng trí huệ trong ngoài của chư vị đều hiện tiền. Ánh sáng này chính là bản thể trí huệ của chư vị. Trí huệ sẵn có của chư vị chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

"Thị vô thượng chú trần giác quả, (là chú vô thượng đạt quả giác)". Vô thượng tức là không có gì cao bằng. Quả vị Phật cao thượng nên gọi là vô thượng. Chư vị tụng tâm kinh bát nhã ba la mật đa chính là bước từng bước từ địa vị phàm phu mà tiến lên quả vị Phật, đạt đến quả vị giác ngộ vô thượng, nên gọi là trần giác quả. Trần tức là đã đạt đến. Đạt đến nơi giác quả.

"Vô đẳng đẳng chú chí cực đỉnh, (chú không gì sánh tốt cùng cực)". Vô đẳng tức là không còn gì so sánh bằng được. Đó chính là quả vị Phật tối thượng, quả vị giác ngộ cao tốt. Thế nên đạt đến tốt đỉnh, tức là đỉnh núi cao nhất.

"Trừ nhất thiết khổ luân hồi hưu, (trừ tất cả khổ, ngưng luân hồi)". Việc quan trọng nhất là phải trừ được tất cả khổ. Nếu không thể trừ được tất cả khổ thì tụng kinh có ích chi. Tất cả khổ ách đều có thể trừ hết cả. Khổ có ba khổ : khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Tám khổ : sanh già bệnh chết khổ, khổ vì thương nhau mà xa lìa, khổ vì gần gũi người mình oán ghét, khổ vì cầu mà không được toại nguyện, khổ vì năm ám thường thay đổi hừng thịnh (khổ này rất khó dẹp trừ). Nếu dẹp trừ hết tất cả khổ thì dòng luân hồi liền chấm dứt. Nếu không thoát ra khỏi dòng luân hồi thì không thể nghỉ ngơi, nghĩa là cắt đứt được sanh tử thì xuất ra khỏi dòng luân hồi. Muốn dẹp trừ khổ thì phải làm gì ? Phải chặt đứt khổ vì kiến ái, ái dục, sắc ái, vô sắc ái, vô minh sắc ái, cùng năm trụ và hai tử phải vĩnh viễn mất. Năm trụ gồm có : ái trụ tức là phiền não kiến ái trụ; dục ái trụ tức là phiền não dục ái; sắc ái trụ

tức là phiền não sắc ái; vô sắc ái trụ là phiền não vô sắc ái; vô minh ái trụ là phiền não vô minh ái. Sao gọi là trụ ? Trụ nghĩa là kiên lao, cứng chắc, kiên cố bất động.

Hai tử vĩnh vong. Có vài người chưa từng nghe giảng kinh thuyết pháp, bảo hai tử tức là hai lần chết. Không phải thế ! Con người có hai loại sanh tử : phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Sao gọi là phần đoạn sanh tử ? Tức là chư vị có một phần, tôi có một phần, nên gọi là phần. Chư vị có một đoạn thân phần. Tôi có một đoạn thân phần. Từ ngày sanh đến ngày chết có một đoạn thời gian. Từ dưới chân lên đến đầu có một phần đoạn. Đó gọi là phần đoạn sanh tử. Tứ quả A La Hán chặt đứt được phần đoạn sanh tử; còn biến dịch sanh tử thì chưa xong.

Bồ Tát có thể cắt đứt biến dịch sanh tử. Danh xưng của Bồ Tát rất thần thánh. Bồ Tát là danh xưng ngắn gọn, nói cho đủ tức là Bồ Đề Tát Đỏa. Có người tuy không phải là Bồ Đề Tát Đỏa mà lại cho mình chính là Bồ Đề Tát Đỏa. Có người chính mình là Bồ Đề Tát Đỏa mà lại không thừa nhận mình là Bồ Đề Tát Đỏa. Chư vị xem, kỳ lạ lắm không ? Vậy là thế nào ? Không phải mà bảo là phải. Phải mà bảo là không phải. Không phải tức là không phải. Phải cũng không thể nói được. Là Bồ Đề Tát Đỏa mà chư vị không cần nói mình là Bồ Đề Tát Đỏa mới chính thực là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề Tát Đỏa không phải do chính mình tự quảng cáo trên báo chí : " Chư vị có biết tôi chính là Bồ Đề Tát Đỏa không ?"

Không phải như thế. Vậy, làm sao mới phải ? Là Bồ Đề Tát Đỏa phải tôn giữ tâm Bồ Tát, hành hạnh Bồ Tát, làm việc Bồ Tát, không thể nói mình là Bồ Tát trên đầu môi chót lưỡi. Trên đầu môi chót lưỡi nói mình là Bồ Tát tức là quỷ của ma chướng, quỷ của nghiệp chướng. Tại sao ? Giống như vài Quan Đế Công của tà thần ngoại đạo. "A ! Ta là Quan Đế Công. Quan Đế Công đã đến !".

Kỳ thật nó chính là tiểu quỷ. Thậm chí cũng không phải là tiểu quỷ nữa, mà chính là súc sanh tà tri tà kiến biến hóa thành. Trong kinh Pháp Hoa có nói về một loại mèu tinh. Mèu tinh này giả biến thành thần. Chân chánh là Bồ Đề Tát Đỏa thì không tự bảo mình là Bồ Đề Tát Đỏa. Ví như Tổng thống đến nơi nào thì không cần tự mình giải thích mình chính là tổng thống. " Chư vị có nhận ra hay không ?"

Không cần giảng giải cho mọi người biết. Thế nên, chư vị là Bồ Đề Tát Đỏa người khác cũng biết. Chư vị không phải là Bồ Đề Tát Đỏa, người khác

cũng biết. Nếu chư vị là Bồ Đề Tát Đỏa, vậy có bằng chứng gì ? Tôi nói cho chư vị biết nếu là Bồ Đề Tát Đỏa thì cắt đứt được hai loại chết, tức phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Sao gọi là biến dịch sanh tử ? Niệm này sanh rồi niệm kia diệt, không dừng nghỉ. Nếu thường tại định thì không lúc nào lại không trụ trong định, đã chấm dứt được sanh tử. Cắt đứt được phần đoạn sanh tử, biến dịch sanh tử thì mới chân thật là Bồ Đề Tát Đỏa. Nếu chư vị không nhận rõ được thì ngay nơi đó chính là sự vi diệu. Chân chánh Bồ Đề Tát Đỏa chư vị phải nên nhận ra. Khi ấy chính chư vị cũng là Bồ Đề Tát Đỏa.

"Chân thật bất hư các hướng tiền, (chân thật không hư hướng trước)". Phần đoạn sanh tử đã hết, biến dịch sanh tử đã hết, năm trụ đã đạt đến cùng tột, đây mới thực là chân chánh trừ tất cả khổ trong dòng sanh tử, được rảnh rồi, nghỉ ngơi. Đó thực là Bồ Đề Tát Đỏa, không phải giả. Chư vị muốn làm Bồ Đề Tát Đỏa không ? Nếu muốn thì phải tiến bước tu hành, đồng mãnh tinh tấn hướng về phía trước, đừng học theo các tỳ kheo, sa di, cư sĩ làm biếng, cả ngày từ sáng đến tối đều ngủ gà ngủ gật, đôi mắt mở không nổi. "Dĩ thượng hiển thuyết thâm bát nhã, (trên nói rõ bát nhã thâm tha)". Phần trên nói rõ về lý lẽ cao thâm của tâm kinh bát nhã ba la mật đa này. Phần văn kinh bên dưới thì thuộc về mật thuyết (lời nói bí mật). "Lược giải đông tây tổ sư thiên".

Những câu kệ bên trên tôi đã nói là để giải thích về phương pháp tọa thiền của chư tổ sư ở đông phương lẫn tây phương. Phương pháp tọa thiền là gì ? Câu kệ đầu tiên ở bên trên có nói : "Hồi quang phản chiếu quán tự tại". Giác ngộ cho loài hữu tình tức là Bồ Đề Tát Đỏa. Chư vị phải nên hồi quang phản chiếu (đem ánh sáng trí huệ phản chiếu lại tự tâm mình). Ai ai cũng có đầy đủ đức tướng Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp mà không thể chứng đắc được quả vị Phật. Nếu muốn đắc được đức tướng trí huệ của Như Lai, chư vị phải nên xoay lại ánh sáng tự tâm mình và đừng nên chấp trước. Phải tụng đọc câu kệ này cho thành thực, cùng tham thiền đả tọa. Lời dạy của chư tổ sư ở tây phương hay đông phương đều như thế. Tây phương tức là Ấn Độ. Đông phương tức là Tàu. Hiện tại tây phương không phải là Ấn Độ cũng không phải là Tàu. Vậy là nước nào ? Đông tức là đông phương. Tây tức là tây phương. Phương hướng vẫn không biến đổi, nhưng hoàn cảnh lại đổi thay. Tại tây phương phải cần xuất hiện tổ sư. Hiện tại, chư tổ sư bên đông phương có rất nhiều vị đi qua tây phương hoằng pháp ví như nước chảy. Ai muốn làm tổ sư thì chớ nên ngủ nhiều thì mới có thể làm được. Ngày nay, đông cũng không phải là đông, tây cũng chẳng phải là tây, nên không thể gọi là đông hay tây. Nam bắc cũng như thế. Tại sao ? Chúng ta có mối quan hệ khăng khít với mặt trăng. Thế nên chúng ta không biết phải đi

theo bên nào. Đông tây nam bắc đều không thể lập. Ngày nay, chúng ta là một nguyên hợp, trung tâm. Tuy là trung tâm mà không phải là trung tâm, lại biến thành lớn mà không ngoài cái lớn, nhỏ mà không nằm trong cái nhỏ. Tuy có lớn nhỏ nhưng không có trong ngoài. Bên trên tôi có nói : "Không lớn không nhỏ, không trong ngoài. Tự tu tự liễu tự an bài".

Đạt đến cảnh giới này, chư vị thấy có vi diệu lắm không ! Khi ấy một điểm phiền não hay buồn bực gì cũng không còn. Nhưng cùng tột của cảnh giới đó không lớn không nhỏ, không trong không ngoài là gì ? Chư vị phải tự hiểu rõ. Tôi không cần nói nhưng chắc chư vị sẽ hiểu rõ. Nếu chư vị không muốn biết, dẫu tôi có nói ra đi nữa thì chư vị cũng không thể biết được.

**"Cô thuyết bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết : yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha, (nên thuyết ra chú bát nhã ba la mật đa. Tức thuyết chú rằng : yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha)".**

"Chú nãi mật phân phi tư lượng  
Nhu vương chiếu chỉ kiểm đồng đạo  
Diệc dĩ quân trung bí mật lĩnh  
Vấn đáp bất phù tiện chấp hành  
Đại thừa diệu lý ly phân biệt  
Phàm phu tri kiến vọng duyên chân  
Nhân chỉ vọng nguyệt chỉ phi nguyệt  
Tạ chú minh tâm chú tức tâm  
Dịch :  
Chú là mật, không thể suy luận  
Nhu chiếu chỉ vua cùng tôn kính  
Là lĩnh bí mật trong quân đội  
Vấn đáp hợp liền phải chấp hành  
Diệu lý đại thừa rời phân biệt  
Tri kiến phàm phu vọng thay chân  
Ngón tay chỉ trăng chẳng phải trăng  
Nhờ chú sáng tâm, chú tức tâm".

Ấn Độ, câu chú không thể dịch ra thành nghĩa nhưng phiên dịch chữ chú không phiên dịch âm. Vì vậy không thể giảng hay suy tưởng nghĩ bàn được. "Chú nãi mật phân phi tư lượng, (chú là mật không thể suy luận)". Chú thuộc về mật giáo. Trong mật giáo không thể giảng giải chú được.

Không thể dùng tư tưởng mà suy luận được, vì nơi đó, đường ngôn ngữ đứt bật, tâm hành nơi tịch diệt.

"Nhu vương chiếu chỉ kiểm đồng tôn, (như chiếu chỉ vua cùng tôn kính)".  
Chú cũng giống như chiếu chỉ của nhà vua, mà ở trên đã giảng qua về bốn loại ý nghĩa của tiên đà bà. Kiểm đồng tôn tức là một khi chiếu chỉ nhà vua ban ra thì quan dân đều phải tuân phục.

"Diệt thị quân trung bí mật lệnh, (lại là mật lệnh trong quân đội)".

Chú giống như lệnh bí mật trong quân đội. Như trên đã bàn qua, trong quân đội, mỗi ngày đều có khẩu lệnh như "thắng lợi". Nếu khi gặp người lính mình không quen biết, mà hấn hỏi khẩu lệnh là gì. Chư vị bảo : "thắng lợi", đó là thuộc quân đội của mình, không cần giải thích. Nếu khi hấn hỏi khẩu lệnh mà chư vị nói : " Kiệt tường", vậy là sai rồi, nên hấn sẽ nổ súng bắn chư vị. Trong quân đội, vì quân lính rất nhiều nên mỗi ngày phải có mật lệnh để cho người ngoài không thể lọt vào quân đội được. Nghĩa của chú cũng như thế.

"Vấn đáp bất phù tiện chấp hành, (vấn đáp không hợp phải chấp hành)".  
Nếu chư vị vấn đáp mà không hợp với khẩu lệnh thì họ phải thi hành nhiệm vụ.

"Đại thừa diệu lý ly phân biệt, (diệu lý đại thừa rời phân biệt)".

Bát nhã thuộc pháp đại thừa. Đây là pháp đại thừa diệu lý không thể nghĩ bàn, không thể phân biệt, quét sạch tất cả pháp, xa rời tất cả tướng. Bát nhã tùy thuyết tùy liễu ngộ.

"Phàm phu tri kiến vọng duyên chân, (phàm phu tri kiến vọng thay chân)".  
Phàm phu chứa bao vọng tướng, tri kiến, kiến giải phan duyên, lầm nhận tất cả pháp chân thật, nhận kẻ trộm làm con, chấp trước mọi vật có hình có tướng có bóng ảnh.

"Nhân chỉ vọng nguyệt chỉ phi nguyệt, (ngón tay chỉ trăng chẳng phải trăng)".

Kinh điển chỉ dẫn con đường tu hành cho mình, như dùng ngón tay chỉ mặt trăng, bảo rằng mặt trăng ở nơi kia, nhưng có người không y theo ngón tay để nhìn mặt trăng mà chỉ nhìn vào ngón tay, cố chấp cho ngón tay là mặt trăng. Chư vị chớ nhận lầm ngón tay là mặt trăng. Kinh điển chỉ dẫn cách tu hành, chứ kinh điển không phải là đạo. Đạo là chính tự chư vị phải tu trì, không nên cho kinh điển là đạo.

"Tạ chú minh tâm chú tức tâm, (nuơng chú sáng tâm, chú tức tâm)".  
Nuơng nhờ oai lực của chú để làm sáng tâm vì lời chú không thể nghĩ bàn. Chư vị lại phải nên xa rời tâm phân biệt, tâm phan duyên, tất cả tâm vọng tưởng. Tuy không hiểu nghĩa khi trì chú, nhưng ngay nơi không hiểu đó mới thật là hiểu. Thế nên, nhờ oai lực của chú để làm sáng tâm và thấy tánh. Chú cũng là tâm. Khi đã minh tâm kiến tánh, chư vị sẽ hiểu rõ ý nghĩa của chú.

---o0o---

**HẾT**